NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

CHUYỆN KHOA HỌC VIỆT-NAM

BIBLIOTHEQUE
P. PASQUIER
M
18991

Nhà xuất bản VĂN HỒNG

T. ĐẠT

718991

TRỌNG-LỰC
NGUYỄN-CÔNG-HUÂN
thuật

CHUYỆN KHOA-HỌC VIỆT-NAM

THỦ PHẠM CHỈ LÀ MỘT CON CÁ. CÂU CHUYỆN DỦI DO CỦA BA NGƯỜI LÍNH LÊ-DƯƠNG — MỘT THỨ NẤM GIẾT ĐƯỢC LOÀI DẾ DŨI. --RẮN PHỦ MÈO — CON CHÓ, CON GÀ, BA BA, CON CÓC - TÒ VÒ MÀ NUÔI CON RỆN — NGƯỜI ĂN BỌ XÍT — MA NÉM — ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO -- MỘT BUỔI ĐÁNH ĐỒNG THIẾP — CON CÓC LÀ CẬU ÔNG GIỜI — VỤ ÁN TRÚC ĐÀO — CON MA LỌ — CÂY ĐOẠN-TRƯỜNG-THẢO. CÂY TRƯỜNG - SINH - THẢO·

BIBLIOTHEQUE
PIERRE PASQUIER
97311

IN LẦN THỨ NHẤT
Nhà xuất bản Vũ-Hùng
HÀ-NỘI

SOẠN GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

TỰA

VIỆT-Nam là một nước có nhiều chuyện và cổ-tích. Một đặc-điểm trong phong tục của một côn trùng, một sự ngẫu nhiên hay những cây cối và loài vật chỉ có liên can với nhau rất xa-xôi, các thứ ấy đều có thể thành chuyện hay là cổ-tích cả.

Ta lại có thể thêm vào chiêm-nghiệm ấy là người dân quê Việt-Nam thường rất hay nhẹ dạ, quá tin. Sinh sống một cách khó khăn và lúc nào cũng bị sự đói kém và nghèo nàn đe dọa, người dân quê không những bị người đồng loại áp-bức, lại còn chịu ảnh hưởng của những sức mạnh không ngờ thường đè nén và làm họ đau-đớn. Vì thế cho nên, muốn sống còn, người dân quê phải lấy lòng người và thần thánh nữa.

Những sách chuyện và cổ-tích của Việt-Nam đã xuất bản đến ngày nay kể rất lắm và dành cho một hạng người nhiều hay ít đọc.

Nhưng khác hẳn với loại chuyện và cổ-tích mà người ta đã được biết, những chuyện mà chúng tôi thuật ra đây có một tính cách riêng. Nhiều chuyện có thực hay có người đã được mục kích hay đã do những người đáng tin kể lại. Nếu bảo rằng gốc các chuyện ấy là do ở tính nhẹ dạ của

BIBLIOTHEQUE PIERRE PASQUIER
97811

người dân ở đồng ruộng hay ở rừng núi đã tạo nên thì thật ra những chuyện ấy cũng có mục-đích là dùng khoa-học để giải thích các tin tưởng và sự mê tín của người dân lương thiện.

Chúng tôi không dám nói rằng có thể dùng khoa-học mà giảng giải hết thảy chuyện và cổ-tích của một nước ; tuy nhiên đây là lòng tin tưởng của chúng tôi về tương lai.

Muốn hiểu thấu một dân tộc thì phải biết lịch sử và cổ-tích của dân tộc ấy, vì càng biết thưởng thức chân giá trị của một chuyện hoặc một cổ tích nào thì càng làm cho ta hiểu họ hơn.

Trong công việc ấy chúng tôi đã nhờ khoa-học dẫn đường chỉ lối ; nhờ có khoa-học mà chúng ta có thể bắc một chiếc cầu chắc chắn từ Đông sang Tây, và trái ngược với ý kiến của một nhà đại văn-hào nước Anh, Đông với Tây đã gặp nhau và bao giờ cũng có thể gặp nhau ở trên lập-trường khoa-học, cái khoa-học mà đâu cũng cho là Tổ-Quốc.

Hà-nội, ngày mồng một tháng Ba dương-lịch 1950

TRỌNG-LỰC

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Thủ phạm chỉ là một con Cá

Kính Tặng THÂN-PHỤ tôi, một người thích khảo-cứu và đã làm cho tôi biết yêu khoa-học.

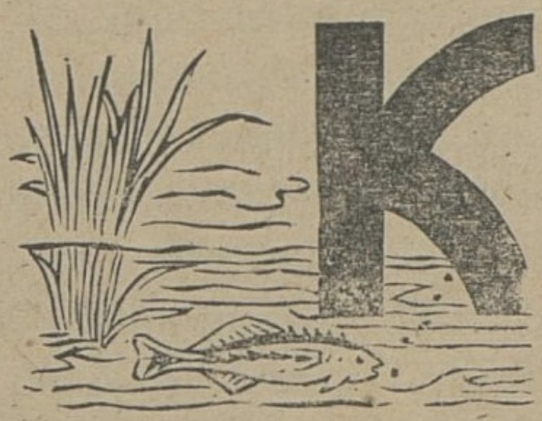

KHI ấy lúa chiêm cấy đã xong, nhưng gặp phải giời đại-hạn cho nên nhiều nơi ở Bắc-Việt ruộng bị nứt nẻ và chỗ nào nông-dân cũng phải tốn rất nhiều công để tát nước vào ruộng lúa. Tại Bắc-Ninh, về vùng G..B.. có mấy trăm mẫu ruộng hơi cao, ở trên bờ một con sông nhỏ, bị lâm vào cảnh đại hạn một cách đặc biệt đã hai tháng nay. Nếu cấy lúa xong rồi mà không đủ nước trong ruộng thì khóm lúa không đẻ được ra nhiều nhánh và chẳng bao lâu bị cằn cỗi lại, và mùa gặt sẽ bị hao giảm đi nhiều. Thế cho nên người nhà quê Việt-Nam cần-cù phải luôn luôn tát nước vào ruộng. Cứ cách độ 10 ngày, nếu

mực nước xuống, thì lại phải dùng gầu sòng hay gầu giây và một đôi nơi họ đặt cả guồng đạp để tát nước cho lúa. Vấn đề khó nhất là tìm được nơi có sẵn nước như hồ, ao, sông, ngòi để tát lên ruộng, vì về vụ chiêm ở Bắc-Việt không có mưa. Nhưng ở vùng G . . B . . đây, nước không thiếu. Con sông con quanh co ở cánh đồng chiêm này mọi năm vẫn cung cấp đủ nước cho mấy trăm mẫu ruộng. Chỉ có việc bắc gầu giây hay guồng đạp mà làm việc trong hai ba ngày thì giữ được mực nước cần dùng trong ruộng lúa. Nhưng năm nay khác hẳn mọi năm, hễ nông-dân tát đầy nước vào ruộng hôm trước thì hôm sau ruộng lại cạn hết. Bao nhiêu nước đã đi đâu mất cả. Sau hơn tháng giời vật vã ngày đêm tát nước mà không làm sao cho đầy được những thửa ruộng hình như không đáy ấy. Mới đầu họ thấy nước hao một cách bất ngờ thì tưởng là hàng sóm đã tháo trộm nước ban đêm chăng. Thế rồ họ canh phòng ban đêm, nhưng cũng chẳng thấy gì. Có nhà tin là tà, ma làm hại dân chăng. Cho nên họ mang đồ lễ ra đồng, gần đấy mà cúng. Đâu vẫn hoàn đấy nước tát vào buổi sáng thì đến sáng sớm hôm sau đã đi đâu hết! Sự thất vọng của những người nông dân kiên nhẫn đã đến cực điểm. Vì công tát nước sẽ nhiều quá, và chưa chắc tiền bán thóc gặt được sẽ bằng tiền chi phí để tát nước. Có nhiều người đã nản lòng và bỏ mặc cho ruộng khô, cho cỏ dại mọc và cho cây lúa chết vàng.

Hồi ấy tôi đi công cán ở vùng này, cho nên cứ đến tối đã có dịp theo những người canh điền ra

ngòi xem họ tát nước đêm và để tìm duyên cớ làm sao mà nước trong ruộng lại hao một cách bí-mật thế. Thì một đêm tôi đã được vui sướng là tìm được cái mà tôi đang tìm đã ngót hai tháng nay. Thế mấy biết ở đời, nhiều khi những cái ngẫu-nhiên hay mang lại cho người ta những sự bất-ngờ. Số là với cái đèn bão của một chủ điền, tôi dạo thăm các bờ ruộng để xem có phải tại kẻ nào tháo nước của nhau không. Hết cánh đồng này sang cánh đồng khác — vì ở hai bên bờ ngòi, có rất nhiều nhong đặt gầu giây, giai gái tát nước thì-thùm dưới ánh giăng tỏ và với những giọng hát véo von trong đồng cả — tôi lững thững chăm chú thăm bờ ruộng, nhìn mặt nước. Bỗng tôi phải để ý đến những cái « xoáy » nhỏ bằng cái đĩa ở trên mặt nước trong ruộng, gần ngay bờ đê. Cứ theo bờ đê mà đi thì thấy đến hàng nghìn hàng vạn cái « xoáy » nước như thế, cứ đua nhau xoáy tít như những cái thác nhỏ. Tôi lấy đèn soi sáng phía bờ sông thì chẳng thấy nước dỉ một tý nào! Thế thì nước ở trong ruộng xoáy chẩy đi đâu? Hay là xuống âm-ty? Sáng hôm sau tôi ra thăm đồng thì mực nước trong ruộng đã cạn đi vô khối. Và một điều lạ nhất là bao nhiêu những cái « xoáy » nước đêm hôm trước, đến nay đã biến đâu mất cả. Mặt nước ruộng lại trở nên phẳng lặng như tờ. Sau mấy đêm dò xét, tôi loan báo cho tất cả mọi người biết tin ấy, cho nên đến đêm hôm sau thì bờ sông đã trở nên một cuộc dạ-hội rất vui. Có hàng trăm ngọn đèn, bó đuốc đi lại trên bờ sông, bờ ruộng, vì mỗi người đều tìm những « xoáy » nước ở ruộng mình,

Họ hò reo khi tìm thấy « xoáy ». Họ thi nhau đi tìm và đếm « xoáy ». Tin ấy loan báo rất nhanh như tin một thiên tai gì lạ mới phát hiện ra ở vùng G. B. Mỗi đêm cánh đồng ấy, trước kia chỉ có mấy chục đám tát nước thì nay đã trở nên đông nghịt cả người. Quang cảnh thật như một đám hội ban đêm: nào người đi lại, nào đèn đóm sáng chưng! Dân làng lân-cận, cách xa hàng hơn 10 cây số cũng rủ nhau đến xem « xoáy ». Có lẽ không thủa nào mà lại có cuộc tụ-họp đông đúc như vậy. Xem chán rồi, chủ ruộng bèn cho người đi di mặt đất ở gần bờ ruộng để lấp các lỗ nhỏ mà họ gọi là lỗ công-cống cho hết « xoáy » và nước không chẩy xuống « âm-ty » nữa. Một buổi sáng, tôi đề-nghị cùng với ông Chánh-Tổng sở tại cứ chiếu các chỗ có « xoáy » nước mà đào sâu xuống đất về phía chân đê, ăn ra ngoài xem sao. Vì theo như sự xét đoán của tôi, thì chắc những « xoáy » nước phải là miệng của những lỗ nẻ ăn xuống đất sâu hay là ăn qua chân đê mà xuống lòng ngòi. Quả không sai, khi đào sâu tới độ hai thước ra phía ngòi thì tôi thấy những « mà » nhỏ bằng ngón tay, ăn thẳng từ lòng ngòi lên tới mặt ruộng. Cứ mỗi cái « xoáy » lại ăn thông với một cái « mà ». Nghĩa là nếu theo hai bờ sông mà đào, thì sẽ thấy hàng chục vạn lỗ hổng ấy. Thôi đúng rồi : bao nhiêu nước mà người làm ruộng hì hục tát ở mặt ngòi lên ruộng lúa đã do các lỗ công-cống ấy chẩy hết xuống đáy ngòi. Nhưng tại sao lại cứ đêm thì nước mới chẩy đi mất ! Ban ngày thì không. Và tại sao lại có nhiều lỗ

công-cống thế? Ở đâu mà ra? Chúng tôi thắc-mắc, và theo mạch cố đào sâu qua đê cho đến gần lòng ngòi xem sao. Thì một sự lạ lùng đã hiện ra trước mắt chúng tôi. Cứ gần đến mực lòng ngòi thì ở mỗi lỗ công-cống lại có một con vật-nhỏ, mình dài như con lươn, mầu đỏ thẫm, to bằng ngón tay út và giài độ một gang. Mó vào người thì các con vật ấy ngọ nguậy rồi chìm xuống đáy ngòi. Thôi đúng thủ phạm đã đục ruộng làm cho chẩy hết nước là đây rồi! Chính những con vật này đã đào hàng mấy vạn lỗ suốt hai dọc sông, từ lòng sông lên mặt ruộng làm cho bao nhiêu công tát nước của nhà nông đều là công-cốc cả. Con vật ấy là con gì? Nó chỉ là con cá, vì nó có mang, có vẩy, có vây, nom như con lươn, nhưng đầu to, mồm rộng, răng nhỏ và nhiều. Mình thì mầu đỏ cho nên người nhà quê đặt tên là con cá *rễ-cau*, vì nó giống như rễ cây cau, và những người biết chữ nho gọi là con cá *hà-đồ* nghĩa là đục sông. Con cá rễ cau ấy thuộc về loài Gobiidae và tên khoa-học gọi là *Gobioides anguillaris L.* Xét kỹ thì thấy con cá rễ cau mù cả hai mắt và có phong tục rất đặc-biệt. Vì nó mù cho nên thường ở dưới đáy hồ ao lẩn lút ở các bụi rong, há miệng chờ mồi. Nhưng sở trường của giống cá ấy là tìm những chỗ có nước chênh lệch nhau rồi đào hang thành một nghách từ chỗ nước thấp ăn tới chỗ nước cao. Bề ngang các nghách ấy chỉ bằng mình cá thôi. Khi nghách đã đục xong rồi thì cá nằm ở giữa, đầu quay lên trên, mồm há thật to để chờ nước chẩy qua rồi

nhờ có những bộ phận riêng như cái go mà đón lấy những côn trùng và thức ăn đã bị lôi cuốn theo giòng nước. Công việc đơm mồi ấy thường làm về đêm, ban ngày có lẽ cá nghỉ cho nên nước chảy mất ít hơn.

Sau khi tôi khám phá ra tại sao nước hao thì mọi người đua nhau đào bờ ruộng để bắt cá rễ-cau. Trong vòng mấy hôm mà hàng mấy nghìn con cá đã bị bắt đưa lên ánh sáng. Nhưng dù có bắt thế nào cũng không làm hết được cả và số lỗ công-cống lại vẫn còn, vì cá rễ-cau đục lỗ mới để kiếm mồi. Muốn trừ hết loài cá ấy một cách mầu nhiệm tôi nghĩ ngay đến lối đánh bả cá của dân Thổ Mán ở các vùng thượng-du. Họ đã dùng lá một thứ cây mọc trong rừng đem giã rồi chộn với phân gà, vịt, ngâm ở đầu suối tức thì ở cuối giòng suối, cá ăn phải chất độc trong lá bị say chết nổi lên mặt nước. Người ta cứ việc nhặt về ăn. Cây ấy thổ-dân gọi là thàn-mát. Cây cao từ 10 đến 15 thước thuộc về loài cây gỗ lim, và tên khoa học là *Milletia ichthyochtona Drake*. Trong lá và nhất là trong hột cây thàn-mát có một chất dầu độc gọi là *piscidine*, có tính cách làm cho cá ăn phải sẽ bị say rồi chết. Chất độc ấy nếu hợp với ít cường toan thì càng mạnh lắm. Thế cho nên Thổ Mán do kinh nghiệm, đã biết chộn lẫn với phân gà vịt mà trong có ít vị-toan (suc gastrique) để tăng độ độc lên.

Nghĩ thế rồi tôi cùng với mấy người dân làng lên ngay vùng Hòa-Bình và Sơn-Tây để lấy được hơn một tạ hột cây thàn-mát đem về dã

nhỏ chộn với ít dấm-thanh rồi phân phát cho mọi người đem rắc ở chỗ dẫn nước vào ruộng. Quả nhiên chỉ trong sáu giờ sau khi rắc thuốc — và rắc ít, một nửa cân hột rắc vào một mẫu ruộng — thì không thấy « xoáy nước » nữa. Thì ra bao nhiêu cá rễ-cau đã bị đầu độc bằng chất piscidine trong khi há mồm đơm mồi giữa giòng nước chảy. Cá bị chết, sác chương lên lấp cả lỗ cho nên nước tát lên ruộng không bị chảy đi như trước nữa.

Từ đấy trong vùng mỗi khi ruộng bị hao nước thì nông-dân nghĩ ngay đến con cá rễ-cau và cho nó là thủ-phạm.

Câu chuyện dủi do của ba người lính Lê-Dương

ỒI ấy tại Việt-Nam có thể gọi là thiên-hạ thái-bình. Mấy năm liền, phong-đăng hòa-cốc, từ miền bể cho đến thượng-du không đâu có trộm cướp.

Sen đã tàn, cúc sắp nở. Tiết thu đã đến với ngọn «gió heo may» đặc biệt ở đất Bắc.

Mùa săn bắn đã bắt đầu, cho nên hôm chủ-nhật ấy các vùng đồng ruộng, đồi núi, rừng-rú được rất nhiều nhà thiện-sạ tới thăm. Ai thích săn chim nước như vịt giời, mòng le thì tới các nơi nhiều ruộng chiêm hay đầm ao vắng vẻ. Săn rẽ gà thì phải tìm đến vườn chuối ở vùng Khoái-Châu hay Đình-Dù, Lạc-Đạo. Săn gà-gô thì phải lên đồi miền Sơn-Tây, Vĩnh-Yên hay Thái-Nguyên.

Còn như săn lợn cỏ, lợn rừng, hay hươu nai thì phải dành cho các nhà thiện-sạ lành-nghề. Ba người lính lê-dương có vẻ là thiện-sạ chính-tông, vì đã từng săn bắn ở Châu-Phi và chắc đã đọc qua sách của ông Bonbonnel, kẻ đã giết rất nhiều hổ, báo. Sau khi cơm tối, ba người nai-nịt khác nào đệ tử của Tartarin de Tarascon, ngồi xe hơi Citroën B. 12 — kiểu xe của người đi săn ở Bắc-Việt hồi ấy — đến một khu rừng thuộc về một tỉnh miền biên-thùy Bắc-Việt Trung-Hoa. Họ mang theo cả đèn bắn để bắn đêm.

Gửi xe hơi tại một nhà người thổ-dân, ba người vác súng và bi-đông túi rết sông vào rừng sâu để săn.

Lững thững đi từ 7 giờ tối đến gần 2 giờ sáng, mỏi cả chân, rời cả tay, cay cả mắt mà mới được có một con cầy hương. Qua hết khu rừng này đến rừng khác mà cũng chẳng thấy hươu, nai hay cọp đâu, thất vọng, ba chàng đành vác súng trở về nơi để xe, dưới ánh giăng tỏ ngày 16 ta. Đến 4 giờ sáng thì họ tới xe ; không kịp thay quần áo, họ chui vào xe ; mỗi người một góc, ném mình xuống rồi ngủ không biết giời đất nữa.

Mặt giời đã lên tới ngọn cây trò-chi, đói bụng, họ mấy giở dậy để ăn uống và sửa soạn ra về. Bánh no, rượu say, họ đánh xe trở về trại, và không quên buộc con cầy hương ở bên cạnh ô-tô, phía kính trước mặt theo kiểu các người đi săn về. Đến cách trại độ hai cây số gần khu rừng cây cối um-tùm, ở cạnh cánh đồng cỏ mà dân đã gặt hết lúa rồi, họ bảo nhau dừng xe lại, và rủ nhau

ra bờ ruộng không phải để săn mà để ngắm phong cảnh và để làm cái việc cần-dùng nhật-lệ.....

Ngay sau lưng ba chàng có một khóm cây lá sanh rờn, vừa bóng nhoáng, vừa mị mặt và chiếc nào cũng to như cái quạt tay cả.

—Tôi biết cây này, một người nói. Ở Châu-Phi, xứ Congo, có một cây cũng giống như thế, thổ-dân dùng để gói và mỗi khi đi săn tôi vẫn dùng để thay giấy mềm, trong những trường-hợp như của chúng ta đây.

Thế thì còn gì bằng, anh hái ngay cho chúng tôi một ít để thí-nghiệm xem sao.

Họ nói rồi họ làm. Xong suôi ba chàng lại lên xe về, chỉ độ mấy phút đã về đến đồn binh.

Thay quần áo, treo súng, đem khoe anh em đồng-ngũ con cầy hương bắn được, nói chuyện săn hụt những con thú to...

Nhưng lạ sao, cả ba người thấy trong người dậm dực khó chịu, và thấy phía dưới lưng bắt đầu ngứa. Trước còn ngứa vừa, sau ngứa lắm. Tha hồ cho gãi cũng vẫn ngứa ; và sao nó lại ngứa thế ? Gãi cũng không đủ. Họ cào, cấu thịt, kêu lăn lộn trên giường và chỉ một tý nữa thì ai cũng bảo là họ điên. Anh em đồng ngũ lôi họ vào tắm, sát sà-phòng bôi cồn cũng không hết. Một lúc sau lại thấy ngứa. Ông Quan coi đồn là một viên Trung-Úy. Được tin báo, ông đến tận nơi thăm ba người lính, và ông cũng không hiểu tại sao và làm thế nào ?

Hôm ấy, công việc lấy cây ở vùng biên thùy này đã xong. Sáng mai tôi phải trở xuống đồng

bằng, về Thủ-Đô. Theo phép lịch sự, tôi đến chào ông Trung-Úy để từ-biệt cảm ơn ông đã giúp tôi hoặc cho lính đi kèm vào rừng sâu hoặc cho mượn ngựa để lên núi.

Vừa gặp tôi, ông đã nói :

— Ồ, may quá ! đang cần một nhà thảo-mộc học thì lại gặp ngay ông đây. Ông này, phiền ông xuống nhà ngang với tôi thăm ba người lính lê-dương đang kêu gào đau đớn, mà chẳng ai biết họ bị bệnh gì, họ bị ngứa đã gần một ngày rồi.

— Nào tôi có phải y-sỹ đâu ! Thảo-mộc-Học khác thày thuốc chữa bệnh ngoài da chứ.

— Khoan, khoan, ông cứ giúp tôi, và mời ông đi với tôi đã.

Thế rồi ông ta lôi tôi xuống nhà lô-cốt. Ba người lính vẫn rên, và hai tay vẫn gãi vào chỗ ấy, nom như thể họ muốn dứt thịt mà vất đi cho đỡ ngứa.

Sau khi hỏi đầu đuôi câu chuyện, biết rằng sau khi họ đi săn về đã nghỉ ở một nơi rừng cấm và đã dùng một lá cây thay giấy sau khi làm cái việc bắt buộc kia,

Tôi mỉm cười và nói với ông Trung-Úy rằng :

— Xin phép ông cho một người lính phi ngựa vào chỗ đường mà ba người đã dừng chân lại hái một cành cây có lá xanh bóng về tôi xem. Một nửa giờ sau người lính đã về và đem theo một cành lá.

Trông thấy lá cây, ba người lính nhổm giậy cùng trỏ và nói : « đúng lá này rồi ». Biết đích là

vì ba người lính lê-dương mới ở Châu-Phi sang, chưa thuộc người và vật của Việt-Nam, nên nhầm với lá cây ở Congo mà đã dùng để lau chùi, cho nên đã bị ngứa rách thịt đến thế.

Đã biết vì tại lá ấy mà bị ngứa thì cách chữa cũng dễ.

Ngoảnh lại ông Trung-Úy tôi nói :

— Tuy không phải là thày thuốc, nhưng nếu ông cho phép, thì tôi xin mách một lối chữa rất dản-dị do những người thường đi rừng vẫn làm, khi bị cái lá ấy nó làm cho ngứa. Lối chữa không đau đớn gì, và có thể làm được ngay.

— Riêng ý tôi thì tôi hoan nghênh. Để tôi hỏi ba chàng xem có tình nguyện không ? Chưa kịp đợi quan hai hỏi, sốt ruột, ba chàng đã lớn tiếng cướp lời :

— Chúng tôi bằng lòng không điều kiện và nếu lối chữa có đau đớn cũng xin chịu. Thà đau mà khỏi còn hơn là để ngứa mãi thế này.

— Vâng, thế xin ông cho ba quả tranh, cắt mỗi quả ra làm đôi, rồi đưa cho ba người, đem sát mạnh vào các chỗ ngứa. Chỉ trong một giờ sẽ biết sự kiến-hiệu.

Ông Trung-Úy mời tôi lên buồng khách giải khát và để chờ kết-quả.

Thì quả nhiên độ 45 phút sau một trong ba nạn-nhân đã lên gõ cửa ; chàng đứng « mã-binh » rồi nói :

— « Bẩm Trung-Úy tôi lên để cám ơn Ngài và ông lang đã mách chúng tôi lối chữa. Sau khi sát

tranh vào chỗ ngứa, thì thật như phép thần-tiên, sát đến đâu hết đến đấy. Nay chúng tôi chỉ còn hơi khó chịu vì đã gãi nhiều quá, chứ hết hẳn ngứa rồi ».

Phá lên cười thích chí, Trung-Úy nói : « Thế ông có thể cho tôi biết tại sao cái lá ấy lại làm cho ngứa thế, và sao quả tranh lại kỵ được lá ấy ? ».

— Thưa Ngài, các rừng trong vùng này thường có cái lá ấy. Nó là lá của một cây thuộc về loại *Urticacées*, cùng với loài cây gai mà dân lấy vỏ cây rút sợi đan lưới đánh cá, lá thì làm bánh để ăn, tên khoa học cây ấy là *Laportea Thorellii*. Lá nó nom bóng đẹp như thế nhưng có những lông rất nhỏ, mắt ta nom không thấy. Trong những lông ấy, có rất nhiều tinh-thể bằng chất vôi. Mỗi khi lông ấy đâm vào da người thì những tinh-thể ấy làm cho ngứa ngáy không chịu được. Muốn làm mất ngứa, thì có cách làm tan các tinh-thể ấy đi. Tranh chất chua, cho nên sát vào da làm tan hết tinh-thể vôi. Thế là khỏi ngứa.

Ngoảnh lại người lính lê-dương vẫn đứng « mã-binh » từ nẫy, Trung-Úy nói :

— Anh đã nghe rõ chưa ? Lần sau có đi săn thì chớ quên bỏ vào túi-dết mấy quả tranh nhá ! Đã hiểu chưa ? Thôi cho về chỗ !

Một thứ nấm giết được loài dế-dũi

Ai đã ở nhà quê hoặc đã có dịp làm vườn, hẳn biết con dế-dũi. Nó thuộc về loài sâu có cánh nửa mềm nửa cứng và gập vào với nhau như cái quạt (orthoptères) cùng với dế-mèn (Brachytrypes - grillons), và châu-chấu (criquet). Người Pháp gọi nó là courtilière, hay là taupe-grillon, avant-taupe, laboureuse, vì nó hay đào hang ở ngầm dưới đất như con cầy đất (taupe) và tên khoa-học của nó là *Gryllotalpa africana Bc.* Con dế-dũi mình dài từ 3 đến 5 phân, bề ngang độ 6 đến 8 ly. Đầu nó nhỏ, hai mắt bé, ngực to, bụng dài, trên lưng có bộ cánh ngắn, Khác với dế-mèn, dế-dũi có hai chân trước to, bẹt và có răng cưa nom như hai cái bơi chèo. Chính dế-dũi dùng hai bàn chân ấy mà đào những hố rất

dài ở dưới đất, rồi dùng bộ răng khỏe để cắn đứt dễ cây hay cành cây khi nó gặp thấy ở lối đi. Loài dế-dũi thường cắn hại cây cối mới giồng và nhiều khi ở lắm nơi đã trở nên một tai-hại cho nhà nông. Một vườn rau mà cây còn nhỏ, một trại ương cây con mới mọc được ít lâu thường bị dế-dũi ban ngày thì cắn đứt rễ ở dưới đất, ban đêm xuất hiện lên mặt đất cắn ngang thân cây, hay tiện đứt mầm non. Thiệt hại như thế không phải là ít, và nhà nông rất khó chịu về loài dế-dũi này, cho nên nhiều người đã tìm cách để trừ khử. Nào là dùng bả có thuốc độc rắc vào vườn để đến đêm dế-dũi lên ăn phải rồi chết ; lại có thứ thuốc dùng để hòa với nước đem tưới vào những gốc cây bị dế cắn hay đổ vào hang của dế ở cho chúng bị tắm phải thuốc mà chết, nào là dùng thứ bẫy bằng loài kim hay bằng giấy có phết dầu làm hình như cái phễu, trong bôi dựa hay chứa nước, chôn ngang mặt đất cho dế đi qua lăn xuống không bò lên được nữa. Nhưng mọi cách đã đem thi-hành để trừ loài dế-dũi, kết quả không được hoàn-mỹ lắm. Vì thế cho nên đến nay, việc trừ khử một cách triệt-để loài dế-dũi vẫn chưa giải quyết được.

Tạo-hóa đã sinh ra loài dế-dũi cũng như muôn nghìn côn-trùng khác, thì có lẽ chỉ Tạo-hóa là có cách mầu-nhiệm để hại chúng. Cho nên tôi đã tin tưởng là thuyết ấy đúng khi biết có một thứ nấm đã giết được loài dế-dũi. Mà rất là mỉa mai thay, con dế-dũi xưa nay chỉ cắn hại các loài thảo mộc thì nay đã bị tiêu-diệt vì loài thảo-mộc tức là cây nấm.

Câu chuyện Nấm giết dế-dũi đã xảy ra như thế này :

Cách đây mấy năm, nhân dịp phải tìm một vài thứ cây mọc ở vùng Trung - bộ, tôi lưu lại làng P.T. cách Hà-tĩnh hơn 15 cây số. Một hôm, một người điền chủ già, thấy tôi cũng làm nghề như ông, đến nhà trọ thăm tôi. Sau những câu hỏi về tình hình nông nghiệp ngoài Bắc-phần Việt-Nam, ông có cho tôi biết :

— Ông này, không biết mùa màng ngoài Bắc ra sao, chứ anh em nhà nông chúng tôi ở vùng Nghệ-tĩnh này, thật là điêu đứng trong mấy năm nay. Dân chúng tôi thiếu thốn đủ thứ vì chiến tranh. Sau khi quân Nhật thất trận rồi, nhà nông tưởng là có dịp để kiến thiết lại nhà cửa và tăng-gia sản-xuất, đồng ruộng, thì lại gặp quân Tàu sang tước khí giới, rồi đến nay cũng đã yên đâu...

— Tôi thiết tưởng, chiến tranh chấm dứt, dân ở vùng ta được yên-ổn làm ăn như tôi đã trông thấy, thì rồi đây dân làm gì chẳng được no ấm ?

— Ông đừng tưởng vậy, tình thế mới tạm yên, nhưng giời có cho no ấm thì mới được no ấm. Tôi nói để ông biết rằng, từ khi nhớn lên đến nay, tôi đã 70 tuổi rồi, mà không bao giờ lại thấy giời bắt dân vùng Nghệ-tĩnh phải khổ-sổ, lo lắng như năm nay. Này nhá : đầu năm ngoái đại-hạn, giữa năm bão làm hại mùa màng, nhất là lúa, đến nay dân giồng được ít màu như ngô, đỗ, thì giời lại giáng cho một . . . cái họa rất lạ·

Thôi đích là điềm giời muốn hại dân ta đây! Tôi định đến mai mời các cụ bô lão ra đình để bàn với dân làng nên lập đàn cúng « thần trùng » để tống tiễn « ngài » đi nơi khác.

— Thế họa ấy là họa gì mà cụ bảo phải cúng « thần-trùng » ?

— Ông không biết à ? Đời thủa nhà ai, lại ruộng ngô đỗ nào cũng bị dế-dũi cắn chụi cả ngọn. Chúng tôi đã phải reo đến hai lần rồi. Mà cứ reo xong, cây mọc lên lại bị cắn. Đến nay đã hết cả hột giống, đành phó thác mặc giời.

— Thế sao dân làng không tổ chức bắt hết dế-dũi đi có được không?

— Có bắt chứ, nhưng bắt sao suể, ban ngày dế nấp ở hang, cứ đến đêm thì chúng lên hàng đàn đi cắn hại cây cối. Mà không biết giời ghét riêng gì làng P. T. chúng tôi mà mấy hôm nọ đã thấy bớt dế thì mấy hôm nay lại thấy dế xuất-hiện rất nhiều và cả ban ngày. Và ái-ngại nữa là bây giờ cỏ cũng hóa ra dế-dũi ông ạ !

— Cụ bảo sao ? Trứng dế lại nở ra dế, chứ cỏ lại hóa ra dế-dũi sao được ?

— Được chứ sao ! Các con tôi ra ruộng làm cỏ cho ngô mỗi ngày nhặt về hai thúng đầy rễ cỏ mới nở ra dế-dũi. Chúng nó cho gà ăn cho chóng béo. Nếu bao nhiêu cỏ ngoài đồng đều hoá ra dế-dũi thì còn gì là ngô, đỗ, màu mè năm nay. Cái đói cầm chắc trong tay rồi ông ạ.

Thế rồi cụ già chống gậy về để ra đình tính việc lễ tiễn « thần-trùng ».

Thấy câu chuyện lạ lùng, tôi bèn chạy sang nhà cụ già nhờ con cụ dẫn ra cánh đồng ngô có cỏ hóa ra dế.

Cụ già nói không sai, ở ruộng ngô non, vô số cây bị dế cắn chụi cả ngọn, và dải rắc khắp ruộng rất nhiều dế-dũi, con thì còn sống, con thì ngắc ngoải, cử động một cách uể-oải. Những con dế này khác các con dế-dũi khỏe-mạnh là ở bụng và ngực có mọc ra một thứ « rễ » trắng nuột, to và dài bằng cái que diêm.

Cái « rễ » ấy mềm, sắc trắng, tròn và hình như rỗng ruột, một đầu ăn chặt vào thân thể con dế, còn một đầu nữa thì hơi nhọn và phồng như quả chùy con. Có con dế mình mang đến 4, 5 cái rễ ấy. Thật là dịp may hiếm có, tôi bèn nhặt ngay một ít sác dế ấy mang về nhà xem xét.

Tôi cũng không quên đã đào đất ở các gốc cây ngô để tìm xem có dế đã mọc « rễ » non rồi không. Thế thì biết ở dưới đất cũng như ở trên mặt đất, đều có rễ hoá ra dế ; nhưng con dế nào có một hay hai rễ bám ở mình thì còn hơi khỏe, nếu mình có ba hay bốn « rễ » thì có vẻ sắp chết.

Sau khi xem kỹ nhiều con dế ấy, tôi nhận ngay được là không phải những rễ cây đã hóa ra dế như các nông-dân ở vùng này tưởng, mà chính là một loài thảo-mộc đã mọc ở mình các con dế mà làm cho chúng nó chết. Loài thảo-mộc ấy chỉ là một thứ nấm mà chân mọc ở trong mình con dế, còn thân và cành thì chui ra ngoài chẳng bao lâu dế không chịu được mà chết. Nấm ấy sinh nở rất mau cho nên con dế khỏe mạnh chẳng bao

lâu đã chuyền bệnh nấm sang rồi cứ thế mà có hàng mấy chục nghìn con dế bị chết. Nhất là loài dế-dũi xưa nay chỉ ăn run, sâu bọ, và cây cối ; nếu đói quá chúng ăn thịt lẫn nhau nữa, cho nên bệnh này được chuyền đi rất mau.

Biết rõ tại sao dế-dũi mình lại có « nấm » chứ không phải « rễ » nên tôi có nói với mấy cụ già kia rằng làng có nhiều « dế hoá ra nấm » như thế là một điềm hay, giời giúp nông dân ta đấy. Giời muốn cứu ta cho nên đã bắt loài dế-dũi chịu một bệnh dịch « nấm ». Chắc chẳng bao lâu chúng sẽ bị tiêu diệt và màu của ta sẽ tốt tươi, hoa-lợi sẽ được tăng lên gấp bội.

Vừa vuốt bộ râu bạc phơ, vừa gật gù, chầm-ngâm mặc-tưởng, Cụ già mỉm cười có vẻ sung sướng lắm về mấy câu giải-thích của tôi, cụ nói :

— Ông nói cũng có lý, loài dế cắn hại loài cây, thì nay đến lúc cây giết lại dế ! Âu cũng là tại giời, nhưng chắc hẳn thần-trùng phạt loài dế cho nên mới cho nấm đến để giết dế. Thế thì lão phải bảo làng sửa soạn ngay lễ ra đình để tạ thần-trùng mấy được. Tạ thần xong chúng ta sẽ đánh chén ăn mừng.

* * *

Công-việc bắt tôi trở lại thủ-đô. Tôi có mang theo một ít dế-dũi ấy để tiện việc nghiên-cứu. Đúng như sự tiên-đoán, thứ nấm đã mọc ở trên mình loài dế-dũi vùng Nghệ-tĩnh là thứ nấm thuộc về loài *Ascomycètes*, giòng *Hypocréacées*, tên khoa-học là *Cordyceps*, có lẽ giống như loài nấm *cordy*

ceps sinensis Berk, mà người Tầu mang ở Tứ-Xuyên đến bán cho ta làm vị-thuốc bổ trừ lao gọi là « trùng-thảo » (ver-plante). Nấm này khi già có hột nhỏ ly ty. Đem sát hột ấy vào mình con dế-dũi hay dế-mèn thì chỉ trong vòng 20 đến 25 ngày thấy các cây nấm mọc dài ra thành hình que diêm rồi làm cho dế khó chịu mà chết. Thật là một phương-pháp rất qúy và mầu-nhiệm để trừ loài dế và các loài sâu khác vẫn làm hại cây cối mùa-màng và cứu-vãn cho nông-dân Việt-Nam, có lẽ cả hoàn-cầu, hàng năm, đỡ mất bao nhiêu nghìn triệu đồng.

Công việc phải làm là tìm cách nuôi loài nấm qúy-hóa ấy rồi đem chuyền giống đi như chuyền vi-trùng bệnh-dịch để cho sâu bọ mắc phải bị bịnh mà chết. Muốn biết rõ tên thứ nấm ấy xem thuộc về loài Cordyceps sinensis hay Cordyceps entomorhiza, tôi định gửi mẫu sang Âu-Châu cho nhà thực-vật-học trứ-danh chuyên về nấm là Sydow; nhưng đại-chiến và các cuộc biến-động đã dồn-dập xẩy ra làm cho các cuộc thí-nghiệm phải gián-đoạn và tài-liệu bị thất-lạc.

Rắn phủ Mèo

TRONG dân chúng Việt-Nam, nhất là ở các nơi thôn-dã, vẫn có câu chuyện truyền-khẩu rằng nếu năm nào độc-giời, nghĩa là ở trong làng về phe phụ-nữ không được yên vì « động long-mạch » thì hay có rắn phủ mèo.

Con mèo thuộc về loài có vú, bốn chân và máu nóng. Con rắn thuộc về loài bò-sát, không có chân và máu thì lạnh.

Bình thường, con mèo ở với mèo thì lại đẻ ra mèo con và con rắn ở với rắn thì đẻ ra trứng, trứng ấy nở ra rắn con.

Nhưng nếu phải năm mà con rắn lại phủ con mèo thì con mèo sẽ đẻ ra con « mèo con lai rắn »,

cho nên có nhiều con mèo sám bẩn, mình điểm vằn như hình vẽ trên mình con rắn. Đấy là câu chuyện mà ta có thể cho là cổ-tích được, vì nó đã truyền từ đời nọ sang đời kia rồi, và chuyện thì thế nhưng nào có ai đã được chứng kiến rắn phủ mèo đâu, cũng như nhiều người nói chuyện ma, sợ ma, mà chẳng hề nom thấy ma bao giờ?

Không có lửa làm gì có khói; thì tôi có dịp được bắt gặp quả-tang một đôi rắn và mèo và vì thế đã có cơ-hội bình-luận câu chuyện cho dân làng nghe. Trường hợp mà tôi ngẫu nhiên được gặp đôi ấy đã xảy ra như sau này:

Một hôm về mùa thu, một người bạn rủ tôi về làng L.... ở T. D. Bắc-Ninh để săn chim rẽ ở mấy cánh đồng gần làng. Sau khi đã bắn được mấy con rẽ, chúng tôi trở về làng để dùng cơm sáng tại nhà người bạn.

Đang lúc ăn, thì ông Xã B... đi chơi ở cuối làng về. Sau mấy câu giới thiệu, ông ngồi chơi và vừa cười vừa nói:

— Này, các ông mới ở tỉnh về phải không? Các ông ạ, năm nay có lẽ phái phụ-nữ làng ta sẽ gặp những chuyện không may đấy! Các ông có biết tại sao không? Tôi vừa cùng bao nhiêu người làng được mục-kích con rắn dọc-dưa đang phủ một con mèo mướp ở gần ngay bụi tre ngà sau miếu thờ Ba Cô ở « sóm trong » làng ấy. Thật từ thủa cha sinh mẹ đẻ, trước kia chỉ nghe thấy các Cụ nói chuyện, nay đã 60 tuổi, mấy được « mục-kích ». Thật là ba năm rõ mười. Ấy đấy, hàng bao nhiêu người đang đứng xem

ở bờ ao. Mà từ buổi đến giờ đã quá ngọ rồi mà con rắn vẫn chưa buông tha con mèo của Bà Nhiêu Q... Thật là Bà Nhiêu Q... không may. Ông Nhiêu thì mất sớm, có hai con gái thì năm ngoái cô lớn sau ngày hội, đã theo tiếng gọi của ái-tình mà đi theo anh chàng ở Từ-sơn rồi, còn cô bé mà lại gặp chuyện rắn mèo này thì khéo không cũng hỏng mất. Mà theo lời các Cụ xưa, thì có khi như vậy là cái điềm không hay cho các cô gái chưa chồng ở làng ta nữa. Lão hay nói thực, xin các ông chớ cười...

Thấy cụ nói vậy, chúng tôi bèn bỏ cơm, kéo nhau chạy vào sóm trong để xem. Và tôi cũng không quên vác cả khẩu súng hai nòng Verney Caron 16, với hai viên đạn ghém số 8 đi nữa.

Đến nơi, đã thấy ở trên bờ ao, người đứng xem vòng trong vòng ngoài. Các ạnh trai trẻ tinh-nghịch thì đứng hàng đầu, còn các cô con gái e-lệ thì tụm năm tùm ba đứng xa xa khúc-khích cười.

Quả như lời ông già ban nãy, tôi trông thấy ngay ở bụi tre cách bờ ao chừng 50 thước một con mèo mướp bị một con rắn dọc-dưa khá to có dọc đen dọc trắng đang quấn chặt lấy mình làm mấy vòng. Hai đầu con mèo và con rắn thì chụm vào nhau. Thỉnh thoảng thấy con mèo giẫy rụa thì con rắn lại quằn-quại, và hai con cùng lăn long-lóc hết chỗ này ra chỗ khác ; nhưng không lúc nào hai mồm

rắn và mèo lại rời xa nhau. Lấy làm lạ, tôi rất chú ý, và nghĩ bụng nếu là sự-thực thì không có thể hai loài khác nhau một vực một trời, loài bò-sát và loài có vú, lại đi được với nhau. Thật là một dịp hiếm có, phải khám phá ra bí-mật này mấy được. Bà Nhiêu Q... là chủ con mèo cũng đứng đấy, bà đang mếu máo với các lời bàn ra bàn vào của các bà bạn. Tôi hỏi :

— Con mèo của Bà có phải không ?

— Phải, con mèo tôi mua ở chợ Huyện về hồi Tết đấy. Nó hay chuột đáo để, hết bắt chuột ở nhà lại ra cả bờ tre, đống ốc. Thế mà cũng là nhà tôi vô phúc hay là tại mồ-mả nhà tôi động (!) hay sao cho nên nó mới gặp cảnh đốn ra thế kia. Thật khổ cho tôi quá ! Hay là nhờ ông cho mấy phát súng cho nó chết quách đi, chứ để làm gì của nợ ấy. Âu cũng là một lối để tôi khỏi « sui-quẩy. »

— Nếu Bà bằng lòng cho tôi giết hộ con mèo ấy thì tôi cũng xin vâng.

Được một dịp may, tôi không ngần ngại gì mà lắp cả hai viên đạn mang theo vào lòng súng, rồi dẫn mọi người tiến lên hàng đầu, tận bờ ao. Tôi trịnh trọng kề má vào súng rồi hồi - hộp ngắm. Con « thú » gần thế, lại đứng trước hàng trăm người, đa số là con gái, mà hụt thì đến tiêu hết sự-nghiệp của nhà thiện-sạ. Thấy mấy trăm mắt đổ dồn cả vào tôi... nhịn thở, tôi ngắm đầu hai con rắn và mèo. Rồi « đoành » một tiếng, mọi người dật bắn mình. Mấy cậu bé đứng sát bờ ao quá, súng nổ bất thình lình

cũng bị dật mình ngã tòm xuống ao làm cho mọi người ồ lên cười. Hình như hai con vật bị trúng đạn vào đầu nên lăn kềnh ra và chỉ thấy hai cái đuôi ngọ ngoạy. Muốn cho chắc-chắn, còn viên đạn nữa, tôi lại giơ súng và bắn một phát nữa vào đầu hai con. Sau phát súng thấy hai con nằm im lắm. Chắc là chúng bị chết hẳn rồi, tôi và một người trai làng còn trẻ tuổi vội nhẩy lên cái thuyền thúng buộc ở gần bè rau muống, trở ra bụi tre để xem. Chúng tôi đã thấy gì?

Hai con mèo và rắn bị đạn ghém qua đầu nên đã chết hẳn, nhưng con rắn vẫn quấn chặt lấy con mèo, và chân con mèo cũng ôm chặt lấy mình con rắn. Hai mồm vẫn sát vào nhau. Cái anh trai làng táo bạo đã cầm lấy hai con giơ lên cho tôi xem. Thì ra, tôi đã bắn một phát được những ba con: con mèo, con rắn và con chuột đồng!

Không phải con rắn dọc-dưa đã phủ con mèo như người ta đã tưởng và đã trông thấy lúc nẫy, mà chỉ tại hai con rắn và con mèo đã tranh nhau một cái mồi, tức là con chuột, mà đã ẩu-đả nhau, khiến cho ai trông xa cũng tưởng nhầm ra chuyện khác. Xem xét chung quanh đấy thì có một lỗ mà tôi cho là lỗ rắn; và theo lời đoán của tôi thì chắc là con rắn dọc-dưa mà mọi người nhà quê đều biết nó hay săn chuột cho nên nó có một tên khác là rắn săn-chuột (tên khoa-học là Lamenis phyas mucosus) nằm trong hang thò đầu ở lỗ đã bắt được con chuột, ngoạm chặt vào mồm rồi đang sắp nuốt. Chợt con mèo đi qua, thấy đuôi

và nửa mình chuột thòi ra ngoài cửa hang, bụng đang đói, thì vồ vội lấy để ăn. Mèo cố lôi chuột ra ngoài hang, rắn sợ mất mồi, cố kéo chuột vào hang. Giằng co mãi, mèo khỏe hơn nên lôi được cả chuột và rắn ra ngoài. Cái lệ rắn đã bắt được mồi, và đã ngoạm vào mồm thì có hai răng nanh mọc quắp vào trong, cho nên chỉ nuốt vào chứ ít khi nhả ra. Thành thử hai con cùng tiếc mồi, mà phải vật lộn nhau. Thậm chí rắn phải tấn công mà quấn kín lấy mình mèo, và mèo phải ôm chặt lấy rắn. Hai bên không chịu nhả mồi cho nên cứ giằng co thế mãi.

Không để cho mọi người nóng lòng sốt ruột, đợi ở bên kia bờ ao, chúng tôi trở thuyền về, để nguyên cả rắn mèo và chuột cho hết thảy khán-giả xem.

Tôi đã được một dịp giảng-giải rõ ràng cho mọi người nghe và biết rằng chẳng phải rắn phủ được mèo như theo dị-đoan ta vẫn tin tưởng là thế đâu.

Nghe xong, mọi người hả hê ra về, không quên lật đi lật lại xem ba con vật ấy. Sung xướng nhất là Bà Nhiêu Q. . . đã giải được cái tai nạn tưởng tượng mà Bà cho là sẽ đến gia-đình Bà.

Gặp Cụ Già ban sáng. Cụ cũng đã xem con mèo và con rắn tranh nhau con chuột. Cụ lọm-khọm chống gậy, vừa đi vừa vuốt chòm râu bạc phơ, vừa cười vừa nói :

— « Nhờ có phát súng của ông, nên một mối dị-đoan của dân bùn lầy nước đọng làng chúng tôi mới được đánh tan. Chúc ông từ nay sẽ bắn chết nhiều. . . . dị-đoan của Việt-Nam ta nó làm cho dân-tộc ta chậm-tiến »

« Con chó, con gà, ba ba, con cóc, buồng móc, buồng cau »

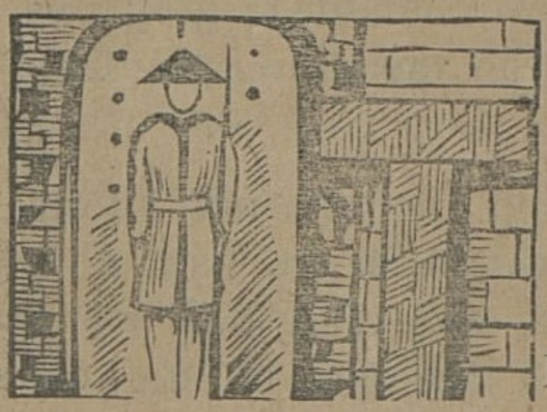

TÍNH hung ác nóng nẩy thường làm cho người ta loạn-óc và hại người khác ; nhưng nhiều khi vì kém khoa-học cũng có thể giết người được. Câu chuyện mà tôi kể ra đây có thể chứng dẫn được câu nói ấy.

Hồi ấy đã khá lâu rồi, cách đây chừng 20 năm. Nhân có dịp tôi thăm một Cụ Đạo người ngoại-quốc cùng đàm luận về những vấn-đề khoa-học ở Việt-Nam, vì Cụ là một nhà côn-trùng-học có tiếng đã từng khảo-cứu về các loài sâu ở Bắc-Việt, nên tôi đã được lưu lại nơi Cụ ở mấy ngày. Cụ đã ở rất lâu bên Việt-Nam và rất am hiểu về phong tục của ta. Trong các chuyện cổ-tích của

ta mà Cụ đã thuật lại theo lối khoa-học, tôi còn nhớ câu chuyện sau đây, nhân vì một đêm hè, chúng tôi không ngủ được nên ngồi nói chuyện dưới ánh trăng khi mờ khi tỏ trên vùng sơn cước này. Thâu đêm hình như để điểm vào các câu chuyện của chúng tôi, một con chim rừng khắc-khoải ném những tiếng kêu ai oán trên bờ sông: mà nếu ta lắng tai nghe thì rõ ràng thấy tiếng:

Ba-Ba, con-cóc.....
Buồng móc, buồng cau.....

Mỗi một câu của chim thì lại được giẫy núi ở xa xa vọng lại như giót vào tai chúng tôi. Cho nên Cụ Đạo nói:

— Ở các nơi sơn lâm cùng cốc này, nếu không có mục đích gì thì nhiều khi buồn vô hạn, nhất là về dạo này, ngày đêm lúc nào cũng thấy tiếng hót bi thảm của chim kia. Mà ông có biết sự tích của nó không?

— Tại mấy nơi như vùng Hà-Giang, tôi thấy người « kinh » lên buôn-bán đã lâu nói rằng: con chim ấy là oan hồn của những người dưới đồng bằng lên làm ăn trên này, rồi bị chết vì lam sơn chướng khí nhớ quê hương nên luôn mồm kêu:

« Bắc-Quang, Bắc-Mục,
« Hà-Giang, nước độc...»

— Ấu cũng là một giải thuyết; nhưng hồi mới sang Việt-Nam tức là đã 30 năm nay rồi tôi lại được nghe một giải thuyết nữa mà do một Cụ Đạo già kể cho tôi nghe. Cụ Đạo này đến nước

« *Đường-Ngoài* » này từ cuối thế kỷ 19 cơ. Mà lý thú nhất là giải thuyết ấy lại dùng khoa học cắt nghĩa.

— Vậy xin Cụ kể lại cho tôi nghe.

— Theo Cụ Đạo đã cho tôi biết chuyện thì con chim đang kêu cũng là oan hồn như oan-hồn của một tên lính đã vì « Tổ-Quốc » mà bị chết oan trên rừng xanh núi đỏ khi xưa.

Tên lính ấy bị thượng-cấp xử-tử oan tại đã muốn tìm những sự thật của tạo-hóa,

Mà dù có chết đi, nhưng chưa tìm thấy chân-lý cho nên oan-hồn cứ lẩn quất ở các nơi rừng sâu núi rậm khắp giải biên thùy Bắc-Việt.

Thì trước đây, để giữ các cửa ải tại biên thùy, vua ta có lập ra nhiều đồn binh. Tại các đồn binh ấy như Hà-Giang, Cao-Bằng, Sơn-Tây, Lai-Châu, Lạng-Sơn, phần nhiều các quan văn, võ không có vây cánh ở Triều-Đình và các lính hoặc mới đăng, hoặc có tội lỗi phải bổ lên chấn-thủ... Ngày xưa, đường xá chưa có, những người lính phải lên các nơi ấy, mà ta gọi là đi *thú*, thì thật là một hình phạt ghê-sợ. Vì sao ? vì ở đấy, toàn rừng xanh, núi đỏ, nước độc, ma thiêng, lại còn giặc-giã. Ai phải đi thú tức là đi đầy. Đi bộ hàng mấy tháng mới tới nơi, qua rừng đậm, lên thác, xuống ghềnh, ở những nơi toàn vắt beo, cọp dữ và rắn độc. Không chết ở dọc đường thì lên tới cửa ải cũng đến chết mòn vì bệnh ngã-nước, và vì buồn nỗi xa cửa xa nhà, «bỏ nơi quê hương, xa nơi đất Tổ, biết lấy gì làm vui...»

đã là câu đầu lưỡi cuả kẻ đi thú. Mà đi thú thì ít ra ba năm mấy được về, nhưng sự thực, có ai được về :

« *Thập nhân khứ, nhất nhân hoàn* »

Lính thú phải lên Lạng-Sơn giữ cửa ải Nam-Quan nhiều hơn các nơi khác, và tại đây lính thú gửi sác cũng nhiều. Chẳng có thế mà đã có câu hát của một người chinh phụ than thân tủi phận :

« *Ai lên Thú Lạng cùng Anh,*

« *Tiếc công bác-mẹ sinh thành ra em* ».

Nước tuy độc, lòng tuy buồn, nhưng ngày đêm còn phải canh gác nghiêm ngặt :

« *Ngày thì canh điếm, tối dồn việc quan,*

« *Việc quan như lửa đốt đầu* »

Anh Vệ Bồ người ở vùng suôi mới được đăng vào ít lâu thì được lệnh lên Thành Lạng. Bỏ vợ trẻ, dời quê hương, đồng ruộng và cái đình yêu dấu cùng lũy tre xanh tốt của nơi chôn rau cắt rốn, anh gạt nước mắt ra đi vì bổn phận...

Ngày tháng qua, đã bốn năm rồi mà anh chưa được về suôi. Suốt năm canh chú Vệ Bồ chẳn chọc không nhắm được mắt. Ngày thì ăn chẳng được, cho nên thân hình gầy võ. Thế rồi, một đêm, chàng ta phải phiên gác ở cửa Tiền, từ canh hai đến canh tư. Mấy ngày nay, chú Vệ Bồ đã chẳng buồn nghĩ đến cửa nhà nữa, vì nghĩ mãi cũng chẳng hơn gì, chú bèn nghĩ đến vạn vật ở quanh mình để khám

phá những sự kỳ-quan của vũ-trụ. Từ đêm hôm trước, lúc nào trong óc chú cũng thắc mắc về mấy cái hiện tượng của tạo-hóa mà chú không hiểu và cũng không biết hỏi ai được. Làm sao con chó lại thế? Con gà lại thế? Con ba-ba, con cóc, cái buồng cau, buồng móc lại thế? Thì có giời hiểu. Hôm nay chú phải gác. Giời sáng giăng suông, chú quay về phía Bắc, nhìn chỗ chân trời kia, núi non trùng trùng điệp-điệp. Đứng lâu, mỏi chân, đặt khẩu súng « hỏa-mai » tựa vào cổng, ngồi sổm xuống đất, hai tay bóp chán, chú nghĩ.... Chú nghĩ, rồi lại tự mình trả lời, nhưng chú cũng không tìm thấy chân lý.

« *Con chó, con gà, ba-ba, con cóc, buồng móc, buồng cau* »

Tại sao lại thế? Tại sao cũng là loài vật mà con chó mồm đầy răng mà ăn thóc thì lại không được và cũng không tiêu?

Tại sao con gà không có răng thì lại ăn được hột thóc và ăn lại tiêu?

Tại sao con ba-ba, bình thường ở dưới nước mà đến khi đẻ lại lên trên cạn?

Tại sao con cóc, bình thường ở trên cạn mà đến khi đẻ lại xuống nước?

Tại sao cây móc, cùng một giống với cây cau, mà khi có hoa thì buồng lại mọc ở trong ruột cây?

Tại sao cây cau, thì buồng hoa lại mọc ở ngoài?

Cứ nghĩ đi nghĩ lại mấy câu hỏi ấy mà chú Vệ Bồ quên cả canh với gác.

Đồng hồ nước vẫn thánh thót giỏ giọt đều ; trống trên các vọm gác vẫn điểm năm canh.... Trong đồn giữa, quan Đề-Đốc cũng chằn chọc ngủ không ngon. Cách mấy hôm nay trinh-sát báo cho Ngài biết rằng cách cửa ải ba bốn dặm có một toán cướp chỉ định cơ hội là vượt qua biên-giới. Tiếng trống điểm canh ở cửa nào đánh, ông đều biết ; nhưng ông lấy làm lạ không thấy trống điểm ở gác cửa Tiền . . . canh ba qua không thấy trống ; canh tư, cũng không.

— Có lẽ lính gác cửa Tiền làm sao mà vắng tiếng trống. Hay ta thử dạo ra thăm các cửa xem.

Nghĩ vậy quan Đề-Đốc tháo chiếc đoản kiếm treo ở đầu giường rồi lay tên lính hầu dậy khẽ dón dén ra sân.

Qua cửa Tả, rồi đến cửa Hữu, cửa Hậu, quan Đề-Đốc đều thấy lính phiên thức, khi thấy bóng người đến gần đều hỏi tiếng « lóng ». Nhưng đến cửa Tiền thì thấy im lặng. Tiến sát gần, dưới sáng trăng tỏ, Cụ thấy chú Vệ-Bồ đang ôm đầu nghĩ ngợi, súng để tựa bờ tường. Dón dén đến sát nơi Quan Đề-Đốc sai lính hầu khẽ nhấc lấy khẩu súng rồi trở về phòng. Vệ Bồ vẫn ngồi trầm ngâm nghĩ ngợi. Trong đầu chú vẫn luẩn quẩn vấn đề *con chó, con gà*.... Chú Vệ-Bồ mải nghĩ đến nỗi quan Đề đến gần cũng không biết, mà nhấc mất súng cũng chẳng hay. Cho đến khi quan Đề-Đốc phái thày Đội ra thay gác và điệu Vệ-Bồ vào dinh, lúc ấy Vệ-Bồ mấy giật mình, sờ đến súng thì súng đã đi đằng nào. Mất súng trong khi gác thì đáng tội trảm chứ chẳng chơi. Chú sợ run lẩy bẩy và theo thày Đội.

Vào dinh, dẫn đến trước mặt quan Đề-Đốc. Chú sụp xuống lậy để tạ-lỗi. Nhưng quan Đề là người sắt đá vả lại tội mất súng là tội tầy đình.

Nom thấy Vệ-Bồ, quan Đề quắc mắt mắng:

— Làm lính mà chểnh mảng đến nỗi mất súng cũng không biết, mi thật đáng tội. Vậy có phải mi ngủ không? Có lẽ giặc đến mi cũng không hay?

— Bẩm lậy quan, tội con thật đáng chết, nhưng xin phép Quan cho con giãi bầy tâm sự, rồi sau này có chết cũng cam.

— Tội mi dành dành còn chối cãi làm sao. Ừ, nhưng ta cũng cho mi nói mấy câu.

— Bẩm lậy quan lớn, con lên đây đã hơn bốn năm mà không được về thăm quê hương, thăm vợ dại con thơ. Buồn quá con sinh nghĩ ngợi. Bao nhiêu bài vở, bao nhiêu nhời hay lẽ phải quan lớn giậy dỗ, con đều hiểu và nhớ, duy có mấy câu làm cho con thắc-mắc, không sao hiểu được và vì thế lúc nẫy quả con không ngủ, nhưng con mải nghĩ mà để mất súng.

— Điều gì mà mi thắc-mắc?

— Bẩm quan lớn vì sống ở một nơi hiu quạnh này, luôn luôn chỉ có cỏ cây cho nên con nghĩ mãi không ra, tại sao giời lại có những éo le như *con chó, con gà, ba-ba, con cóc, buồng móc, buồng cau*... Tại sao...

Thế là chú Vệ Bồ kể lể hết những câu tại sao đã làm cho chú thắc mắc và đưa chú đến chỗ chết.

Quan Đề-Đốc nghe xong, tròn mắt, sai nọc chú xuống đất đánh cho 50 trượng, rồi bỏ ngục tối, chờ hai tháng sau sẽ sử-trảm.

∴

Khi lính đã dẫn Vệ Bồ bỏ ngục rồi, quan Đề-Đốc ngồi gật gù nghĩ ngợi. Ngài cũng lại thấy mấy câu « tại-sao » của Vệ Bồ ban nãy. Qua mấy hôm sau, lúc nào quan Đề cũng nghĩ tới, tìm mãi cũng không được câu trả lời.

Rồi một hôm quan Đề-Đốc được lệnh triệu về Kinh. Hồi ấy người Pháp mới sang, và ở Thăng-Long đã có mấy Cụ Đạo ngoại-quốc. Nhân ngồi nói chuyện với một cụ-đạo, quan Đề không quên đem vấn-đề con chó, con gà, ba ba, con cóc, buồng móc, buồng cau ra nói và có lẽ để truy cụ Đạo chăng.

Thì may sao, Cụ Đạo là một nhà Bác-Học sang bên ta để theo một phái đoàn nghiên cứu. Cụ Đạo thấy quan Đề-Đốc hỏi cho nên đã cắt nghĩa rõ ràng và sau lại biếu mấy pho sách về vạn-vật-học có đủ tranh ảnh để quan Đề-Đốc xem.

Nhờ có Cụ-Đạo mà quan Đề-Đốc đã biết rằng :

— Con chó là giống ăn thịt cho nên giời cho chúng một bộ răng rất nhọn và sắc để cắn và sé đồ ăn, chứ không phải để nghiến bẹp hột thóc ; đã không nghiến được hột thóc thì ăn cũng chẳng tiêu. Còn như con gà tuy chỉ có mỏ thôi và không có răng nhưng trong

mồm có nhiều rãi cho nên rãi ấy bao bọc lấy hột thóc làm cho chơn để nuốt vào bìu. Giời đã phú cho gà đặc tính ăn rất nhanh để phòng lúc tranh mồi thì nuốt được nhiều chứa vào bìu mà không hóc. Hột thóc ở bìu sẽ xuống mề. Cái mề là một cái « Cối xay » nghiền hột thóc ra bột và bột ấy gặp nước tiêu hóa thành ra chất bổ nuôi thân thể gà.

— Con ba-ba tuy ở dưới nước nhưng thở bằng phổi. Nó nhờ có phổi để hô hấp khí giời. Trong phổi ba-ba có những túi để chứa khí giời, cho nên thỉnh thoảng nó phải ngóc đầu lên khỏi mặt nước để hít khí giời vào các túi rồi lại lặn xuống nước tìm mồi. Trong lúc ở dưới nước, nó nhờ có không khí chứa ở cái túi mà thở được. Con của ba-ba cũng thở như ba-ba mẹ, cho nên mẹ nó phải đẻ trứng ở trên cạn để lúc mới nở ra ba-ba con hô hấp được khí giời ; khi đã cứng cáp chúng mấy xuống nước và thở như mẹ.

— Còn con cóc thì cũng thở bằng phổi như ba-ba, nhưng con của cóc là nòng nọc thì lại thở bằng go như cá. Lúc bé nhờ có go mà nòng nọc hô-hấp được khí giời ở dưới nước về sau nhớn, go rụng đi, phổi mọc ra, và đuôi cũng đứt. Lúc ấy nòng nọc nhẩy lên bờ để thở bằng phổi như cóc. Vì thế cho nên cóc mẹ phải đẻ trứng xuống nước, để khi nòng nọc nở ra gặp nước mà dùng bộ go để thở.

— Cây móc, tên Pháp là Caryote, tên khoa học là *Caryota urens* và cây cau (aréquier) tên khoa

học là *Areca catechu* cùng thuộc về loài cây cọ (Palmiers) giòng arécinées. Ông Tạo-Hóa đã sinh ra hai giống cây ấy, tuy cùng một loài nhưng cách ra hoa kết quả khác nhau. Hoa móc bao giờ cũng mọc ở ngọn mọc ra theo lối khai hoa ly-tâm-lực (centrifuge) và ở giữa các tầu lá. Giống như cây chuối, mỗi lần cây móc ra hoa quả rồi thì cây ấy cỗi và chết, nhưng ở gốc sẽ đâm ra nhiều mầm, mầm ấy mọc thành cây con. Còn như cây cau thì sống lâu hơn và không có mọc chánh con ở dưới gốc. Mỗi năm một hay hai lần, hoa cau sẽ xuất-hiện phía trong bẹ lá mà ta gọi là *mo* cau. Bao giờ hoa cũng mọc ở phía ngoài thân cây chứ không ở giữa như cây móc, theo lối khai hoa hướng-tâm-lực (centripède).

Quan Đề nghe hết lời giảng lấy làm thú-vị. Đôi mắt sáng ngời, Quan Đề liên-tưởng ngay đến tên lính thú và cũng đem câu chuyện kể cho Cụ Đạo nghe. Quan nghĩ bụng khen chú Linh đã có bộ óc chịu phán đoán và tìm lẽ phải, và định tâm sẽ tha bổng chú khi Cụ trở lên Lạng.

Xong công việc ở kinh thành, quan Đề trở lên thành Lạng, nhưng vì đường sá xa sôi, nên khi Ngài lên đến nơi thì chú Vệ Bồ đã bị hành hình hôm trước rồi, và sác chôn ở bờ sông.

Thương hại chú lính, quan Đề-Đốc cho lập một cái miếu thờ ở gần mộ.

Vì chết mà vẫn chưa khám phá ra chân lý, oan-hồn chú lính thành con chim, ngày đêm ai-oán kêu ở khắp các đồn nơi biên-cương.

« Ba-ba, con-cóc, buồng-móc, buồng-cau... »

Tò vò mà nuôi con rện...

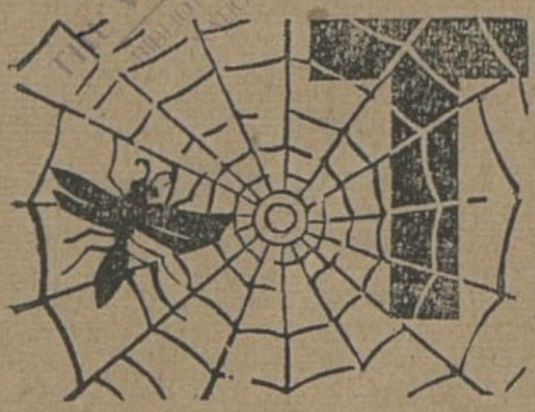

Ại thôn-quê, xưa nay vẫn có câu ca-dao :

Con tò-vò mày nuôi con rện,
Ngày sau nó nhớn nó quyến quyện [nhau đi
Mày ngồi mày khóc tỷ ty !
Rện ơi rện hỡi, rện đi đằng nào ?

Câu ca-dao ấy có ý nghĩa là con tò-vò, mất bao công trình nuôi-nấng con rện, thế mà đến khi con rện nhớn thì lại bỏ tò-vò mà đi nơi khác ; câu ấy lại còn có nghĩa là nhiều khi một người tận-tâm giúp đỡ một kẻ trong lúc hoạn-nạn mà về sau khi qua cầu thoát nạn, bị bỏ rơi không được một lời cám ơn.

Đứng về phương-diện văn-chương, ý nghĩa câu ca-dao là thế. Cổ-nhân khi chiêm-nghiệm thấy quả thật con tò-vò hàng ngày đi tha những

con rện nhỏ mang vào tổ thì đã kết-luận là nó đã chịu khó nuôi rện, và trong một thời gian, nếu để ý xem kỹ tổ thì chỉ còn tổ không, bao nhiêu rện đã đi đằng nào cả.

Nhưng nếu các bạn đọc hãy quên ý vị của câu ca-dao ấy mà cùng tôi cúi xuống xem cái đời riêng của con tò-vò thì các bạn sẽ biết rằng câu ca-dao ấy có đúng với sự thực không?

Vậy xin mời các bạn cùng tôi dạo bước về nơi đồng-ruộng ..

Con tò-vò thuộc về loài sâu cánh mềm (Ichneumone). Có con mình màu thanh-thiên, bóng đẹp, có con màu đen thẫm, cũng có con màu vàng. Nhưng con tò-vò ta thấy ở Bắc-Việt thường màu xanh. Đầu tò-vò nhỏ, có hai răng khỏe, trên trán điểm hai cái sừng ngắn mọc gần hai mắt rất bóng sáng. Ngực tô màu vàng có sáu chân nhỏ nhưng cao, rồi đến cái bụng xanh dài, nhọn, nom như cái thoi. Ngực nối liền với bụng bằng một cái lưng ong nhỏ thon thon như thể một cái tăm. Bốn cánh mỏng, trong suốt làm cho thân hình tò-vò càng thêm phần mỹ-miều uyển-chuyển.

Về cuối xuân sang hè, là mùa đẻ trứng của tò-vò. Sau khi bay lượn tìm mọi chỗ trong nhà ở của người như kèo nhà, dưới mái-hiên, góc tường, và một khi đã ưng ý chỗ nào rồi thì tò-vò mẹ đậu vào đấy để lấy hai chân trước vơ-vét các bụi bậm bỏ ra ngoài và lấy đầu quét một lượt cho sạch-sẽ. Tò-vò lại còn cẩn-thận lấy bộ cánh vẫy một hồi như thể để quạt

chỗ ấy cho không còn gì bẩn-thỉu. Thật như một người thợ nề có lương tâm sửa soạn chân móng một cái nhà sắp xây. Thế rồi, một buổi sáng kia, mặt giời mới mọc giọi ánh sáng xuống cánh-đồng lúa xanh rờn, tò-vò đã đến bờ ruộng tìm đất sét trắng đẹp, rồi lấy hai chân trước và hai răng đem sắn một ít, nhào với nước rồi vê thành hình tròn nhỏ, lấy chân trước ôm rồi bay về nhà, tìm đúng chỗ đã chọn hôm trước. Việc đầu tiên là đặt viên đất sét còn ướt ấy cho dính vào « chân móng » rồi tò-vò lại bay ra kiếm viên đất khác. Cứ như thế, ngày này qua ngày khác, trong vòng 5, 6 hôm, một cái tổ to, bằng ngón tay cái đã được xây dựng theo một kiến trúc riêng của tò-vò, nghĩa là tổ làm hình dài, một đầu thì kín, còn một đầu để hở như thể một cái cửa ra vào. Làm đến đây, tò-vò bay đi tìm hoa tươi để hút nhị hoặc kiếm mồi ngon ngoài bụi tre, trên dàn-bí, vừa để tẩm bổ và lấy lại sức, vừa để đợi ngày lành tới kỳ mãn nguyệt khai hoa. Bỗng một hôm có lẽ thấy trong mình đã nặng nề vì trứng, tò-vò lại tới thăm tổ lúc ấy đã khô hẳn rồi, nhưng khác lần trước là lần này, hai chân và răng có mang theo một con rện nhỏ. Một ngày hai hay ba lần, tò-vò mang rện bỏ vào trong tổ. Khi trong tổ đã có 5, 6 con rện rồi thì tò-vò thôi, và ngày hôm sau thấy nghỉ. Đến ngày thứ ba lại thấy tò-vò đến tổ, nhưng lần này nom có vẻ nhọc mệt, và sau một lúc đi quanh tổ thăm thú, tò-vò chui vào trong. Hôm nay đã đến ngày đẻ trứng. Tò-vò ở trong tổ độ một giờ thì

ra, và bay thẳng ra đồng để lấy đất về chát kín lấy cửa ra vào. Thế rồi tò-vò bay đi nơi khác để kiếm ăn và tìm thú nguyệt hoa.

Một tháng sau, cửa tò-vò bỗng mở rồi mấy con tò-vò nhỏ ra uốn mình, vỗ cánh rồi bay đi tìm mồi, bỏ lại tổ không với mấy cái vỏ rỗng mà tò-vò con đã chui ra. Thế còn mấy con rện mà người ta vẫn bảo là tò-vò mẹ bắt bỏ vào tổ để nuôi, thì đâu ?

— Làm gì còn. Nó đã chui vào bụng các con tò-vò con rồi. Cái lòng tốt mà người Việt-Nam gán cho tò-vò mẹ làm gì có thực. Thật là một cái nhầm to. Con tò-vò có bộ mặt hiền-từ phúc-hậu kia chỉ là một con vật rất thâm trầm độc-ác vô song, và đã vì lợi riêng mà « nuôi » con rện rồi để cho chúng chết dưới hàm răng của những tò-vò con. Này nhé, khi tò-vò mẹ làm tổ xong, liền tìm kiếm bắt mấy con rện nhỏ, nhất là thứ rện con ta vẫn hay gặp ở góc tường, ở các nơi kho vắng, mà tên khoa-học là :Clubiona erratica. Khi bắt được một con rện, tò-vò lấy ngòi ở bụng, khẽ tiêm vào ức con rện mấy phát chuyền nọc độc là một thứ cường toan (acide formique) sang rện mà làm tê liệt cả mình mẩy rện, và để cho dù rện có chết rồi chăng nữa sác thịt cũng không thể ôi-thối được. Muốn cho rện thật chết, chẳng kém gì một nhà giải phẫu đại-tài, tò-vò lấy răng cắn vào sau gáy rện để làm nát chỗ cuống-óc khiến cho cả bộ thần-kinh-hệ đều bị tê-liệt.

Làm xong các việc ấy rồi, tò-vò mấy đem khuân sác rện bỏ vào tổ, rồi đẻ trứng của mình

vào gần các sác rện ấy. Được ít ngày, trứng nở sâu. Sâu ấy mới nở ra còn non nớt chưa biết kiếm mồi, gặp ngay các con rện mà tò-vò mẹ đã « ướp » và để dành sẵn, nên ăn liền và rất mau lớn. Khi ăn hết rện, các sâu lộn thành rộng rồi chẳng bao lâu đã hóa ra tò-vò chính cống.

Con tò-vò này khoét cửa tổ chui ra ngoài, khi ấy đã đủ sức để chống chọi với đời. Như thế có phải con rện mà người ta vẫn đổ cho là đã vô-ơn bội-nghĩa chỉ là những nạn nhân đáng thương, mà trái-lại con tò-vò ngoan cố « sát-rện » kia mấy đáng trách.

Vậy ta có thể chữa lại câu hát trên bằng câu sau đây :

Tò vò nuôi con bằng rện,
Ngày sau con lớn quyến-quyện nhau đi,
Tò vò ngồi khóc tỷ ty,
Con hơi, con hỡi, con đi đằng nào ?

Thế mấy biết ca-dao, tục-ngữ và sự xét-đoán của loài người nhiều khi nhầm lớn.

Người ăn bọ-xít

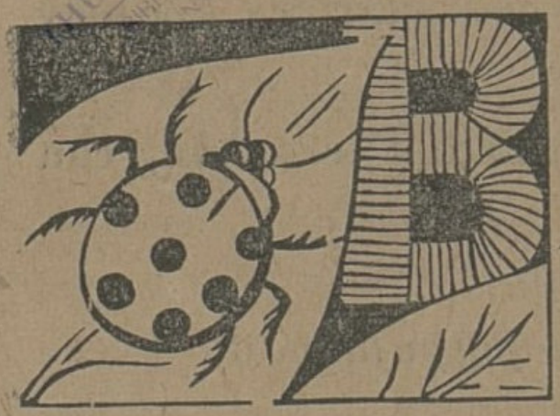

BÁC Tập là một cựu lính-thợ hồi đại-chiến trước. Bác đã từng đóng ở nhiều Tỉnh miền Bắc nước Pháp, và sau cùng thì Bác ở Tỉnh Metz. Gọi Bác là lính thợ không chuyên - môn thì thật là đúng, và chính Bác cũng công-nhận là thế. Ba năm giời xuất - dương, bác Tập vẫn hoàn Bác Tập. Vẫn bộ mặt gân-guốc, hai mắt sếch lúc nào cũng đỏ ngầu vì rượu và bộ răng ruộm đen đã hơi cải-mả. Trải mấy năm lăn lộn ở Hải-Ngoại, nhiều anh em cùng đăng lính với bác đã trở nên khá ; người thì học được nghề, người thì xin cải sang lính - chiến và nay đóng cai, đội. Còn bác thì chỉ đóng bếp. Mà bếp đây không phải là bếp trong hàng-ngũ bộ-đội đâu, mà chỉ là « bếp » để nấu nướng, vì Bác Tập ở nhà biết nấu món ăn, cho nên sang đây anh em lại cử trông nom

bếp nước. Bác Tập thường nói : « Sống ở trên đời, công danh phú quý chẳng đáng kể vì chết hai tay buông suôi chứ nào ai mang được đi theo. Như thiển-ý bác thì giời cho khỏe mạnh và ăn được vào mồm cái gì là chắc đấy. Đồ ăn vào bụng, biến thành máu, máu thành xương, thịt. Xương thịt ấy lúc ta trăm tuổi chết đi thì ta còn mang theo đi được cơ mà. Ấy thế cho nên bếp này lúc nào cũng nghĩ tới câu sáo của Cổ-Nhân dậy là: *có thực mới vực được đạo « dĩ thực vi tiên »*.

Số tôi cũng may, may nhất là giai làng Bát-Tràng, cho nên từ nhỏ đến nhớn chẳng phải vất-vả gì, chỉ ăn, cùng chơi, mọi việc đã có mẹ-đĩ. Sang ở đất Pháp, nhờ có tôi mà anh em đồng-ngũ chẳng thiếu thứ gì cả. Này nhá, ở Nancy, tôi đã chung nhau đánh-đụng thịt chó, và đánh tiết canh, chả, dựa mận, và không quên món nhồi chó. Có ở nước người mà ăn món ấy mấy biết là ngon, và các Cụ nói không ngoa :

« Sống ở trên đời, ăn miếng nhồi chó ».

Ngẫu nhiên, tôi được gặp bác Tập ở làng T.L. do ông Lý-Trưởng sở tại giới thiệu. Hồi ấy, các trại vải ở hai bên bờ sông Đáy bị nạn bọ-xít làm hại. Hàng vạn cây vải bị bọ-xít làm rụng hầu hết quả non. Tối đến bọ-xít bay từng đàn lượn ở trên trại vải, tiếng kêu như ong vỡ tổ và bay cả vào chung quanh đèn ở trong nhà. Giống bọ-xít này mà người Pháp gọi là Punaise du letchi, tên khoa-học là *Tessaratoma papillosa*, mình mầu nâu điểm đỏ, bụng có phấn trắng và mỗi khi đụng đến thì tiết ra một thứ nước mùi rất hôi.

Tôi được lệnh cùng với nhà đương chức địa-phương đến các trại vải để tổ-chức việc trừ bọ-xít ấy. Với những điều kiện vật chất hồi ấy, muốn trừ loài bọ-xít bám đặc cả ở cành, lá, quả cây vải, không có cách gì rẻ tiền và tiện hơn là lối bắt. Cứ sáng sớm tinh-sương, tất cả dân làng, trai-tráng, đàn bà trẻ-con đều mang sào, gậy, vợt ra bãi vải để rung cành cây hay đập vào lá cho bọ-xít rơi xuống đất rồi lấy vỉ tre mà đập chết đi. Hoặc lấy vợt buộc ở ngọn những sào tre mà bắt các con đang bay rồi đổ vào những thùng nước đã để ở nhiều nơi. Bao nhiêu bọ-xít bắt được đem đổ cả vào những hố đào sẵn ở gần gốc cây vải, hễ đổ đầy lại lấy đất lấp đi, sau này sác bọ-xít sẽ là một thứ phân bón cho cây vải. Các viên-chức hành-chính địa-phương có phụ-cấp tiền, gạo cho những người nghèo và treo giải thưởng cho ai bắt được nhiều bọ-xít nhất. Ngày này, sang ngày khác, giòng giã 20 ngày đánh giặc, có đến 40 thúng bọ-xít đã được bắt và hủy-đi, nghĩa là đã trừ được đến hơn hai triệu con. Chính vì thế mà nạn bọ-xít cũng giảm đi, và hai tháng sau thì hầu như hết hẳn. Năm ấy, mất mùa vải, nhưng có cuộc bài trừ cho nên một ít cây cũng lác đác có quả. Để chấm rứt cuộc đánh giặc ấy, ông Chủ Tỉnh, đã cùng tôi đến thăm bãi vải ở làng T. L. Dân đã trở lại công việc hàng ngày, bỏ trơ những cây vải bị sác-sơ như sau một trận bão lớn. Được tin trước, lý-dịch đã túc trực sẵn ở đình làng. Ông Chủ-Tỉnh là người am hiểu tiếng Việt-Nam và rất chú ý đến phong tục xứ ta, bước vào đình, Ông liền hỏi viên lý-trưởng:

— Thế nào, dân làng đánh giặc bọ-xít thắng hay bại ?

— Bẩm Cụ, toàn thắng.

— Thế giết được bao nhiêu tên địch ?

— Bẩm trước sau bắt được 27 thúng đầy, mỗi thúng độ 5.000 con, vị chi một triệu rưỡi con.

— Vậy bọ-xít ấy, các ông làm gì ?

— Chúng con theo lệnh trên, đã chôn vào các gốc cây vải để làm phân bón cây.

— Sao không cho gà vịt ăn ?

— Bọ-xít này hôi lắm, gà vịt cũng không buồn ăn. Duy có bác bếp Tập là dám bắt để nhắm rượu thôi. Bác ấy bảo ngon như thịt cà-cuống !

— Vậy người ăn được à ? Thày Lý dẫn chúng tôi đến nhà Bác ấy xem nào.

Chúng tôi theo Ông Lý - Trưởng vào giữa làng để xem có phải bác Bếp đã ăn bọ-xít cây vải không.

Đột - ngột tới, bác Bếp không được biết trước, nên chúng tôi bắt gặp Bác đang ngồi sếp chân vòng tròn giữa phản bên cạnh có một chai bố rượu lậu, một cái hỏa lò than đỏ hồng và một bát tầu đầy bọ-xít.

Thấy quan-khách đến, bác Tập vội đứng giậy vái chào rồi xin lỗi.

Không đợi lâu, Ông Chủ-Tỉnh hỏi ngay :

— Thấy bảo Bác thích ăn bọ-xít cây vải, chúng tôi đến để xem Bác ăn ra sao, và có ngon không?

— Bẩm các Cụ cho phép thì con xin nói. Nhân hôm nọ thấy làng bị nạn bọ-xít, con cũng có ra đánh giặc sâu và chôn không biết bao nhiêu là bọ-

xít. Sau con thiết nghĩ rằng con bọ-xít cũng hơi giống con cà-cuống thì âu là thử cho gà, vịt, lợn ăn xem chúng có ăn không. Thế rồi con lấy về nhà một ít ném cho gà, lợn để xem. Chúng đến gần ngửi rồi bỏ đi. Con đoán là vì mùi hôi của bọ-xít, cho nên gà, lợn không chịu ăn. Con lại nghĩ rằng con cà-cuống có bọng nước thơm ở trong bụng thì con bọ-xít hẳn cũng có bọng nước hôi mà nếu sau khi ta lấy bọng thơm của cà cuống ra rồi thì ăn thịt cà-cuống không thấy thơm nữa. Vậy nếu nay cũng lấy bọng nước hôi của con bọ-xít đi thì chắc là bọ-xít hết hôi và có lẽ lợn, gà ăn chăng. Thế rồi con thí nghiệm. Và con không quên đem rang để cho mất cái sáp bám ở dưới bụng các con bọ-xít đã làm cho chúng có mùi hôi. Thoạt tiên, con cầm cái ngòi ở dưới đít con bọ-xít mà từ từ rút ra ; vì cái ngòi ăn vào một cái bọng nhỏ như cái tăm trong chứa một thứ nước hơi xanh xanh, nếu đánh vỡ thì hôi lắm. Đoạn ngắt cánh, bỏ chân và đầu đi, rồi bỏ vào nồi rang mà rang như mọi khi con vẫn rang cào-cào để ăn. Thế rồi con mang ném cho đàn gà thì thấy chúng tranh nhau ăn. Con cho con lợn sề của nhà con thì cũng thấy nó ăn rất ngon lành. Sau hết con thử ngửi thì thấy thơm mà không thấy mùi hôi cho nên con đánh liều ăn một con xem sao. Thì con không thấy hôi, và càng nhai càng thấy nó ngon ngon, bùi bùi như thịt cà-cuống hay cà-niễng mà thiên hạ vẫn phải mua mất tiền mới có. Ăn một con, rồi hai con, ba con, càng ăn càng lạ miệng, lại muốn ăn và nếu ăn một con lại tớp một hụm rượu ngang thì lại ngon tuyệt. Thế là

ngày nào con cũng nghiện ăn bọ-xít cũng như con nghiện rượu từ khi con ở Pháp-Quốc. Con xin phép các Cụ sửa soạn một ít để kính mời các Cụ nếm thử.....

Nói xong bác liền lại gần hỏa lò, lấy một con bọ-xít làm như bác đã kể lúc nãy, nhưng muốn cho ngon hơn bác bắt con bác ra vườn lấy ít lá tranh băm nhỏ trộn với ít muối và mỡ nước rồi sau khi lấy nước sôi rội lên bọ xít đã bỏ bọng, bỏ đầu, bỏ chân, bỏ cánh, rửa cho sạch và hết sáp ở bụng, bác lấy một cái siên bằng thép sâu qua con bọ-xít rồi đưa lên trên than hồng nướng. Mùi mỡ, mùi lá tranh, mùi bọ-xít bốc lên thơm ngào ngạt trong phòng. Mọi người đều đổ rồn con mắt vào tay bác Bếp Tập và không sao giữ nổi, vô số người đã nuốt nước miếng... Thật là một đầu bếp lành nghề. Sau một lúc, bác Tập đã nướng được một đĩa đầy. Muốn cho mọi người tin, bác rón một con rồi nhai nom rất ngon lành. Bác ăn luôn mười con liền và tấm tắc khen ngon, đoạn bác cung kính giơ đĩa bọ-xít mời chúng tôi sơi thử.

Ông Chủ-Tỉnh đưa mắt nhìn tôi và khẽ nói :

— « Tôi đã có dịp nếm nhiều thức ăn ngon, lạ của Việt-Nam, cả món cà-cuống, cả ăn dầu, nhưng chưa bao giờ nếm món này ! Bác Tập đã ăn trước rồi, giờ đến lượt chúng ta. Tiền chủ hậu khách mà ..... Chắc ông SOCRATE ngày xưa uống thuốc độc cũng hồi hộp như chúng ta bây giờ đấy nhỉ ? Nhưng cũng liều nhắm mắt đưa tay . . . . . ».

Thế rồi, ông thò ngón tay rón lấy một con bọ-xít bỏ vào mồm nhai rồi nuốt.

Ông Chủ-Tỉnh đã nếm, chúng tôi chả nhẽ đứng yên, muốn giữ thể-diện, chúng tôi mỗi người rón lấy một con bọ-xít rồi nhai nhồm nhoàm dưới con mắt ngạc nhiên nhưng thú vị của ông Chủ-Tỉnh và sung sướng của Bác Tập. Nhưng không ai bảo ai, nuốt xong con bọ-xít mọi người đều cầm lấy một chén rượu ngang rồi uống một hơi, không hiểu để nhắm với bọ-xít hay để cho khỏi lợm dọng.

Bác Tập thích chí hỏi : Bầm các Cụ, có phải ngon không ? Theo ý con thì nó có một hương vị riêng, hơi giống vị hột hạnh nhân mà lại hơi giống vị pistache mà con đã được ăn với kem ở Marseille.

— Cũng khá, ăn được ! Ông Chủ-Tỉnh gượng trả lời.

Thầy lý-trưởng và mấy hương-lý chắc là đồ-đệ lưu-linh không ngần ngại gì mà không rón thêm mấy con nữa và nhắm với mấy ly rượu.

Chúng tôi ra về trong lòng thắc mắc nhưng cũng công nhận rằng bếp Tập thật là một tay ăn bọ-xít cây vải giỏi và theo như lời cụ Chủ-Tỉnh có lẽ bếp Tập là một người kỳ-dị nhất mà Cụ đã gặp . . . .

Ma ném

Đã ba tối nay, cứ từ 8 giờ trở đi, ma ném rất nhiều gạch, đá vào sân nhà ông Khán-Ất tại đầu làng Q. L. Vì là cuối tuần giăng, giời tối như mực, cho nên trên đường làng rất vắng người đi lại. Gió thổi từng cơn ào ào qua các khóm tre và cây mọc bên đường ; tiếng gió sen lẫn với tiếng chó sủa ở các sóm lẻ làm cho vẻ tịch mịch của làng thêm ghê rợn. Trên mặt mấy ao bèo bên đường cái, mấy con đom đóm lập lòe, truyền chỗ nọ sang chỗ kia khiến khách qua đường liên tưởng đến mấy con ma chơi đang rỡn trên bờ ruộng quanh mấy cái mả mới.

Bà Khán tay chống gậy bước cao bước thấp vừa ở sóm trong về tới cổng nhà. Đi trước mấy bước là thằng cu Do một tay cầm cái

đèn hoa kỳ, một tay cầm con dao bầy. Ánh đèn le lói bóng hai người dập dình in vào bụi tre, vào mặt đường, lúc ẩn lúc hiện, y như hai con ma đuổi rỡn nhau. Con cú vọ đỗ trên cây đa cửa chùa rúc lên một thôi làm cho bà Khán sởn gai ốc. Qua cái cổng chống bằng tre còn mở, hai người bước vào sân giữa tiếng sủa của con vện tưởng người lạ chạy sô đến tận bờ ao. Đi được mấy bước, bỗng nhiên có tiếng gạch, đất rơi huỳnh huỵch ở chung quanh bà Khán. Rồi đến « choang » một cái, cây đèn hoa kỳ trên tay thằng cu Do đã bị vỡ tan làm cho không ai trông rõ đường đi nữa. Bà Khán vốn rút rát, thấy biến, định hô hoán lên và chạy vào nhà. Nhưng không hiểu tại sao lúc ấy như có mãnh lực gì giữ hai chân bà như đóng xuống đất, không tài nào nhấc lên được ; mồm muốn kêu mà chỉ há hốc ra chứ chẳng thành tiếng. Thằng Cu Do thấy đèn vỡ, gạch đất ném tứ tung nên nhanh cẳng chạy về phía nhà, để chờ bà Khán. Nếu không có ông Khán thấy thằng cu Do vào bảo và cầm đèn cây với con vện ra đón, thì có lẽ bà Khán sợ đến chết đứng ngoài sân mất. Nhưng lạ thay cả bọn đi đến mái hiên nhà, ông Khán cầm đèn cây đi sau cùng, thì lại choang một lần nữa, bóng đèn vỡ tan, lửa tắt phụt đi. Mọi người sô chạy vào nhà đóng chặt cửa ngồi nghe ngóng. Thì cứ cách mấy phút lại thấy tiếng gạch đá rơi xuống sân hay trên mái nhà. Đến quá nửa đêm cái chum tương để ở cửa bếp cũng bị vỡ tan bởi một hòn gạch. Không một ai dám thò ra ngoài sân, vì nếu thoáng có bóng người nhỏ

ra và nhất là cầm một cái đèn sáng hay một bó đóm mà qua cửa bếp thì sẽ bị gạch ngói đất sỏi nhằm làm đích và ném vào như mưa. Một mình con vện can đảm vẫn tung tăng chạy ở ngoài sân và mỗi khi có hòn gạch mà ma ném tới lăn lộc cộc ở trên mặt đất thì nó lại cắn sô về phía ấy. Ma cứ ném như vậy cho tới gần 3 giờ sáng mới thôi.

Hôm sau, khi giời rạng đông, biết tin nhà bà Khán Ất có ma ném dân làng lũ lượt kéo nhau đến xem. Một nửa sân về phía tây, đầy những viên gạch to bằng củ đậu, và rất nhiều sỏi cuội ngói, đã do ma ném đêm hôm trước còn nằm ngổn ngang. Người bàn kế này kẻ bàn kế nọ, làm cho vợ chồng ông Khán Ất đã lo buồn lại thêm sợ sệt. Nhất là các bà ở sóm bên cạnh cứ rì rầm nhỏ to bàn tán làm cho Bà Khán phải sốt ruột. Bà « Đồng » ở sóm Vạn-Điền rỉ vào tai bà Khán rằng cái đất bà ở « dữ lắm », và đời xưa cái ao ở trước cửa đã có mấy đứa trẻ chăn trâu chết đuối. Nay oan hồn các cậu ấy đã thành ông mãnh, năm nào động thì về ám ảnh chủ nhà đây. Bà Khán muốn được yên nên sắm đồ lễ, kíp lập đàn mà tiễn « quan ôn » họa chăng mới giải hạn. Có người thì khuyên ông bà Khán phải cất mộ ông tam đại để ở đồng « mỏ quạ » đắng trước cửa đình, vì chắc là mồ mả động cho nên mới sẩy ra tai nạn này. Ông Bà Khán làm nghề phù-thủy ở làng bên, chiều hôm cũng đến chơi và xin cam đoan lập lễ, yểm bùa bắt cho được

con ma ném giúp gia-đình ông Khán, vì ai cũng biết tiếng ông là cao tay; chính năm Đinh-Hợi, ông đã bắt được con « ma » ném ở làng Nãi dưới cuối Huyện.

Vợ chồng ông Khán Ất vốn tin dị-đoan, nhà lại hiếm hoi, lấy nhau đã 15 năm nay mà bây giờ mới được một mụn con giai, nên ai bảo gì cũng nghe. Xuốt ngày hôm sau, nào bà Khán ra chùa lễ tạ, nào lập « đàn » giữa sân để giải hạn, và cũng không quên đưa thày phù-thủy cao tay một trăm rưởi đồng để làm đủ mười lá bùa đem yểm khắp nhà và các mộ. Mọi người nhà đều đeo bùa ở cổ và tay đeo chỉ ngũ sắc để trừ tà!

Tối hôm sau, ông Khán mời thêm được năm sáu trai tráng con cháu trong làng đến ngủ cho đỡ sợ. Nhưng lạ thay, ban ngày đã cúng lễ, đã yểm bùa mà đến độ 9 giờ đêm, trong khi mọi người còn đang quày quần quanh bàn tổ-tôm để thức đêm coi nhà thì một loạt gạch ngói đã ném vào phía cửa bếp làm cho cái cóng hứng nước mưa ở gốc cây cau vỡ làm mấy mảnh và khiến cho con chó vện sô ra sủa cắn. Mọi người đều ngơ ngác nhìn nhau; bà Khán tay lần tràng hạt mồm nhẩm kinh; mấy cậu trẻ em đang đứng gần bàn tổ tôm sợ sệt co chân nhẩy vội lên giường lách vào cạnh người nhớn. Thì đến độp một cái, hòn gạch to bằng nắm tay đã qua sân đập vào cánh cửa, làm cho hết thảy trai tráng phải đứng dậy. Không có lẽ ông bà Khán đã nhờ đến để trông nhà hộ và đã

cơm rượu say sưa rồi và đều là thanh-niên khỏe cả lại sợ « ma » hay sao. Nghĩ vậy, trương Tuần Ngạc táo bạo nhất vùng đứng dậy, với cái lá chắn dựa bên góc tường, tay cầm đèn con rồi đẩy cửa văng mình ra sân hướng theo phía cửa bếp. Chàng hăng hái bước, mắt nhìn chung quanh sân để xem có thấy « ma » không. Thì quả nhiên « ma » đã trông thấy chàng nên một trận mưa dữ bằng gạch củ đậu, đất, sỏi đã dội vào đầu, vào mặt, vào lưng, vào chân trương-tuần làm cho cái đèn vỡ tan tành và đau quá chàng phải quẳng cả lá chắn chạy vội vào nhà, mặt tái mét nếu có cắt tiết cũng không còn hột máu ; chán thì bị gạch ném sưng bươu lên bằng quả ổi. Thấy vậy, không ai dám ra khỏi nhà, và cứ từng loạt một những trận mưa ra gạch, ngói, sỏi, cuội, cứ tiếp tục rơi xuống sân nhà bà Khán, cho đến gần sáng.

Cứ như thế dòng dã trong mười đêm liền, nhà bà Khán bị « ma ném » hoành-hành, thiên-hạ gần xa ai cũng biết, dủ nhau đến xem đông nghịt cả nhà.

Bà Khán buồn-bã bỏ nhà lên tỉnh ở trọ tại nhà Hai Mưu là em giai bà, làm cảnh-binh đã hai năm nay ở Quận Nhất Hà-Nội. Hai Mưu là một thanh-niên có học trẻ tuổi dũng-cảm và lanh lợi. Sau khi biết câu chuyện « ma ném » của bà Khán, chàng lấy làm sung-xướng được một dịp để xem « ma », vì chàng chỉ nghe thấy nói chuyện ma nhưng chưa có dịp nào gần gụi ma. Chàng thích đọc những chuyện trinh-thám của Arsène Lupin, và những cuốn viết về ma của C. Flammarion. Thậ

là một dịp rất hiếm có, nên sau khi bàn bạc với bốn bạn đồng nghiệp, một hôm vào khoảng 7 giờ tối, Hai Mưu nai nịt gọn gàng mỗi người một cái đèn bấm, đã xuống nhà bà Khán Ất để quyết tâm gặp « ma ». Khi giời đã tối như mực, Hai Mưu cùng hai bạn xuống bếp là phía mà mọi đêm thường bị ném dữ nhất để chờ. Quả nhiên, vào khoảng 10 giờ, mái nhà bếp bị hàng chục viên gạch rơi vào làm vỡ cả ngói. Hai Mưu cùng một bạn nữa bèn kiếm hai cái cót dầy và hai cái nồi đồng to, rồi đầu đội nồi, mình quấn cót, tay cầm đèn bấm, hai chàng « xung phong » ra giữa sân. Tới nơi, Hai Mưu đằng hắng rồi nói ba hoa mấy câu ngạo-nghễ, chế nhạo « ma ném ». Thì vừa nói xong, đã thấy một trận mưa gạch rơi về phía chàng đứng. Chàng bật đèn bấm hướng về phía đông, chàng đã bị hàng chục viên gạch củ-đậu choảng vào đầu, vào mình. Nhưng nhờ có nồi đồng và cót nứa làm mộc nên chàng không bị thương và cứ bền gan đứng « chiến » ngoài sân. Cứ thỉnh thoảng lại bật đèn cho sáng thì chàng thấy gạch đá ném vào chàng và bạn như mưa. Đã bảo nhau trước, nên mỗi khi « ma » ném thì hai chàng giọi ánh sáng đèn bấm để theo đường đi của các viên gạch hay hòn ngói. Hai Mưu không quên chiếu đèn để lấy phấn vẽ đường của các viên gạch đi, mặc dầu chàng bị ném rất dữ, mục đích để tìm điểm gặp của các đường ấy. Đến 12 giờ đêm hai chàng « rút lui » có trật tự vào trong nhà, sau khi Hai Mưu để lại một chiếc đèn bấm bật sáng tại gốc cây cau trước cửa bếp, ánh sáng hướng về phía đông. Gạch và đá cuội cứ nhằm phía đèn mà rơi xuống không ngớt.

Sau khi dì-dầm với nhau, Hai Mưu cùng với bốn bạn đã lặng-lẽ rời nhà bà Khán Ất và tiến về phía cửa chùa làng. Năm cái bóng đen từ từ qua sau chùa, rẽ tới trước cửa tòa miếu cổ rồi tạt qua ruộng dâu, tới lũy tre bao-bọc nhà Phó - Đần. Năm chàng rón - rén lách mình qua lũy tre, men theo bờ ao rồi nằm mai phục ở hàng cây dâm bụt trước ngôi nhà năm gian. Nín thở, năm chàng lắng tai nghe và trông tìm trong đêm tối. Thì như đã tiên đoán, những bóng « ma » đã xuất hiện trên nóc nhà và đang vung tay ném gạch đến nhà bà Khán Ất. Hình dáng các ma ném được in rất rõ ràng trên nền giời hơi sáng. Thỉnh thoảng lại thấy một bóng « ma » đội những thúng to từ sân, chèo thang rồi leo lên nóc nhà để tiếp tế cho các đồng-chí. Đợi độ nửa giờ ; làm hiệu cho nhau, Hai Mưu hô « xung phong » rồi cả năm người đã như năm con mãnh thú, nhẩy ra sân và bốn đèn bấm điện đã dọi lên nóc nhà, chiếu rõ ba con « ma ném » mặc quần áo đen, đầu cũng chít khăn đen và quả tang đang ném. Một tiếng súng sáu của Hai Mưu bắn chỉ thiên làm cho ba con ma không dám động đậy, và sau khi chàng rống rạc hô, ba con ma đã từ-từ tụt thang xuống sân, hai tay giơ lên giời và tiến tới trước mặt năm tay « thám tử ». Hai Mưu lấy giây chói từng con ma một, rồi chàng vào bắt « ma chủ » đang chốn ở chuồng trâu.

Thế rồi cả đoàn người và « ma » bị chói đi về phía cổng để tiến tới nhà Lý-Trưởng. Và từ hôm sau, nhà ông bà Khán Ất không thấy ma ném nữa.

* * *

Ba hôm sau, tại tòa-án sơ-cấp huyện H. L. đã xử vụ « ma ném » ở Q. L. Sau cuộc thẩm-vấn rất khéo của ông huyện tư-pháp, ba thủ-phạm đã thú nhận là được ông Phó-Lý Đần thuê để bầy ra cuộc giả làm « ma » ném đá, gạch, vào nhà của Khán Ất. Phó Đần có dụng ý ấy chỉ vì muốn mua ngôi nhà của Khán Ất mà hai năm nay y đã dòm ngó. Làm ra « ma ném » Phó Đần hy vọng vợ chồng ông Khán Ất sợ-sệt sẽ bán ngôi nhà ấy đi với một giá hạ.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Đông trùng hạ thảo

Ai lên vãng cảnh Lạng-Sơn
Xem cây lau đốt oán hờn loài sâu
Mùa đông giá lạnh khá lâu
Cho sâu uốn khúc, qua cầu gửi thân
Đến khi mùa hạ tới gần
Sâu kia hóa bướm, biến thân đổi hình
Đắc thời gặp bước hiển vinh
Cao bay xa chạy quên tình cây lau

(Dịch một bài hát Thổ ở Lạng Sơn)

Ứ đến đầu mùa hè, nom thấy cây soan tây đầy hoa đỏ và nghe tiếng tu-hú rền rĩ gọi nhau trên cành vải quả đang chín, thì tôi lại nhớ đến bài hát của thổ dân vẫn vào rừng lấy cây cỏ «đông trùng hạ thảo» về bán cho những người dưới đồng-bằng Bắc-Việt. Bài hát trên chỉ là tượng-trưng của một chuyện cổ-tích mà dân vùng Mai-Pha và động Tam-Thanh, đã được các Cụ già truyền tụng lại. Cũng như chuyện nàng Tô-Thị đã trải bao sương

gió ôm con chờ chồng trên núi Vọng-Phu, chuyện đông-trùng-hạ-thảo, theo họ thì cái cây trong rừng kia đã ôm ấp bù-chì nuôi nấng con sâu trong cả một mùa đông tháng giá, rồi trải qua mùa xuân ấm-áp đến đầu mùa hè sâu đã trở nên bướm có bộ cánh ngũ sắc, lóng lánh trước ánh nắng dịu dàng của mặt trời đầu hạ; đến lúc ấy bướm phũ phàng rứt tình bỏ cây lau lại một mình để đi tìm thú nguyệt-hoa.... Bướm đi rồi còn lau ở lại; vì đã phải cho bướm ở ký-sinh trong mấy tháng, sức đã suy nhược cho nên bị vàng úa héo hắt hơn các cây khác được nẩy lộc xanh tươi.

Theo óc chất phác của cổ-nhân là thế. Nhưng cái thế-kỷ nguyên-tử ngày nay có cho phép ta bỏ qua «*những sự kỳ-quan trong vũ-trụ*» nào mà không tìm tòi để hiểu biết cỗi rễ và lý do đâu. Thế cho nên vừa đây, một ông bạn ngoại-quốc đã từng ở Việt-Nam lâu năm và rất thích ăn « đông-trùng hạ-thảo » cùng nhiều món ăn đặc-biệt Việt-Nam gặp tôi, nhân cùng nhau đàm luận về những cái « hay của Việt-Nam » có hỏi tôi đã « khảo-cứu » về con sâu mà mùa đông là sâu, đến mùa hè thì hóa ra cây chưa? Và tôi cũng đã có dịp cho Ông bạn ấy biết rõ lai-lịch của con sâu ấy trước khi Ông ta trở về quê-quán để hưởng hưu-trí an-nhàn. Tôi đã nói:

— Xin lỗi ông, đứng về phương diện người Việt-Nam lúc nào cũng muốn giữ những vẻ thuần phong mỹ-tục của xứ sở yêu-quý thì tôi đã cho Ông biết bài hát về câu chuyện cổ-tích trên. Nhưng đứng về phương-diện khoa-học thì bắt buộc phải cho Ông biết sự-thực những hiện tượng của tạo-hóa. Mà nếu biết rõ những cái ấy thì tôi e Ông là

người bạn rất yêu-mến nước chúng tôi, sau này sẽ không thích ăn những món đặc-biệt Việt-Nam nữa chăng?

— Ông chớ tưởng thế, chứ nếu tôi được biết rõ sự-tích và lai-lịch đông-trùng-hạ-thảo, cũng như nhiều thứ khác của Việt-Nam, thì có lẽ tôi nhớ đến hơn một khi tôi bắt buộc phải xa-cách xứ này. Vậy Ông cứ nói đi.

— Thế thì tôi xin chiều ý Ông. Con sâu gọi là đông-trùng-hạ-thảo thuộc về một loài bướm cánh có phấn Lépidoptères, loài Pyralidae giống như con thiêu-thân mà đêm vẫn bay vào đèn. Các nhà khoa-học đặt tên cho nó là *Brihaspa atrostigmella*. Còn cái cây lau đót kia thuộc về loài cây mía tên là *Thysanolaena maxima O. K.* Ruột cây này rỗng và có nhiều đốt. Cứ về mùa hè sau tuần trăng mật bướm cái tìm những búp non của cây lau đót để trứng vào. Trứng ấy nở ra sâu con, đục một lỗ nhỏ chui vào trong cây để ăn ruột qua mùa thu. Đến mùa đông, sâu thu hình nằm yên trong một giống cây, đến mùa hạ thì lộn thành rộng thoát ra ngoài để đổi hình lột thành bướm. Bướm ấy cánh trắng viền vàng nom rất đẹp, lại đẻ trứng vào cây lau đót; cái vòng luân hồi cứ thế kéo mãi năm này sang năm khác. Chính lúc con bướm còn là thể sâu người ta chặt các cây lau đót về cho ta ăn đấy. Món ăn đông-trùng-hạ-thảo quý là vì phải lên tận tỉnh Lạng-Sơn, vào rừng mới lấy được. Còn cái « ngon » và « bổ » là tùy ở sự tưởng tượng của từng người và như Ông, thì tùy ở cảm tình nồng-nàn hay không đối với nước Việt-Nam yêu-

dấu của chúng tôi mà Ông đã biết bao nhiêu cái hay, bao nhiêu mỹ-tục.

— Tôi rất lấy làm thú-vị được nghe câu chuyện của Ông kể, và chắc rằng khi về quê-hương, tôi lại càng nhớ đến nước Việt-Nam của Ông và tôi có thể quả-quyết nói với Ông rằng: dù có phải đi xa không hẹn ngày trở lại, nhưng tôi không vô-tình quên như con bướm đông-trùng-hạ-thảo đã quên cây lau đâu...

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Một buổi đánh đồng thiếp

CHIỀU hôm qua Bà tớ cho người xuống âm-phủ thăm Ông tớ, thấy Ông tớ làm quan « cảnh-tỉnh » ở điện Diêm-Vương. Ông tớ ở dưới ấy vẫn mặc áo gấm xanh, quần lụa hồng, khăn nhiễu điều, đi hài-kinh ăn mặc y như lúc chết đã 10 năm nay. Ông tớ lại có lâu-đài nguy-nga lộng lẫy như kiểu cái nhà táng và có cả con ngựa xanh mà Bà tớ đã đốt mã xuống hôm mồng ba tết. Ông tớ bây giờ ở sóm Bồ-Đài, người nom béo tốt, chẳng thiếu thứ gì nhưng Ông tớ nhắn Bà tớ phải gửi xuống cho một cái sập gụ chân quỳ và mấy người hầu. Ông tớ làm quan ở dưới âm-phủ thường phải xử án những người đã làm tội ác trên trần gian :

— Những người nói dối bị quỷ-sứ lấy kìm nóng cặp lưỡi rồi kéo dài ra ngoài và bị uống chì đun sôi, cho đến bao giờ chì chảy qua bên má thì mấy thôi.

— Ai mà ăn trộm, ăn cắp thì Ông tớ bắt cởi quần áo nhẩy vào tắm trong vạc dầu đang đun sôi sùng sục.

— Đứa nào hay bắt nạt người nghèo yếu thì bị Ông tớ lấy cối đá đè lên ngực, trên cối đá có đến 10 thằng quỷ đầu ngựa ngồi cho nặng thêm, đè bao giờ cho mỏng như tờ giấy bóng thì mấy tha.

— Ăn gian nói dối thì phải đi qua cầu vồng nóng như than hồng, lại không có tay vịn, trượt chân lăn xuống sông là bị chó ngao tranh nhau xé tan sác ra. Tớ nghe thấy ông đồng nói mà tớ sợ sởn gai ốc không dám ngủ một mình nữa.

Ông tớ lại hỏi thăm con cháu, thân thuộc, y như người còn sống. Thật là hay quá. Thầy « đồng » này ở tỉnh Thái-Bình lên, Bà tớ thuê người đón mãi mấy được, và phải cung đốn 10 hôm nay người ta mấy « đồng - thiếp » cho. Thầy ấy cao tay lắm, đến tối mai chú tớ lại mời để xuống thăm thím tớ bị đẻ rồi chết non vào độ 15 năm nay, anh có sang xem thì sang, tớ sợ lắm kia.

Đây là thằng Đủ, cháu Cụ Hàn-Đoan khoe tôi cách đây đã mười tám năm nay, và vì nó, tôi đã được dự một buổi đánh đồng thiếp và sau này đã được biết bí quyết của khoa thần-học ấy.

Chưa đến sáu giờ chiều, Đủ đã sang tận nhà tôi rủ đến nhà ông chứ xem đánh đồng thiếp. Trong một căn buồng tôi đã thấy đông nghịt những người ngồi quây quần trên chiếu giải xuống đất; ông chú cùng các con đầu đội khăn trắng thắt ngang, mặc áo trắng dài đang chực sẵn ở gần thầy đồng. Thầy đồng là một ông già, người gầy, mắt đeo kính, mặt hốc hác vì quá thức đêm, mặc áo lương đen đã bạc màu nước dưa, đang ngồi xếp chân bằng tròn ở giữa chiếu, trước mặt là một cái trống con và một quyển sách cúng. Bên cạnh thầy là một anh chàng trẻ tuổi ngồi gõ cái « sênh » bằng đồng. Cách chỗ thầy đồng độ một chiếu, ở trước ban thờ hai tấm gỗ lấy ở cái phản ra đặt trên mặt đất, hai đầu có hai tấm gỗ vuông chắn, và trên cùng phủ một miếng vải đỏ. Nom chẳng khác nào một cái áo quan đương đợi giờ để liệm người chết. Người sắp « nằm đồng thiếp » chạc độ 30 tuổi quần áo chỉnh tề cũng ngồi sẵn đấy. Đúng giờ thì « đồng thiếp » sẽ vào áo quan để xuống âm-phủ. Bấy giờ điểm xong thì thầy đồng lấy một tờ giấy sớ, cầm nén hương thư phù mấy lượt rồi giao cho chủ-nhân để biên tên tuổi người quá cố, ngày chết, nơi chôn và những lời thỉnh cầu như tìm các người quen thuộc và có cần gì không? Tên chồng, tên bố mẹ đẻ, tên tuổi các con cũng phải biên cho rõ. Ông chủ-nhân lấy giấy đem sang buồng bên cạnh cùng thân nhân bàn nhau để thảo các câu hỏi « hồn » ở dưới âm. Thơ viết xong, ông chủ đưa cho thầy đồng. Đặt bức thư vào đĩa, lấy ba nén

hương đè lên, thầy đứng giậy thư-phù lên không khí, vừa đi vừa đánh trống khẩu tới chỗ « đồng thiếp ngồi ». Đoạn thầy đồng bắt đầu vào lễ, cái lễ để cho tôi nhớ mãi đến ngày nay. Vừa đọc thần chú, thầy đồng vừa tiến lên, lùi xuống, hai tay bắt quyết lia lịa, rồi thì đi vùng quanh « đồng thiếp » từ nẫy vẫn ngồi yên như một pho tượng, trên đầu chùm miếng vải đỏ. Tiếng trống, chiêng gõ rất đều và inh tai. Được một lúc thì « đồng thiếp » được hồn « ốp » cho nên thấy đầu đảo nghiêng ngửa, rồi đến mình cũng chuyển như theo lệnh của thày đồng. Sau một cái bắt quyết của thày phù-thủy, « đồng thiếp » ngả dần dần lại sau lưng rồi thấy rung chuyển mỗi khi hai bàn tay đảo quyết lướt qua người, qua mặt. Sau hết « đồng thiếp » ngửa xuống chiếu rồi nằm im lịm như chết, hai tay và hai chân duỗi thẳng. Thày phù thủy lấy một tấm vải trắng bọc kín « đồng thiếp » từ đầu đến chân, và lấy lụa bạch buộc ngang ngực, đùi và bắp chân. Nom không khác gì một cái sác chết sắp được liệm vào áo quan; rồi thày phù-thủy với một người nữa khênh « đồng thiếp » mà đặt vào « áo quan giả ». Ông thày lại lấy một cái cờ đuôi nheo cắm cán vào nách «đồng thiếp », còn cờ thì ra ngoài. Sau khi phủ vải đỏ lên cỗ áo quan ấy, thày phù thủy trở lại chỗ ngồi, rồi thì mồm đọc thần chú, tay thư phù huyên thuyên, theo dịp trống liên hồi. Độ 15 phút, sau khi sênh, trống đánh inh ỏi, đinh tai, nhức óc, thầy đồng giơ tờ « sớ » ma chính chủ nhân đã viết lấy cầm lên trước đôi mục-

kỉnh mà ngân nga đọc. Tuy thày đọc nhưng không ai hiểu câu gì, có lẽ là thày đã dùng tiếng « ma » đọc cho các « hồn » hiểu. Đọc đi đọc lại nhiều lần, thày đem gấp làm tư làm năm rồi giơ lên ngọn nến mà « hóa » đi. Thày vừa đốt vừa líu lo đọc thần chú cho đến khi cháy hết, thày tung tro tàn lên không khí. Đoạn thày lại ngồi xuống để đọc những câu gì, nào có ai hiểu, và để rung trống gõ sênh rất đều, lúc bổng lúc trầm, khi khoan khi mau. Một giờ đồng hồ sau, thấy thày chỉ tay về phía áo quan. Mọi con mắt đổ rồn vào đấy. Thì thấy cái cờ cắm ở áo quan đang rung. Thày đồng lại càng đọc to các câu thần chú, và tiếng trống lại càng mau. Cờ rung tức là hồn của ông đồng đã lìa khỏi sác mà đang bắt đầu đi du lịch xuống âm-phủ. Cờ mà im là hồn ông đồng đang gặp người dưới âm và đang trò chuyện. Cờ nhẩy lên ấy là hồn đã trở về dương-gian. Mọi người đều chú ý đến cái cờ. Thấy nó bắt đầu rung rồi vẩy ngang vẩy giọc, ông chú và mấy người con nhớn, nhớ mồ ma bà thím nấc nở oà lên khóc.

Thầy phù-thủy vẫn chăm chú đọc, mỗi lúc càng to, và cờ vẫn đều đều rung, thỉnh thoảng lại nghỉ. Tiếng trống rung đều đều, sen với giọng ê a, của ông thày, rõ là giọng phụ-đồng, nên mọi người thấy tâm thần mỏi mệt, chỉ muốn ngủ gật.

Tiếng thày đồng vẫn đều đều lúc lên lúc xuống, vì để ý đến nên tôi đã nhớ được đôi câu :

Nam-mô Đại-Thánh khả giao Đa-Lan,

Đà-tôn khả thiếp, dẫn chúng sinh,
Đông, Tây, Nam, Bắc, nam-nữ thập loại...
Chôn-hìm, chơi-hĩm, chôn-hìm...
Che-nghim, Cha-tim chăn-dịm ..
Chung-rim, chơ-kìm, Cha-lim, chiêu-hỉm
Chưng-đím, chim-im, cha-lìm ..
Choi-đìm, chăng-nhíp, chai-lịm ..
Chôn-hìm, cha-mim, cha-đĩm...
Chên-chíp, choan-im, chư-tìm...
Chăm-nim, chai-him, chươi-mim, chôn-míp, chuôi-tỉm...
Chao-vìm, chơ-dìm, chơi-hịm...
Chôn-hìm, cho-kím, cha-bim, chai-ghím, chông-kim, chai-dim... (1)

Cứ như thế cho đến gần 12 giờ đêm. Bỗng cái cờ đang rung, đảo một lúc rồi được tung ra ngoài áo quan. Thày đồng cũng thôi đọc và trống cũng im. Chạy đến mở miếng vải đỏ thày cởi giây vải buộc chân, bụng và đầu «đồng thiếp» rồi nâng ra ngoài. Mặt mũi hốc hác, hai mắt đỏ ngầu vì đã phải nằm im trong áo quan hơn 4 giờ đồng hồ. Sau một lúc nghỉ, và uống nước « đồng thiếp » lên tiếng mời gia

(1) Đây là bản dịch các tiếng lóng hay dùng ở các tỉnh Việt-Trì, Vĩnh-Yên lấy chữ « chim » làm đầu, để ghép với chữ muốn nói thành một tiếng riêng, chỉ có ai biết thì hiểu mà thôi.

Hồn hỡi hồn,
Nghe ta dặn
Rung cờ là hiểu
Đứng im là đòi nhắc lại
Hồn ma đã chết oan từ năm 21 tuổi vào giờ Hợi
Hồn có ba gái, không trai.

chủ đến nghe. Mọi người xúm quanh. Thong thả, « đồng thiếp » kể lại những cái mà thày đã mắt thấy tai nghe ở dưới âm phủ. Thoạt tiên thầy trả lời từng câu hỏi mà ông chủ đã biên ở trong sớ. Tuy thày không được đọc tờ sớ ấy, mà thày trả lời không sai một câu nào. Tất cả nhà đều chú ý đến lời thầy kể và đều tấm tắc khen là ông thầy giỏi, nhất là ai cũng tin là thầy đã xuống tới âm phủ cho nên mới biết rõ từng ly từng tý những việc trong gia đình ông chủ. Cô con gái lớn của ông chủ, khi thấy nói đến tên tuổi thì hu hu lên khóc, y như cô đã gặp mẹ cô thực.

Rặn từng câu, thầy nói cho ông chủ biết rằng:

« Bà vợ ông đã vì sinh nở mà chết oan (!) từ năm 21 tuổi, chết lúc giờ hợi cho nên thiêng lắm. Bà chỉ được có ba con gái không có con giai. Và bà thuận cho con gái bà năm nay đã 18 tuổi nếu có người tử tế hỏi thì ông chủ cứ gả chồng. Còn chồng bà thì phải ở góa nuôi con, chứ không được lấy vợ kế. Bà ghen, bà thiêng bà sẽ « làm » cho thì khốn! Bà biết mẹ đẻ bà thương bà lắm, và mẹ đã ốm hai tháng nay bà cũng biết. Bà muốn ông chủ đốt xuống âm cho bà chín bộ áo và hài mầu hồng cho bà mặc....»

Ngoài ra, thày đã tả rất kỹ càng hình dáng bà thím cho đến nơi ở nữa. Nhà của bà ấy ra sao, ở gần nhà ai tên là gì, thầy đều nói rất rõ ràng cho mọi người biết. Thật là một cuộc điều tra rất kỹ càng ở âm phủ được « đồng thiếp » tường thuật rất rành mạch cho người « trần » nghe. Các bà các cô có tính tò mò hàng mấy giờ mà hỏi thầy cũng chưa hết. Đến hai giờ sáng, mọi người ra về, thầy phù thủy và « đồng thiếp » mới được ăn cơm.

Từ sáng hôm sau, tiếng đồn thày đồng Chộp hay đã lan truyền khắp làng rồi sang cả tổng bên. Ai cũng cho là thày nói đúng quá, đến nỗi bà thím chết chôn cạnh mả ai thày cũng nói đúng.

Rồi suốt ngày này sang ngày khác, thày được nhiều nhà có người chết mời về để nhờ thày xuống thăm hộ dưới âm. Ai đã được dự các cuộc đồng-thiếp của thày dù có không tin cũng phải tin là nếu đã có trần gian thì phải có âm-phủ, linh hồn người sống sau khi chết sẽ xuống âm-phủ để sống thêm một lần nữa....

Hồi ấy, còn nhỏ, chính tôi cũng phải bán tín bán nghi là có hồn, có ma, có quỷ...

*
* *

Ngay tháng qua. Năm ấy, giời làm đói kém, người chết như rạ. Tại những tỉnh Nam-định, Thái-Bình là những nơi đông-đúc, có nhiều làng dân chết đói gần hết. Tại các đô-thị lớn, số ăn mày tăng lên không biết đâu mà kể; và số người chết đường hàng ngày có tới mấy trăm. Một hôm, có việc phải về một làng ở vùng Thụy-Anh thuộc tỉnh Thái-Bình. Đi khắp làng không thấy một bóng người, một tiếng chó sủa, thỉnh thoảng thấy một cái sác chết nằm cong queo ở dưới mái hiên một nhà đã đổ nát. Cảnh sầm uất vui vẻ khi xưa đã vì nạn đói làm tan nát cả, và cái làng này thật là một làng chết. Đến nhà người quen, để hỏi tin tức, thì cũng không thấy một ai, có lẽ đã theo thần đói mà xuống âm-phủ rồi chăng? Thất vọng, tôi lững thững trở ra về. Đến cổng làng, tôi gặp một ông cụ già, mặc áo đỏ, tay chống gậy đang lò dò từng bước đi. Mặt mày gầy giộc; hai mắt sâu hoắm, hai bộ

răng khểnh cái còn cái gẫy, chìa ra ngoài môi với thân hình gầy đét và hai bàn tay toàn xương với da, tôi phân vân không biết có phải người hay là hồn ma ở cái làng chết này. Tôi không dám hỏi. Gặp tôi ông già dừng bước, chố mắt nhìn, mồm lắp bắp không ra hơi, ngửa bàn tay về phía tôi đúng như muốn xin gì, hiểu ý, tôi hỏi ngay:

— Ông cụ ở làng này phải không? và cụ cần gì?

— Cả nhà tôi chết đói đầu tháng rồi, còn tôi đã sáu hôm nay chưa được hột cơm vào bụng. Ăn củ chuối mãi không chịu được, có lẽ tôi cũng chết mất. Ông có gì ăn cho tôi xin. Phải, tôi là người làng này, nhưng còn ai đâu mà ông tìm?

Giắt cụ già vào bệ một cái quán gần đấy, tôi lấy ở túi dết bốn cái bánh giò để đưa biếu cụ ăn tạm. Không đợi tôi nói, hai mắt cụ long lanh, cụ cầm lấy bánh bóc ngay một cái và nhồm nhoàm ăn. Biết là cụ đói lắm, có lẽ ăn luôn cả bốn chiếc cũng chưa đủ, nhưng cái lệ nếu đói đã lâu ngày mà được ăn nhiều ngay thì cụ già sẽ chết, cho nên tôi phải can cụ không để cụ ăn cái bành thứ hai. Để nghỉ ngơi một lúc tôi lại hỏi:

— Thế cụ còn có một mình thì ở đây làm gì nữa? Rồi lấy gì mà ăn?

— Tôi định trở về nhà nằm đợi chết cho xong. Đằng nào cũng chết đói nhưng thà chết ở nhà mình còn hơn chết đường.

— Sao cụ không lên tỉnh lỵ mà xin cơm ở các cơ quan từ thiện cho qua ngày?

— Nào tôi có biết, trước kia các cháu còn sống thì nó nuôi, nay nó chết hết cả rồi thì còn biết xin ở đâu, và còn sức đâu mà lên đến tỉnh?

— Bây giờ tôi dẫn cụ lên tỉnh vào trại cứu đói để có cái ăn cụ có đi không?

— Nếu thế thì phúc nhà tôi to lắm. Vậy tôi xin đi theo ông, thật quý hóa quá.

Bụng còn đói, cụ già ăn thêm một chiếc bánh nữa rồi mới đứng giậy để theo tôi ra tỉnh, cách đấy gần ba cây số.

Đến trại cứu đói, tôi tìm người phụ trách gửi cụ già vào đấy và tôi biếu thêm cụ hai chục bạc mà tôi còn ở trong người.

* * *

Một tháng sau, có dịp qua tỉnh ấy, tôi rẽ thăm trại cứu đói thì lại được gặp ông cụ già áo đỏ. Cụ ta được ăn uống nên đã khá và nay được người gác trại dùng để cuốc vườn giồng khoai ... tăng gia sản xuất. Thấy tôi, ông cụ đon đả chạy ra chào và hỏi chuyện. Ông cụ nay đã khỏe mạnh và nom còn ra hồn con người, khác hẳn với tháng trước. Nhân đứng đợi người phụ trách đi vắng chưa về, tôi vào nhà để hỏi han ông cụ mà tôi đã được hân hạnh cứu thoát khỏi chết đói. Thấy ông cụ vẫn mặc áo dài lụa đỏ cũ tôi hỏi:

— Trước kia cụ làm nghề gì mà nay cũng cuốc vườn được?

— Thưa ông tôi làm nghề phù thủy và đồng thiếp. Trước kia dân trù phú tôi kiếm ăn rất dễ và đã đi qua nhiều làng. Như ở H. Y. tôi có nhiều người quen, nhất là ở làng Mẫn, tôi định sang nhờ những người quen thuộc khi trước cho qua ngày qua tháng.

Thấy nói đến tên làng Mẫn, cái làng mà thuở bé tôi đã được xem đánh đồng thiếp tôi liền tưởng

ngay đến ông thày đồng đã nằm trong áo quan ở nhà chú thằng Đủ, và bài thần chú mà tôi còn nhớ trong óc khi «đồng-thiếp» cho vợ ông chủ.

Tôi hỏi ngay cụ già :

— Cụ biết làng Mẫn à ? Thế có phải tên cụ là Đồng-Chộp không ?

— Sao ông biết tên tôi ? Phải Đồng-Chộp là tôi, và sở dĩ tôi biết làng Mẫn là vì tôi đã về nằm đồng thiếp khi xưa ở đấy. Ít lâu nay, thấy cái nghề khó kiếm ăn và tôi nghĩ nó đơn bạc hay sao cho nên tôi đã giải nghệ và soay ra làm ruộng. Thế cho nên nay mới biết cuốc đất... nghề đồng thiếp nó là bạc nghệ. Ông phải biết chứ làm nghề mà chỉ chuyên môn lừa dối người sống lẫn người chết thì khá làm sao được. Bao nhiêu tiền kiếm được gặp đủ các tai nạn, mà tiêu tán cả. Và còn thất đức là dằng khác ; này nhé bao nhiêu con giai tôi đều bị chết đường chết chợ trong khi đi làm nghề đồng thiếp như tôi, còn đứa con gái thì tháng trước đã cùng mẹ nó, chết đói thế là tuyệt-tự...

Thấy cụ đồng già nói vậy, tôi bèn đem bài thần chú mà tôi đã được thuộc nhập tâm khi còn nhỏ tuy không hiểu gì hết, đọc cho cụ nghe và nhờ cụ giảng giải cho. Chừng chừng nhìn tôi, cụ già giằn từng tiếng giảng cho tôi :

— Bài thần chú mà ông nhớ ấy, nó chỉ là một bài nói lóng mà tôi đã đặt ra với « đồng thiếp » để truyền tin tức cho nhau khi nằm đồng. Nghĩa là khi đến một làng nào thì bao giờ chúng tôi cũng dò là tin tức các gia đình của những người mời chúng tôi. Những người « mộ » là

những người đắc lực cho chúng tôi nhất. Cứ cho chúng ít tiền thì biết được nhiều tài liệu lắm. Ở trên đời có mấy khi giấu được chuyện gì, cái kim để trong bọc mãi cũng thòi ra. Khi đã có đủ tài liệu rồi thì lúc chủ nhà kê các câu hỏi vào tờ sớ chúng tôi đã dùng các tiếng lóng và nói lại để dịch các câu biên trên giấy, rồi một người ngoài vừa đánh trống, vừa đọc sen các câu thần chú vào cho người khác không hiểu. Người nằm trong áo quan phải lắng tai nghe các câu nói lóng mà tôi đọc. Khác nào như hai người ở cách xa đánh điện tín cho nhau bằng dấu hiệu bí mật, chỉ riêng hiểu với nhau thôi. Cái cờ cắm vào tay người nằm đồng trong áo quan cốt để cho tôi biết là đã hiểu các câu tôi nói lóng chưa. Cờ đứng yên nghĩa là không hiểu, ở ngoài phải nhắc lại câu vừa đọc, cờ rung đều nghĩa là mọi câu đều hiểu. Cờ đảo về hai bên là ở ngoài phải nhắc lại các câu đã đọc. Cờ tung lên là thăng đồng.

Khi giở giấy, chúng tôi cứ liệu câu hỏi của thân-nhân mà thêm các tài-liệu lấy được với các câu nghe lóng trong khi nằm áo quan để trả lời. Ông xem như vậy thì thế nào chả đúng. Nếu lại thêu dệt các cảnh tượng ở dưới âm phủ cho các bà, các cô hay cả tin nghe thì làm gì chẳng nổi tiếng và ai chẳng cho là có thực.

Chứ đấy, đồng-thiếp, bắt ma, toàn là giả dối, toàn là dị-đoan, toàn là buôn thần bán thánh, đánh lừa đồng-bào chứ làm gì có thực. Chính thế mà tôi đã giải nghệ, nhưng cũng muộn mất rồi...

« Con cóc là cậu ông giời »

HÀ đại-văn hào V. HUGO đã có dịp tả một lũ trẻ em đánh-đập rồi làm đủ tình đủ tội một con cóc, trong một tác-phẩm mà ai cũng biết. Ở Việt-Nam, nhiều trẻ em cũng rất hay nghịch-tinh và thích hành hạ những con vật tuy ích-lợi và chẳng hề làm hại ai bao giờ, nhưng chỉ vì giời đã sinh ra với một hình-thù xấu-xí ; con cóc là một trong số các con vật ấy. Thiếu-nhi Âu-Á có lẽ gặp nhau ở chỗ ấy, và câu của nhà văn hào V. HUGO nói cũng chẳng ngoa : « *Tuổi ấy nào có lòng thương* ». Nhưng ở Việt-nam, người nhớn muốn cấm đoán trẻ-em đừng làm tội ác, thường dùng lời nói mà dọa nạt chúng ; thế cho nên đã đặt ra chuyện :

« Con cóc là cậu Ông giời
« Hễ ai đánh nó là giời đánh cho »

Vua LÊ-THÁNH-TÔN cũng đã vịnh con cóc trong một bài thơ tuyệt tác chắc nhiều người đã đọc qua :

« Bác mẹ sinh ra vốn áo chồi,
« Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi,
« Chép miệng năm ba con kiến gió,
« Nghiến răng chuyển động bốn phương giời ».

Nhưng không mấy ai biết tại sao ta không tặng cái tên cậu ông giời cho một loài khác, mà loài cóc, xù-xì, xấu-xí như thế, lại được cái vinh-hạnh kia ? Vậy xem sự-tích chuyện ấy, đã được truyền khẩu từ xưa lại như sau này sẽ rõ :

Một hôm cóc giận giời vì lâu không mưa, làm cho bao nhiêu trứng đẻ ung hết, nó bèn tìm lối lên giời để phản-đối. Nó vừa đi được một quãng đường thì gặp con mèo : mèo hỏi cóc đi đâu, cóc bảo đi lên giời, mèo xin cho đi với, cóc bằng lòng cho đi.

Đi được một quãng nữa thì gặp con cáo, cáo hỏi cóc đi đâu, cóc bảo đi lên giời, cáo xin cho đi với, cóc bằng lòng cho đi.

Đi đến chân giời gặp cọp, cọp hỏi cóc đi đâu, cóc bảo đi lên giời, cọp xin cho đi với, cóc bằng lòng cho đi.

Đi đến lưng chừng giời thì gặp một đàn ong, ong hỏi cóc đi đâu, cóc bảo đi lên giời, ong xin cho đi với, cóc bằng lòng cho đi.

Mèo, cáo, cọp, và ong cho cóc đi trước và tặng cho cóc chức tướng quân.

Khi đi gần đến giời thì có một đoàn thiên-binh xuống đón đánh quân hạ-giới. Tướng-quân cóc bèn cho đàn ong ra nghinh-chiến : ong đốt vào mặt, mắt, mũi, mồm thiên-binh làm cho đau buốt, cả đoàn phải tán loạn hết.

Giời lại phái một đoàn thiên - binh khác xuống đánh, đoàn này toàn mình người đầu lợn. Tướng quân cóc bèn sai cọp ra đánh. Vốn thích lợn, cọp cấu cổ chết hết cả đoàn.

Giời lại phái một đoàn thiên - binh khác xuống đánh, đoàn này toàn mình người đầu gà, tướng quân cóc bèn sai cáo ra ứng-chiến. Vốn hay bắt gà, cáo vồ một hồi mất cả đoàn quân.

Giời lại phái một đoàn thiên - binh khác xuống đánh, đoàn này toàn mình người đầu chuột. Tướng quân cóc bèn sai mèo ra đối thủ. Vốn hay ăn chuột, mèo thịt một lúc hết cả đoàn quân.

Lần này giời phải sai một đoàn quân mạnh nhất, là mình người đầu ruồi. Tướng quân cóc phen này tự mình ra đánh : chỉ tắc lưỡi một chốc mà tan được lũ quân đầu ruồi Giời phải đầu hàng, và bằng lòng tiếp cóc. Sau cuộc điều-đình, cóc bắt giời chịu một khoản : hễ khi nào cóc nghiến răng thì giời phải đổ mưa ngay để cho trứng cóc không ung như trước nữa. Giời nhận khoản ấy, vì thế cho nên bây giờ mỗi khi nghe thấy cóc nghiến răng thì giời chuyển động sắp mưa vì cóc sai khiến được giời, như thế, nên người ta mới tặng cho hắn tên là cậu ông giời, nghĩa là bực trên cả ông giời.

Nhưng lấy khoa-học mà nói, thì việc mưa và việc nghiến răng (không phải nghiến răng, chính là tiếng kêu của nó) của cóc, mà người Pháp gọi là « crapaud » thuộc về loài ếch nhái (batraciens), có liên-lạc một cách khác, vốn trứng cóc cần phải đẻ ở nước, để sau con nòng nọc mới sống được cho đến lúc rụng đuôi (nòng nọc có go như cá, cóc có phổi như những loài thở trên không khí) nên cóc phải đợi mưa mới đẻ. Vì nó có cái đặc-tính ấy nên Ông Tạo mới cho nó cái bộ da dễ cảm với hơi nước ở không trung, chẳng khác gì cái máy âm-tinh-biểu (baromètre). Mỗi khi giời chứa nhiều khí ẩm, cóc biết là sắp mưa, bèn kêu to để gọi người tri-kỷ là cóc cái, đến cùng nhau tính cuộc trăm năm cho kịp lúc giời mưa mà đẻ trứng.

Vụ án Trúc-Đào

Đã nửa tháng nay Hạc-Đình tỏ vẻ khác thường. Mặt chàng có vẻ trầm tư mặc tưởng, đôi mắt lúc nào cũng đăm đăm hình như trong đầu đang phải nghĩ ngợi một việc gì. Chàng là cháu một vị võ-quan quê ở vùng Địch-Lộng quận Hoa-Lư nay thuộc về tỉnh Ninh-Bình. Ông tổ chàng đã từng theo vua Đinh-Tiên-Hoàng đánh đông dẹp bắc và có công lớn trong việc sây dựng giang-san nhà Đinh. Vì thời thế đổi thay, Ông, Cha chàng phải cải họ đổi tên và lưu-lạc vào vùng Hồi-Xuân tỉnh Thanh-Hóa ngày nay để an-cư lạc-nghiệp. Vốn giòng võ, nhưng Hạc-Đình phải theo đòi bút nghiên như hàng bao nhiêu thanh-niên hồi ấy. Văn chương lỗi-lạc, chàng không hám công-danh lợi lộc nên

chỉ ở nhà đọc sách ngâm thơ và ngao du sơn-thủy, tiêu dao ngày tháng. Mẹ chàng đã có tuổi và mắt lòa chân chậm. Vợ chàng, nàng Trúc-Đào, là con một người bạn của cha chàng mà hai bên đã gắn bó gả con cho nhau từ khi mới lọt lòng. Nhà thanh-bạch, nàng Trúc-Đào ngày ngày phải gánh hàng tấm đi các chợ để kiếm đồng ra đồng vào nuôi mẹ chồng và nuôi chồng. Gà gáy thứ nhất, Trúc-Đào đã giậy thổi cơm cho mẹ và chồng ăn cả ngày rồi quẩy gánh hàng đi tới chợ và đến tối mịt mấy về. Đã ba năm nay, thắt lưng buộc bụng, hai sương một nắng, nàng vẫn nhẫn-nhục buôn-bán nhưng dù thế mà gia đình vẫn túng thiếu.

Tin một nhóm người đã nổi lên phất cờ khởi nghĩa ở vùng Lam-Sơn đã được truyền đi rất kín đáo trong khắp thôn-quê và đô-thị. Hàng ngàn thanh-niên đã được chiêu tập và đã từ biệt gia đình tới chiến - khu. Ở Thanh cũng như nhiều nơi khác, các quan Tầu biết tin đã bắt vô số dân vô-tội mà hành-hình không cần xét-xử.

Hạc-Đình còn trẻ tuổi lại có khí phách, lẽ nào ngồi yên được, trong khi anh em bạn đang phải nằm gai nếm mật mưu đồ gây dựng giang-san. Chàng đã gặp bạn bè và đã bàn mưu kế ở mấy nơi bí mật, và đã nhất quyết ra đi..... Ra đi không hẹn ngày về.....

Đêm hôm ấy là mười tư tháng tám. Giăng vằng vặc chiếu xuống mặt nước ao nom như một hòn ngọc sáng gài ở dưới đáy sâu. Ngồi trên một cái trõng, Hạc-Đình cùng Trúc-Đào trò-chuyện. Dưới

gốc cây hoa đỏ, lá xanh rườm rà bao phủ lấy một góc sân, hai vợ chồng nhỏ to đàm-đạo mãi khuya mà vẫn chưa đi nghỉ. Mặt giăng vẫn sáng tỏ trên giời xanh ngắt, thỉnh thoảng có đám mây bạc chạy từ Nam sang Bắc, phủ mờ mặt giăng trong giây phút; làn gió mát thỉnh thoảng lướt qua mặt hồ làm cho nước rung động và biến ra hàng trăm nghìn tia sáng và mặt giăng như sô nhau chạy giạt vào bờ; bóng các cây in ở mặt sân hình như chạy chốn mặt giăng nên đã chuyển từ Tây sang Đông. Hạc-Đính và Trúc-Đào lúc nẫy ngồi ở dưới bóng cây hoa đỏ lá xanh nay vì bóng cây chuyển chỗ nên nay đã phơi bẳn ra dưới ánh sáng dịu của mặt giăng về sáng.

Chàng đã nói thật với nàng về ý định của mình, phải nghe tiếng gọi của Tổ-Quốc mà nhất định ra đi. Chàng đặt hết hy vọng vào nàng để nuôi nấng mẹ già và thay mặt chàng báo hiếu. Cái ngày vinh quang của Tổ-Quốc chẳng xa gì, Hạc-Đính nghĩ thế, lúc ấy vợ chồng sẽ cùng nhau xum-họp mà vui hưởng thái-bình hạnh-phúc. Chàng định sáng sớm mai cùng mấy người bạn đồng chí lên đường ra biên cương, chàng muốn trốn cả mẹ chàng, vì chàng sợ mẹ già biết sẽ can ngăn hoặc cảm-động quá chăng. Vợ chàng sẽ thưa cùng mẹ rằng chàng đi sang làng bên thăm bạn, ít ngày sẽ về. Được chàng cho biết ý-định và chương-trình, Trúc-Đào cảm động ứa hai hàng lệ, tuy nhiên, cố nén tâm, nàng ngẫm nghĩ một lúc rồi nói :

— Anh là con một, lại có mẹ già, vợ dại, nhà lại thanh-bạch, giá anh thoái thác không đi cũng được chứ nào ai ép đâu, nhưng.....

— Em nghĩ như vậy rất có lý, nhưng công việc xây đắp giang-san nào có ai bắt buộc, đó là bổn phận thiêng liêng của hết thảy các con ngoan của Tổ-Quốc. Em là phận nữ nhi nói thế cũng phải nhưng...

— Anh hãy để em nói hết đã. Ý em muốn nói là anh có chữ hiếu đối với mẹ già, chữ tình đối với vợ dại phải làm cho trọn, nhưng còn chữ Trung đối với Tổ-Quốc lại là phần hơn. Sao những chữ hiếu chữ tình còn được, chứ như chữ Trung thì dù em là phận nữ-nhi nhưng em cũng đành lòng hy sinh để anh giữ làm sao cho trọn đạo....

Thế rồi Hạc-Đính và Trúc-Đào cùng nhau căn dặn. Chàng và nàng có xướng họa mấy câu thơ làm kỷ niệm và để làm hiệu mỗi khi thông tin cho nhau, người ở chốn biên-cương, kẻ trong vòng kiểm soát. Chàng dặn khi có liên-lạc về gặp nàng mà có mang bài thơ của chàng, thì nàng có thể tin là do chàng phái về và yêu cầu nàng giúp đỡ. Ngâm họa xong, Hạc-Đính và Trúc-Đào lấy bút ra ghi bài thơ vào hai khăn tay :

Chàng viết trước :

Dưới trăng tà thổn thức
Cùng thảo huyết thư này

Rồi đến nàng nắn nót viết theo :

Mật gửi người tri kỷ
Trùng phùng hẹn có ngày

Sang canh tư, sau khi thu-sếp hành lý, chàng vào trước bàn thờ cha khấn rồi lễ mấy lễ và khẽ dón dén đến trước giường mẹ già sụp xuống đất lễ hai lễ, nhìn mặt mẹ lần cuối cùng rồi

mạnh bạo bước ra đi, từ biệt căn nhà ấm cúng, mẹ già và vợ trẻ. Trúc-Đào tựa gốc cây hoa đỏ nhìn theo phía Hạc-Đính, trong lòng ngổn-ngang trăm mối. Giăng đã tà nhưng còn tỏ, hình như cũng bùi ngùi chứng kiến cuộc biệt-ly của cặp vợ chồng trẻ :

« Lòng thiếp tựa bóng giăng theo giỏi,
« Dạ chàng xa tìm cõi thiên-san... »

Ngày tháng qua từ khi Hạc-Đính ra đi đến nay đã vừa đúng nửa năm rồi. Cây hoa đỏ đã lại ra hoa, đỏ rực cả sân, lá xanh thẫm lóng lánh dưới ánh nắng của đầu hè. Ngày nào cũng như ngày nào, Trúc-Đào giậy sớm thổi cơm đun nước, đặt sẵn ở đầu giường để mẹ già ăn cả ngày rồi nàng quẩy gánh hàng đi chợ, đến tối mịt mấy về. Hôm nay nàng thấy nóng ruột lạ, chẳn chọc cả đêm không ngủ được, nàng nghĩ đến Hạc-Đính yêu-dấu, chẳng biết nay ở góc biển chân trời, nơi xa xăm nào mà đã gần một năm nay không thấy tin tức. Nàng nghĩ không biết Hạc-Đính có khỏe mạnh và, công việc khởi nghĩa có tiến hành không ? Sao chàng đã dặn cho người mang bài thơ của chính tay chàng viết khi xưa về báo tin cho nàng, mà cũng biệt tăm. Hay chàng đã... nàng không dám nghĩ và không muốn nghĩ đến những cái gì không hay cho chồng. Mặt giời đã rạng đông, Trúc-Đào chào mẹ rồi quẩy gánh đi. Vừa ra đến cổng, một người ăn mặc cũ kỹ gọi giật nàng lại hỏi :

— Thưa Bà, có phải Bà là Trúc-Đào không ?

— Ông hỏi gì, chính tôi là Trúc-Đào.

— Tôi có chút việc riêng muốn nói với Bà, vậy xin lỗi Bà chậm gánh và vào trong cổng để tôi nói cho tiện.

Trúc-Đào đặt gánh hàng xuống rồi trở lại phía trong cổng. Người lạ mặt vào theo. Nhìn trước nhìn sau không thấy ai, người ấy lấy ở vành khăn một miếng vải trắng cuộn đã nát đưa cho Trúc-Đào và nói :

— Bà xem những chữ viết trên miếng khăn tay ấy và nếu nhận được chữ của ai thì tôi mới báo một tin mà tôi được lệnh mang về.

Trúc-Đào tay run run khẽ giở miếng vải ra đọc, thì nàng nhận ngay được chữ của Hạc-Đính, và bài thơ viết ở trong là của chàng đã cùng nàng viết hôm 14 tháng tám khi vĩnh biệt.

— Đây là của chồng tôi, Hạc-Đính.

— Phải rồi, Hạc-Đính nay là nguyên-súy, phái tôi về để báo tin là Hạc-Đính vẫn khỏe mạnh và theo lời đã dặn bà khi xưa, đến đúng giờ Tuất ngày mồng mười tháng Ba này thì Hạc-Đính sẽ dẫn ba quân về hạ thành. Hôm ấy Trúc-Đào phải cùng đồng chí đã được báo tin trước, tổ chức một phiên chợ đêm ở chợ để giữ binh lính Tầu ra xem, trong thành canh gác chễnh mảng, quân ta thừa cơ sẽ bất thình lình đột-nhập. Công việc tổ-chức chợ đêm, phải giữ cho kín không được bại-lộ cho quâu Tầu biết. . .

Người lạ mặt nói xong rồi kiếu-từ, rẽ vào con đường hẻm đi mất.

Còn mười ngày nữa thì đến ngày đại-sự. Bỏ bài thơ vào túi, Trúc-Đào nghỉ ngơi một lát rồi

lại quẩy gánh ra đi. Nàng phải đi tìm bạn-bè loan báo tin mới nhận được, và để tổ-chức buổi họp chợ đêm. Ngày hôm nay nàng đến chợ muộn và cũng phải về muộn.

Đầu tháng ba cho nên giời đã nóng-nực, mấy hôm nay không khí thở nặng, không thấy tý gió nào. Cóc nhái, nghiến răng inh ỏi, những nhôi nước trắng chắn ngang ở chân trời, ai cũng có cảm-tưởng sắp có một trận mưa rào.

Vì thời tiết, mẹ già của Hạc-Đính mấy hôm nay hơi mệt ; Bà Cụ sốt và thấy háo trong người. Cụ chỉ thèm một bát nước mưa để uống cho mát ruột, và mấy múi tranh để ngậm cho khỏi ráo phổi. Tranh thì Trúc-Đào đã mua ở chợ về cho mẹ được mấy quả. Hôm ấy, sau khi Trúc-Đào đi chợ, thì đến gần ngọ, giời u-ám rồi bỗng nổi một cơn mưa rào. Hạt mưa lốp bốp rơi xuống mái ngói và sân, Bà Cụ nghe thấy mưa nặng hột nên tuy mắt không nhìn rõ lắm nhưng cũng cố lần ra sân để lấy cái cóng sành hứng nước mưa giữa giời để uống. Cụ vẫn biết là nước mưa giữa giời không chẩy qua mái nhà, ống máng thì bao giờ uống cũng ngon và lại chữa được bệnh nữa. Mắt mẩy mắt kẹ, Cụ lấy cóng, lần đến để ở dưới cây hoa đỏ lá xanh giồng ở ngoài sân ngay đầu nhà. Quá ngọ thì tạnh mưa Cụ lại lom khom cố lần mò tới đầu nhà, sờ thấy cóng đầy nước múc một liễn mang vào nhà.

Đang khát lại sốt, Bà Cụ múc uống luôn mấy bát, uống đến đâu thấy mát ruột đến đấy. Đến buổi, cụ thấy trong người bứt rứt Cụ cho là phổi

ráo cho nên lại uống mấy bát nước nữa, và lần này, không những uống nước không, cụ bóc mấy múi tranh để ngậm.

Thì không hiểu tại sao ăn xong mấy múi tranh, cụ thấy nôn nao cả người và ruột đau như thắt. Cụ vật mình trên giường, rồi đến giờ Thân bọt mép sùi, mắt trợn ngược, mặt mày sám ngắt, chân tay co-quắp, bà Cụ tắt thở sau một cơn đau-đớn.

Một bà bạn hàng xóm hàng ngày cứ đến buổi thì sang thăm Cụ và để lấy các thức gửi Trúc-Đào mua hộ ở chợ xa, Bà đến nơi thấy Cụ già chết thảm-thương, thân hình còng queo trên giường bèn chu-chéo lên. Mọi người nghe tiếng kêu, kéo nhau đến đông chật ních cả nhà. Mấy người lên « Quận » trình. Trong chốc lát, trên « quận » phái người đến khám nghiệm và sau cuộc khám xét, họ cho là cụ già đã bị đầu độc mà chết. Mà ai đã đầu độc Bà Cụ họ Trịnh kia ? Con giai đi vắng, ở nhà chỉ có cụ và nàng dâu trẻ. Biết đâu chẳng phải nàng dâu đã hại cụ để được tự-do hành động. Quan « án » họ Trần trên quận cho lệnh lính canh nhà và lùng bắt nàng dâu tức là Trúc-Đào. Quan « án » là một người rất thẳng nhưng cương quyết. Ngài rất ghét những vụ án do tình ái gây ra và thường thẳng tay trừng trị những kẻ phạm tội nếu ngài có chứng cớ.

Gà lên chuồng, giời đã sâm sẩm tối thì Trúc-Đào quẩy gánh về tới cổng. Thấy lính đứng gác, nàng đã chột dạ. Nàng nghi : « sao lại có lính ở nhà ta ? Hay là người lạ mặt đưa thơ của chồng ta sáng ngày đã phản ta và đi báo nhà chức-trách

chăng? Hay hắn bị bắt mà vì tra tấn nên đã nói ra chăng? Nếu thế thì chương trình đại-sự của Hạc-Đình bị bại lộ mất và rồi đây biết bao nhiêu tráng-sỹ phải hy-sinh vô-ích. Nhưng nàng cứ mạnh bạo tiến vào cổng, bốn tên lính đã túm lấy nàng, đứa thì đánh, đưa thì trói, đứa thì giằng lấy quang gánh. Chỉ trong giây phút nàng đã bị trói giật hai cánh tay lại đằng sau lưng rồi dẫn vào nhà. Nom thấy mẹ chồng nằm chết trên giường, nàng òa lên khóc và quỳ gục xuống đất mà kêu gào thảm-thiết. Hàng sóm láng giềng, ai đã biết Trúc-Đào thật là một nàng dâu đảm-đương hiếu nghĩa đều tỏ vẻ thương hại nàng; nhưng cũng có ít người không biết nàng thì cho là *gái đĩ già mồm*. Không để cho nàng than-thở lâu, mấy tên lính giải nàng lên dinh quan Chánh-Án.

Được tin báo, quan Chánh-Án cho dẫn nàng vào để lấy khẩu cung. Ngài bắt khám người nàng thì thấy ngay ở túi áo cái miếng vải có bài thơ của Hạc-Đình gửi đến ban sáng. Xem bài thơ xong, quan án nghiêm nghị nói:

— Thơ này là cả một chứng cớ của vụ án này rồi. Còn có gì rõ-rệt hơn lời lẽ trong thơ nữa! Thủ phạm là ai? chính là thị chứ ai! Giống voi dầy! ngựa sé! chồng đi vắng, vợ ở nhà thông tư với giai, trao đổi thư-tình, nay muốn được tự-do với tình-nhân thì mưu-mô đầu-độc mẹ chồng. Tội mi dành dành ra đấy, mi nói sao?

— Bẩm lậy quan-lớn, đèn trời soi xét, quả con oan. Chồng con đi làm ăn nơi xa, mình con tần tảo buôn bán nuôi mẹ già, con nào có ác tâm mà giết mẹ chồng con.

— Thế còn cái thơ của ai viết cho mi ? Và nói thế là nghĩa gì ? Trúc-Đào không biết nói làm sao bây giờ. Chẳng lẽ nói rõ sự-thực với quan án. Nếu tiết lộ quân cơ thì hỏng mất công việc đại-sự của chồng nàng, của Hạc-Đính. Nàng đành không trả lời câu hỏi, dù quan án nổi cơn thịnh nộ lên trước cử chỉ im lặng của nàng.

Rồi nàng bị điệu sang ngục-thất và hai hôm sau bị kết án tử hình về tội ngoại-tình và cố ý sát-nhân. *Sát nhân, giả tử* . . .

Nhà nàng bị sung công cho lính ở chờ ngày chồng nàng về.

Thì ba hôm sau, quan án lại được tin một tên lính ở nhà của nàng Trúc-Đào, sau khi uống mấy bát nước mưa thì sùi bọt mép rồi lăn ra chết, mặt mũi sám ngắt, như hệt mẹ chồng Trúc-Đào.

Lấy làm nghi ngờ về cái chết của tên lính, quan án bắt đóng yên ngựa rồi thân đến điều tra và khám nghiệm tên lính bất hạnh ấy. Ngài phi ngựa thẳng đến nhà, giao cho tên lính kỵ mã đi hầu buộc ngựa vào gốc cây hoa đỏ lá xanh ở đầu nhà rồi cùng mọi người vào xem sác chết. Ngài rất liêm và công bằng, không chịu để những điều nghi ngờ trong trí óc. Ngài vẫn thường nói : « Thà rằng tha bổng một tội nhân còn hơn là làm tội một người oan ». Nghi ai là thủ phạm đã đầu độc tên lính ? Bạn đồng ngũ chàng chăng ? Vợ chàng chăng ? Không có lẽ. Không có lẽ. Khám nghiệm xong, quan án sửa soạn ra về. Thì một điều lạ thay : con ngựa bạch của ngài buộc ở dưới gốc cây hoa đỏ đầu nhà đang nằm lăn dưới đất, bốn vó giơ lên giời và đang giẫy giụa, mắt trợn ngược bọt mép

sùi đầy mồm. Sau một hồi giẫy thì ngựa chết. Quan án lại gần xem, vì ngài quý con ngựa ấy lắm ; nó có nước kiệu êm như ngồi song-loan ; và nó khôn lắm. Ngài thấy trong mồm nó còn sót mấy cái lá xanh của cây hoa đỏ, và ở ngay gần gốc cây hãy còn một cóng nước lã.

Là nhà cầm cân pháp-luật, ngài đâm ra suy-nghĩ và nghi ngờ. Ngài bắt hái một nắm lá cây hoa đỏ và mang cóng nước lã về dinh.

* * *

Suốt đêm, quan án chẳn chọc không ngủ được. Trong đầu ngài biết bao nhiêu câu « có lẽ » đã diễn qua. Có lẽ nàng Trúc-Đào đã bị ngài xử oan. Có lẽ nàng vô tội. Có lẽ mẹ chồng nàng đã ăn uống phải chất độc mà không biết. Có lẽ tên lính kia cũng chết vì uống phải chất độc. Và có lẽ con ngựa Bạch-Vân của ngài cũng chết vì ăn phải lá cây hoa đỏ và uống phải nước rỏ ở trên cây ấy xuống. Và có lẽ ngài đã xử oan nàng và biết đâu từ trước đến nay, ngài đã xử oan nhiều người rồi... Sang canh năm, ngài giậy sang văn phòng thắp đèn làm việc. Ngài cho rằng nếu nghi là chính mẹ chồng Trúc-Đào, người lính và ngựa của ngài đã bị ngộ độc bởi cây hoa đỏ thì bổn phận và lương tâm ngài bắt ngài phải thí nghiệm ăn cái lá cây ấy và uống nước lã hứng ở gốc cây ấy xem sao. Nếu không thấy gì thì ngài yên tâm, không hối hận đã giết oan nàng Trúc-Đào, và nếu có bị đầu độc chăng nữa thì ngài cũng không hối hận gì, vì đã đền được tội giết oan người khác.

Thế rồi ngài lấy bút viết mấy giòng chữ để giữa bàn giấy :

« Ta đã nếm mấy lá cây hoa đỏ lá xanh giồng ở sân nhà Trúc-Đào và « uống mấy ngụm nước hứng ở gốc cây ấy. Nếu ta có làm sao, lỗi ấy tại ta. Ta cốt đi tìm chân lý ».

Rồi ngài ngắt mấy lá bỏ mồm nhai rồi nuốt, đoạn múc một chén nước lã trong cóng rồi uống. Ngài thấy mùi lá ăn ngọt, thơm thoảng như vị trầm hay vị an-tức-hương... Nhưng trong một lúc sau, thấy đau quặn ruột, nấc lên mấy cái rồi gục xuống bàn chết.

Sáng sớm hôm sau, tin quan chánh án chết vì ăn phải lá cây hoa đỏ ở sân nhà nàng Trúc-Đào đã được mọi người biết, và ai cũng thương tiếc ngài thật là một ông quan liêm-chính biết giữ cho lương tâm trong sạch.

* * *

Việc nàng Trúc-Đào bị xử-tử oan cũng không làm cho các đồng chí nàng nản lòng, và trái lại ai nấy đều phấn khởi sửa soạn phiên chợ đêm để đưa quân Tầu vào tròng và đón quân quan của đất nước. Thì quả nhiên, đúng hôm đã hẹn, trong khi ở chợ đêm đang họp tưng bừng, đèn đuốc sáng chưng, người đến xem như hội, nhất là hầu hết các chú lính Tầu, đuôi sam lủng lẳng, líu lô líu lường tha hồ kéo nhau lũ lượt ra chợ để xem đánh bạc và tìm thú nguyệt hoa. Trong thành chỉ có mấy chú lính uể oải gác.

Cho nên quân của Hạc-Đính theo bốn phía kéo vào mà không ai biết, đột nhập vào thành dễ như chơi. Đến khi thấy nguy, quân Tầu trong thành đốt lệnh hiệu để gọi quân lính về thì đã muộn. Quân ta đã giết hết lính gác và giữ các cổng thành.

Quân Tầu tay không ở chợ chạy về thành, đi qua cửa, bị quân ta chẳn chém giết như chặt chuối, không tên nào thoát.

Sáng sớm, cờ của quân ta đã phấp phới bay trên thành.

Việc đầu tiên của Hạc-Đình là điểm quân xong, thì chàng phi ngựa ra nhà tìm nàng Trúc-Đào và mẹ. Nhưng than ôi ! mẹ chàng đã vì ngộ độc mà chết, vợ chàng đã bị xử tử oan, và quan chánh-án là người đã vì cái án ấy, biết tội lỗi cũng đã bỏ mình rồi. Mà chung quy chỉ vì cây hoa đỏ. Hạc-Đình cho đem di xác mẹ, vợ, quan án, tên lính và cả con ngựa trắng táng dưới gốc cây hoa đỏ rồi lại sai lập đền thờ và dựng bia kỷ-niệm. Đền ấy rất linh thiêng và hễ ai có việc kiện tụng oan ức thì thường đến đấy để cúng lễ và cầu khẩn. Đời sau, khách thập phương còn nhớ mấy câu văn sau này mà chính Hạc-Đình đã cho khắc vào bia :

Thói nước đầy vơi
Cuộc đời chìm nổi
Cơ giời đã khiến, then kiền khôn sịch đóng tịch chiêu mau
Thợ Tạo khôn lường, gương kim cổ bỗng loè sinh tử vội
Bóng nhạn lơ thơ
Ruột tằm bối rối
Nhớ Từ-Mẫu xưa vốn giòng Trịnh thị :
Đạo tam-tòng giữ được vẹn toàn
Gương tứ đức treo cao vòi vọi
Thờ chồng, tiết nghĩa vô song
Dậy con, hiên ngang tuyệt đối
Tận tụy với gia đình
Hy sinh cùng xã-hội

Ấy vị nước quên mình cho đến nỗi
Nhớ Trúc-Đào hiền thê em hỡi!
Phận đào hồng em chỉ có mong manh
Duyên cầm sắt anh còn đang mong mỏi
Anh nhờ em thay chồng nuôi mẹ, kể thật đáng công
Em giúp anh vì nước quên nhà, làm chi nên tội
Tiếc thay! Trẻ Tạo đành hanh
Người đời giả dối
Đổi trắng thay đen.
Lấy công làm tội
Đau đớn thay, ngọc vàng phai nát, vật quý khó tìm
Cay đắng nhẽ, tình lý ngay gian nỗi oan khôn chối.
Thôi tạm biệt, anh ở dương gian, em về chín suối
Em phụng dưỡng mẹ cha
Anh bảo tồn sông núi
Cùng đợi ngày Tổ-Quốc vinh quang tơ đào chắp nối.
Nhớ Trần-Công, thông minh chính trực, như Bao-Công thủa trước tái sinh, trót lỡ tay trong vụ án Trúc-Đào đã quyên sinh sám hối,
Nhớ chú lính vô tình, con bạch-câu vô tội, cũng hy sinh trong vụ án kia,
Nay xin cung kính ghi chép mấy lời vào bia đá để làm kỷ-niệm ngàn thu.

QUÝ TỴ NIÊN XUÂN BI-KÝ

HẠC - ĐÍNH
khấp bái

Bởi sự tích ấy mà cây hoa đỏ lá xanh kia được mọi người gọi là cây *Trúc-Đào*.

.˙.

Chú thích.— Cây Trúc-Đào thuộc về loài Apocynées loại Apocynacées hay Nérium, và tên khoa hoc là *Nerium Oléander*. Cũng như cây laurier-cerise (một cây dùng làm vị thuốc ho), hoa và lá cây trúc-đào có một thứ dựa làm cho ngứa ngáy và một chất độc gọi là *Acide cyanhydrique* hay là prussique, công-thức là CAZH. Thuốc độc này mạnh vô kể, cho đến ngày nay chưa thấy thứ nào mạnh hơn. Chất cường toan có thể làm cho người và loài vật chết, dù uống phải một số rất ít, và sức độc tăng lên gấp bội nếu người bị ngộ độc lại uống với một chất gì chua nữa ; nhưng trái lại lục-chất (chlore) có tính cách giải độc cho acide prussique làm biến thành chất chlorure de cyanogène, công thức là CYCL.

Cây trúc-đào lá xanh bóng, hoa mầu đỏ nhợt, giồng làm cây cảnh nom rất đẹp. Nhưng vì lá có chất độc, không nên giồng ở gần giếng, hay bể chứa nước ăn.

Con « ma lọ »

Ở các làng, người dân-quê Việt-Nam thường hay tin là có « ma ». Từ xưa đến nay, một số đông vẫn nhắc những câu chuyện về ma, mà họ được nghe « truyền khẩu » lại. Câu chuyện cứ được phóng đại dần dần rồi nhiều khi sai hẳn sự thực. Có một số người, dù chẳng hề được nom thấy ma bao giờ, nhưng cũng cứ tin là có ma. Không cần phải trông thấy, không cần phải xét đến cỗi rễ, vì họ cho ma là những hiện-tượng không thể thấy được và cũng không thể hiểu được. Thế rồi những đêm đông tối giời, lại điểm mưa dầm gió bấc, thì nhiều chuyện ma lại được Ông Bà kể cho các cháu nghe... Khi họ đã tin thì khó lòng mà bảo họ đừng tin nếu không có một chứng cớ hiển-nhiên. Nhưng, nếu tìm thấy những chứng cớ

rành rành, có thể kiểm-soát được, nghĩa là « *nói phải có sách, mách phải có chứng* », thì họ cũng lại tin mình ngay, cũng dễ dàng như khi họ không tin mình. Câu chuyện tôi kể ra đây là 100 phần trăm sự thực, và một sự ngẫu-nhiên đã đem đến cho dân một nơi « bùn lầy nước đọng », ấy là ở làng « Chè » vùng đồng bằng Bắc-Phần Việt-Nam, một bài học bài-trừ dị-đoan rất hay, và từ đấy dân làng đã có dịp biết thế nào là con ma lọ.

Hôm ấy là cuối tháng năm Dương-Lịch vào khoảng giờ tuất (7-9 giờ). Giời tối lắm, tuy nhiên cũng có ít sao lóng lánh trên cao. Cậu Tý Con, con một chủ-điền có việc từ chiều hôm phải xuống sóm « Vạn-Điền » ở mãi cuối làng. Tay cầm một con dao « bầy », bước thấp bước cao, chàng theo những ngõ hẻm quanh co trong các sóm để về nhà. Thỉnh thoảng chàng đi qua cổng một nhà nào thì tiếng chó sủa lại vang lên trong đêm tối. Khi qua sau chùa làng, nghĩ đến bãi tha ma ở gần đấy nên chàng thấy rợn người. Trong đầu chàng thấy hiện lên những hình ảnh về ma-chơi, ma-xó, ma-cà-rồng mà chàng đã được nghe kể chuyện. Mỗi một bóng đen ở trước mắt đối với chàng đều có thể là bóng ma biết cử-động, mỗi một tiếng động của con sâu hay tiếng gió trong bụi cây, tiếng cây tre cọ vào nhau đều là tiếng của ma hay của oan-hồn nào đấy. Tiếng chân chàng nện xuống đất đối với chàng thì rõ là tiếng của ma đương đuổi, và càng chạy thì tiếng đuổi càng mau. Không dám quay mặt lại, chàng cắm cổ bước thật nhanh và hình như là chạy. Về đến

cổng nhà lúc nào chàng không biết nhưng trống ngực chàng đánh mạnh hơn trống làng vì chàng còn phải qua hai giẫy tre um-tùm mọc ngay ở bên bờ ao có những cây sung nằm ngả nghiêng rạp xuống gần mặt nước như thể những thân-hình ma đói với những bộ tay khẳng kheo vươn ra chỉ chực vồ lấy khách bộ hành qua lại. Trong khi óc chàng đang hoang-mang thì một tiếng động khả nghi ở giữa đường gần lối xuống bờ ao làm cho chàng rợn tóc gáy. Chàng đứng sững lại không dám tiến bước lên nữa, và thần hồn nát thần tính, chàng không đủ can-đảm mà giơ con dao bầy cầm ở tay. Tiếng động lại tiếp-tục và càng tiến về phía chàng, cứ nghỉ một lúc lại thấy lộc-cộc trên đường đất. Dưới bóng sao mờ, chàng nom thấy cách chàng độ 3 thước một vật tròn tròn đang cử-động, lúc lăn lúc đứng, lúc ẩn vào bóng tối, lúc hiện ra dưới ánh sao. Sợ quá, Tý Con không dám bước nữa và đứng lại, hai chân run lẩy bẩy, trán toát đẫm mồ-hôi.

— Thôi đúng ma lọ nó trêu ta đây rồi ! Tý Con nghĩ vậy và muốn kêu to để cầu cứu.

Nhưng chàng líu lưỡi, há mồm muốn thét mà không ra tiếng. Tai quái làm sao, con ma lọ ấy cứ tiến về phía chàng và đang lăn vào chân chàng. Lấy hết sức bình sinh, Tý Con rún chân nhẩy qua ma lọ, vừa chạy được vào trong sân, thấy ánh đèn trong nhà ngang mà những người canh-điền ngồi đan thúng, và trẻ lạt cạnh những người đàn bà đang giã gạo, vừa giã vừa đếm số chầy, chàng ú ớ kêu :

— « Ối giời ơi ! Ối ai trong nhà ơi ! cứu tôi với, ma nó đuổi tôi ».

Thấy tiếng kêu, đàn chó sô nhau ra sủa, và mọi người cùng đổ ra sân.

Mặt tái mét, cắt không còn hột máu, Tý-Con vừa thở vừa chỉ ra phía cổng :

— Các bác ra bờ ao mà xem, một con ma lọ đã chắn đường tôi và đang lăn long lóc kia kìa...

Mấy người canh-điền khỏe-mạnh, vội vào nhà, nào người lấy cuốc, nào người cầm dao, gậy-gộc, đốt đuốc để ra bờ ao bắt ma. Mấy người đàn-bà « yếu bóng vía » không dám ở lại nhà, cũng dón dén nắm tay nhau đi theo ở đằng xa. Cố nhiên Tý-Con cũng nhập bọn với những người này. Theo sau bó đuốc sáng lập-lòe, mọi người khẽ bước đi, không ai muốn đi đầu. Bác Nhiêu Lượt là người nhiều tuổi nhất nói : « Này anh em, còn mồ-ma Cụ Bá, tôi vẫn thấy nói ở bờ ao gần gốc cây sung có con « ma-trâu » cứ đến đêm là đằm mình uồm-uồm, và ở cầu ao thì có con « ma lọ ». Ấy là oan-hồn của cái Đỏ nó chết đuối hồi lụt mất mùa năm Tý đấy mà. Hễ quên không cúng là nó lại hiện lên trêu người đi đường ».

Cu Tháu là đứa chăn trâu, bồ côi cả cha mẹ, cũng đi ở đấy. Nó là một đứa bé cứng đầu cứng cổ, cùng với em đi ở cho nhà Tý-Con đã 5, 6 năm nay. Nó hay nghịch tinh và chẳng biết sợ hãi là gì. Nó vẫn cùng với bạn mục-đồng chơi phụ-đồng chổi luôn, và nhiều khi nó bị « đồng-chổi » ốp nên mê man cầm chổi quét lia lịa khắp nơi rồi lộn cổ xuống ao, xuống rãnh mà không biết. Thấy

mọi người đi bắt ma, nó mừng lắm, bèn chạy ngay ra đầu nhà bẻ một cành dâu và lấy một nắm rơm để làm cái nút. Nó lại không quên rứt cái «chỉ ngũ-sắc» mồng năm tháng năm hay là « bùa tui bùa túi» mà cái Cỗn, em nó, đeo ở ngực để kỵ tà, ma. Cu Tháu tin rằng cành dâu có phép mầu-nhiệm đánh được bóng ma, và khi bị đánh thì ma không dám «làm» ai nữa, còn «chỉ ngũ-sắc» thì nếu đem buộc vào đâu thì ma hết đường chạy. Nó nhất định bắt con ma lọ phen này cho mà xem. Nó vẫn thấy các Cụ kể rằng con ma chơi hay ma lọ là do những miếng giẻ rách, quần áo người chết vất ở bờ tre đống ốc, hóa ra. Khi bị bắt thì ma lại biến ra giẻ rách ngay, và nếu đem giẻ rách ấy mà bỏ vào nồi rang thì ma sẽ kêu để xin tha...

Khi bọn người tiến đến bờ ao thì quả nghe thấy tiếng lộc-cộc lúc khoan, lúc mau trên đường. Dù có ánh lửa lập lòe của bó đuốc, con ma lọ vẫn cử-động, lúc lăn sang bên phải, lúc lăn sang bên trái.

Mọi người hồi-hộp, không ai dám nói nửa lời. Tý Con thì níu chặt lấy áo Ông Nhiêu Lượt... Một người lực-điền đã giơ cái bắp cầy định đập tan cái lọ rồi muốn ra sao thì ra, nhưng rồi ghê tay cũng không dám đánh.

Lúc ấy thằng Cu Tháu bèn sấn sổ chạy ra chỗ con ma lọ đang lăn, nó nhanh tay lấy rơm có gài sẵn cái «chỉ ngũ-sắc» mà đút nút lấy lọ. Đoạn nó vừa reo vừa lấy roi dâu cứ chung quanh lọ mà vụt chán tay, vừa vụt vừa hát:

« Ma-Lọ, Ma-Lọ,
« Mày ở bờ ao, tao đánh chẳng sao,
« Ma-lọ, ma-lọ,
« Mày về nhà tao, mày thành bó giẻ,
« Tao bắt tao rang, bỏ đời ma lọ,
« Roi dâu, ngũ-sắc, mày chạy đằng nào »...

Đánh rồi, Cu Tháu bê cái lọ chạy về nhà. Mọi người sô nhau chạy theo. Nó mang cái lọ đã được nút kín vào trong bếp, lấy cái nồi rang treo ở trên tường, đặt lên bếp đang sẵn có lửa rồi đun. Khi nồi rang đã nóng bỏng, nó bê cái lọ lúc nãy mà ở trong vẫn nghe thấy tiếng lục-đục, đem dốc ngược lên rồi mở nút giẻ đổ « con-ma » vào nồi rang. Nó bỏ theo cả nút và chỉ ngũ sắc vào nồi cho con ma hết đường tẩu-thoát, rồi lấy vung đậy chặt nồi rang. Tay cầm roi dâu, nó vụt veo véo ở chung quanh nồi, dưới con mắt kinh ngạc của mọi người. Lửa đun càng to, trong nồi rang thấy tiếng động lục-đục càng nhiều, hình như con con ma bị nóng đang chạy quanh nồi và tìm cách chui ra. Rồi sen lẫn tiếng lục-đục, có tiếng kêu như sáo thổi. Tiếng lục-đục và tiếng kêu trước còn to, sau cứ bé dần, và sau hết mọi người chỉ thấy tiếng kêu rên-rỉ như tiếng « ma sắp chết ». Rồi im bặt chỉ còn tiếng lửa. Thằng Cu Tháu đắc chí, mạnh bạo bắc nồi rang ra giữa nhà, mang đèn sáng đến gần để mở vung nồi ra. Mọi người rãn ra vì sợ nhỡ nếu ma chưa chết, nó sẽ vùng giậy mà chạy ra thì có chết sớm.

Trịnh trọng và tai quái, Cu Tháu khẽ cầm núm rồi mở vung ném ra ngoài.

Khói trong nồi bốc tỏa lên nghi-ngút. Một mùi khét như mùi giẻ rách đốt lẫn với mùi thịt người bị nướng xông vào mũi mọi khán-giả. Ngửi thấy mùi thịt khét, ai nấy đã chột dạ, duy thằng Tháu mặt vẫn chân chân ra đấy ; nó soi ngọn đèn đến gần nồi rồi nó úp cái nồi xuống đất. Nó lật cái ấy ra để xem sác con ma lọ ra sao. Hết thảy mọi con mắt đổ dồn vào cái nồi rang và tay thằng Tháu. Họ chờ đợi xem thấy con ma.

Nồi lật lên, trên mặt đất xuất-hiện ra, ở bên cạnh đống tro của nút rơm và chỉ ngũ-sắc, một cái sác « con ma » thân-hình bị cháy vàng, chân tay co quắp, hai mắt lòi ra ngoài, lưỡi lè dài và hai hàm răng nhọn hoắt nhe ra trắng nhởn. Bên cạnh có một sác « ma-con » nữa, nhỏ bằng quả quýt có 10 chân, mình bẹt và đã bị rang đỏ như máu.....

Sác « ma » lọ lớn chỉ là sác một con chuột cống, vá sác « ma con » chỉ là sác con cua đồng.

Thì ra chẳng phải « ma lọ » ma lem gì cả. Đấy chỉ là một con chuột cống đói đi tìm mồi, thấy trong lọ có một con cua nên chui vào bắt ăn. Cái lọ ấy hôm trước đựng cua, hôm sau, cua đã đem nấu canh rồi, còn sót lại một con, cái Cỗn không biết mang ra ao múc nước, nhưng chiều tối nó bỏ quên chưa cất về nhà. Chuột chui vào bắt cua để sẻ mai ăn ruột, nhưng vì chuột cử-động cho nên cái lọ đổ nghiêng, rồi cứ mỗi khi chuột động đậy thì lọ lại lăn cho nên Tý Con và mọi người đã thấy lọ ấy biết đi và nếu không có cuộc khám-phá ngẫu-nhiên của Cu Tháu thì nhất định cứ tin như Tổ-Tiên đã tin, là trong làng có con ma-lọ.

Cây «Đoạn trường thảo»

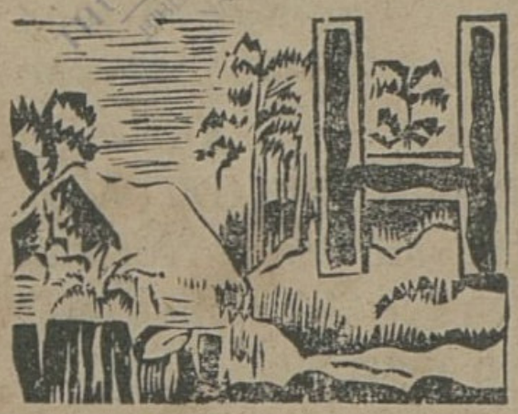

ĐỒI ấy, trong thời kỳ đại-chiến lần thứ nhất, dư-luận ở một tỉnh trên mạn ngược Bắc - Phần Việt-Nam đã xôn-xao về một án mạng làm ba người cùng chết một lúc trong những trường-hợp rất ly-kỳ bí-mật, và mãi hơn một năm sau nhà chức-trách mới tìm ra manh-mối.

Số là tòa-án có lệnh truy-nã một tên dân Mèo ở Bản Nà-Pi cách Lô-Quí-Ô độ hơn 10 cây số đường rừng. Nà-Pi thuộc về nơi nghỉ mát Chapa ăn về Tỉnh Lào-Kay, nhưng đi từ Nà-Pi về tới Lao-Kay phải quanh co toàn đường rừng, lúc lên lúc xuống, hai bên cây cối mọc um tùm, đầy những vắt, chỉ một người đi lọt ; tới Lao-kay tính ra mất 25 cây số mà phải đi mất một ngày giời mới tới.

Tòa-án đã nhờ trại giám-binh cử ba người lính nai nịt súng ống, doi ba-lết và cả dao quắm để đi rừng, mang công-văn và trát bắt tên Mèo Khambeo đã bị tình-nghi can tội giết tình-địch cách đây bốn tháng.

Khambeo là một người vạm vỡ, dỏng cao, hai mắt sâu hoắm và sếch, gò má cao, cằm nhọn, môi dầy ; da mặt sanh bủng, rõ là một người bị sốt rét ngã nước kinh-niên, nhưng nom hắn vẫn có vẻ tráng-kiện và hung tợn lắm.

Ba người lính khởi hành từ Lao-Kay từ sáng sớm đến chiều hôm mới tới bản và lặng lẽ vào nhà ông chánh tổng người Mèo. Sau khi nghỉ ngơi bác Cai Cường đưa công-lệnh và trát bằng chữ nho cho ông chánh tổng Mèo xem rồi căn dặn phải giữ kín đáo kẻo nếu tên Khambeo biết thì hắn sẽ trốn vào rừng xanh mất.

Biết vào lúc giờ « gà lên chuồng, chim bay về tổ » thì Khambeo phải có ở nhà để thổi cơm nấu nước, nên viên chánh tổng bảo ba người lính phải kíp đến vây bắt ngay. Nhà Khambeo làm ở trên một ngọn đồi, chung quanh cây cối um tùm. Theo con đường tắt ở phía sau, ông chánh tổng với cái súng hỏa-mai và ba người lính lặng lẽ lên ngọn đồi ; đến lưng chừng quả đồi thấy một làn khói xanh đang bốc qua mái nhà lợp cỏ danh và chễnh mảng tỏa lên không trung, nên bốn người đoán ngay là Khambeo có nhà. Họ bèn chia ra làm bốn ngả để tiến đến vây. Ông chánh tổng tới cổng trước, đằng hắng gọi Khambeo làm cho đàn chó dữ đổ sô ra sủa về phía ông. Không đề phòng nên Khambeo lên tiếng thưa rồi chạy ở trong bếp

ra phía cổng, trong tay không quên cầm con dao nhọn của y vẫn đi rừng, và có lẽ đã dùng để hạ thủ kẻ tình-địch ở một khu rừng cấm gần đấy. Thấy ông chánh tổng, nai nịt có súng ống, và lại đến lúc giờ này, biết là có biến, Khambeo quay trở vào nhà và định vùng chạy. Thì ba người lính cũng đã tiến đến bờ dậu nữa, và ba phát súng bắn chỉ thiên ở ba phía vườn đã làm cho Khambeo phải đứng sững lại ở giữa sân và tiếng súng được các từng lớp rừng già trùng-trùng điệp điệp nhại lại bằng những tiếng vang cứ xa xa dần.

Trong giây phút, cả bốn người ập đến, Khambeo đã bị trói giật cánh khỉu và dẫn vào trong nhà. Sau khi được nghe ông chánh tổng Mèo đọc cái trát bắt, hai mắt quắc lên, hắn chửi rủa om sòm một hồi rồi ngồi sồm xuống bậu cửa có vẻ trầm ngâm nghĩ ngợi.

Một người lính lại gần để khám xét Khambeo và khi không thấy có khí giới thì ra lệnh cho hắn đứng dậy để đi về nhà viên chánh tổng.

Trời đã sâm sẩm tối, trên ngọn các cây cao ở phía rừng trước mặt đã thấy phảng phất một đám mây dài; trong những bụi cây um-tùm, tiếng chim kêu về tổ đang ríu rít sen lẫn tiếng vượn hót trên cành một cây trò chỉ cao chót vót. Một con nai mẹ vừa uống nước bên bờ suối, vừa rít lên gọi con.

Đoàn 5 người lặng lẽ rẽ cây đi về lối nhà ông chánh tổng, Khambeo đi ở giữa. Khi giời tối mịt thì tới nhà.

Khambeo được cởi trói để ăn cơm uống nước, rồi phải rốt vào một buồng hẹp ở đầu nhà sàn. Cửa buồng được cài cẩn thận, và xuốt đêm ba người lính phải thay phiên nhau canh gác.

Hôm sau, khi sương mù đã tan và đã trông rõ đường đi thì ông chánh tiễn ba người lính và Khambeo ra tận quá chợ mới trở về. Ông không quên đưa cho người cai một ống nứa cơm và một gói muối để đi ăn đường.

Trong một lúc, đoàn 4 người đã theo đường núi quanh co mà lẩn vào trong rừng rậm, tiến về phía Lào-Kay.

Đến gần trưa thì Khambeo và ba người lính giải đã đến ngọn một quả núi cao, cách Lào-Kay chừng 8 cây số. Chân mỏi, bụng đói, ba người lính tìm chỗ sạch rồi dừng chân để ăn cơm trưa. Họ bẻ đưa cho Khambeo một miếng với một giúm muối, nhưng hắn lắc đầu không ăn và ngồi sổm ở cạnh đường, đôi mắt buồn rầu, nhìn vào nơi rừng thẳm âm u. Ba người lính ăn xong cơm nắm với muối rồi lại sửa soạn để đi. Nghĩ đến nước uống, họ mới nhớ ra rằng ông Chánh tổng đã quên không sắp cho họ một ống nứa nước để đi uống đường như thường lệ, và cứ làu nhàu oán ông ấy đã sơ xuất. Nhưng sợ chậm trễ, ba người đành phải cứ đi để hễ gặp suối thì uống.

Đi hết giốc này đến giốc khác cũng chẳng thấy tăm hơi suối nước, mà càng đi, dưới trời nắng như thiêu như đốt, ba người ăn cơm với muối nên thấy khát nước như cào cổ họng. Mồ hôi làm ướt đầm đìa bộ áo vải vàng lại làm cho ba người lính càng thấy khát nước thêm, và có lẽ họ không thể nào đi được nữa và cố tìm chỗ mát để nghỉ chốc lát. Ngồi dưới một gốc cây to, ba người nhìn nhau nom có vẻ ái-ngại lắm, và sau hết bàn với

nhau để một người ở lại canh Khambeo còn hai người đi tìm suối nước mà uống.

Từ sáng đến bấy giờ, Khambeo cứ lầm lì không hề nói nửa lời. Thấy ba người lính kêu khát nước, hắn mấy nói nửa tiếng kinh nửa tiếng mèo :

— « Các cái ông khát nước phải không ? Chỗ ngọn núi này cao lắm, còn phải xa lắm mấy có nước, nhưng nếu các ông muốn khỏi khát thì theo tôi vào mấy bụi cây để tìm một thứ lá cây, chỉ nhai mấy cái là khỏi khát. Mỗi khi vào rừng đốn củi, nếu khát nước chúng tôi vẫn hái để ăn ».

Thấy Khambeo nói vậy, và đang khát nước như cháy cổ, ba người ưng thuận ngay. Và Cai Cường và « ván tiêng » (21) theo Khambeo rẽ cây vào rừng. Độ nửa giờ sau, « 21 » mang bốn bó lá về và cả bốn người cùng ngồi dưới gốc cây để ăn. Lá mà họ hái về hình dài độ nửa gang tay, mầu xanh nhợt, bề ngang độ 2 đốt ngón tay, nom tựa như lá cây nhãn ở dưới đồng bằng. Muốn tỏ cho ba người lính là mình ngay thẳng Khambeo ngắt 5 lá, vò qua rồi bỏ vào mồm nhai rồi nuốt rất ngon lành. Hắn lại bảo chỉ ăn 5 lá cũng có thể không khát suốt cả ngày.

Thấy Khambeo ăn rồi, ba người lính cũng ngắt mỗi người 5 lá rồi nhai và nuốt. Ăn xong ba người nghiệm thấy lá có một vị ngọt, thơm mát và ngon lắm. Một điều rất lạ, chẳng biết tại tưởng tượng hay sự thật, là ba người không thấy khát nước nữa. Khambeo sau khi ăn 5 lá cây rồi hắn giở bọc lấy miếng giầu bỏ vào mồm phúng phính

nhai ; có một điều lạ là hắn ăn giầu mặn vôi lắm ; có bao nhiêu vôi ở trong hộp bằng bạc hình quả đào, hắn nạo lấy ra hết và bỏ vào mồm ăn với giầu cau.

Thế rồi 4 người lại đủng đỉnh đi xuống giốc và non một giờ thì đến đường cái quan. Nhưng lạ làm sao bỗng ba người lính thấy trong người nôn nao bứt rứt ; trong ruột có cái gì làm cho quặn lại, rất khó chịu và đau đớn ; hai mắt bỗng mờ hẳn đi và hai tai thì ù như tiếng gió. Chân tay mỏi rời và mặt bắt đầu thấy chóng. Thấy khó chịu ba người ngồi xệp xuống đường dựa rồi ngả lưng để nghỉ. Họ càng thấy đau bụng và một lúc sau thì bất tỉnh nhân sự, hai mắt giương to và mồm sầu bọt mép ra. Sau một hồi giẫy dụa ba người đã thành ra ba cái sác nằm co quắp ở đường.

Khambeo được chứng kiến cái chết của ba người, trong dạ rất hồi hộp, nhưng đắc chí vì đã dụng mưu mà hãm hại cả ba kẻ thù của hắn và từ nay hắn chắc chắn lại được tự do trở về với rừng thẳm là giang sơn riêng của hắn. Đợi cho ba người chết hẳn, Khambeo mấy lấy dao cắt dây chói tay hắn và sau một hồi nôn oẹ, hắn cho ra hết cả những lá mà hắn đã cùng ăn với ba người sấu số kia. Rồi nhanh nhẹn như con thú dữ được trả lại tự do, hắn lao mình vào rừng rồi đi mất... Hai hôm sau một tốp lính dõng đi tuần ở rừng ấy, nom thấy sác ba người lính nên đã về tỉnh-lỵ phi báo các nhà chức trách và cuộc điều tra mới bắt đầu.

Thi-thể ba người lính sau khi được khám nghiệm đã được mai-táng rất chu-đáo ; nghi là bị đầu độc vì thân thể ba người đều sám ngắt và bụng chương lên rất to cho nên quan ba đốc-tờ đã gửi bộ dạ dầy và lá gan, ruột về tận Thủ-Đô để phân chất. Thì trong vòng nửa tháng đã có kết quả và ông được biết rằng ba người đã bị ngộ độc, ăn phải một thứ lá trong có chất glucosides rất độc có tính - cách làm rách màng dạ dầy và ruột, và khi đã ngấm vào máu thì làm cho quả tim đứng lại. Chính chất này thổ dân vẫn dùng để tẩm tên độc săn hươu nai, và thú dữ trong rừng. Chất độc này kỵ với những chất gì có tính - cách nồng và gặp chất nồng thì nó sẽ đóng thành cục không tan và độ độc cũng giảm đi ; sau lời khai của ông Chánh - Tổng thì ai cũng nghi cho Khambeo đã đầu độc ba người lính ; nhưng việc cần là phải bắt cho được hắn. Thấy việc vỡ lở Khambeo đã trốn sang khu rừng khác và thỉnh thoảng mới dám lẻn về thăm người tình của hắn là nàng Mac - Pi. Nhờ có tài khéo léo của Ông Chánh và sự giúp đỡ của Mac-Pi nên gần một năm sau thì Khambeo sa lưới pháp luật. Biết được chính người yêu của hắn đã phản hắn, nên không còn tiếc gì đời nữa. Ở Tòa-Án tỉnh lỵ, Khambeo đã rành mạch kể cả hai vụ sát-nhân mà chính hắn là thủ phạm. Hắn đã dùng tên tẩm thuốc độc bắn tình-địch của hắn và đến vụ ba người lính thì hắn đã cho biết rằng hắn đánh lừa cho ăn thứ lá trong có chất độc rất mạnh mà hắn gọi tên là *Toản-sàng-xảo* và

người Kinh gọi là Đoạn-Trường-Thảo ; hắn muốn cho ba người lính không nghi nên hắn cũng ăn năm lá như mọi người, nhưng hắn đã biết rằng dù có ăn phải chất độc của lá toản-sàng-xảo mà ăn ngay vôi thì vôi sẽ giải hết chất độc, nhưng sau này không muốn cho hỏng ruột thì phải nôn hết chất độc đã kết với vôi thành những cục rắn như hạt tiêu.

Khambeo lại cho biết rằng cái cây có lá độc ấy là một thứ dây leo có quả nom hơi giống như quả đậu và hay leo quấn ở chung quanh những cây to gần suối nước. Những cây nào bị dây toản - sàng - xảo quấn thì bị ngấm chất độc nên ít lâu cũng bị chết khô, cho nên vào rừng rậm cứ biết như thế mà tìm cây toản-sàng-xảo rất dễ dàng. Chính các người con gái ở các bản Mèo, mỗi khi bị bất mãn về tình thường đi lấy lá toản-sàng-xảo để ăn cho thoát cõi trần-tục và cho thoát nỗi đoạn-trường; vì nó làm cho đứt ruột người uống phải lại làm cho hết nợ đời cho nên người ta mới đặt cho cây ấy tên là Đoạn-Trường-Thảo.

Sau phiên Tòa náo động và hồi hộp, Khambeo bị xử - tử. Khi nghe viên Lục - Sự thông ngôn cho hắn biết hắn đã bị xử - tử để đền bốn mạng và hắn có muốn kêu ca gì không, thì sắc mặt lạnh như tiền, Khambeo nhờ thông - ngôn xin Ông Chánh-Án cho phép được đoạn đời hắn bằng cách ăn lá Đoạn-Trường-Thảo. Nhưng tiếc thay, trong luật của người văn-minh không có

lối xử-tử như thế, nên Ông Chánh-Án không chiều ý Khambeo được.

Sau vụ án Kham-Beo, dư luận bàn tán mãi tới mấy tháng và trong các giới khoa-học, mọi người mới xét ra rằng cây Toản-sàng-xảo (đoạn-trường-thảo) mà Kham-Beo đã dùng để đầu-độc, thuộc về loài đậu, gần giống như cây Physostigma vénénosum B. hay là Eséré ở bên Phi-Châu và dân Mọi đen vẫn thường dùng làm thuốc tẩm tên độc mạnh vô song. Khi Khambeo ăn lá đoạn-trường-thảo mà không chết là vì hắn đã ăn nhiều vôi và vôi là một chất nồng rất mạnh gặp chất độc của lá cây đã làm cho chất độc ấy rón lại thành viên và đã làm giảm cả sức mạnh đi. Vì có kinh-nghiệm nên tên Mèo Khambeo đã giết người một cách mầu-nhiệm và thoát chết một cách rất khoa-học.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIỆT-NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIỆT NAM

Cây « trường-sinh thảo »

GẦN một khu rừng thuộc giẫy núi Hoành-Sơn, tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị bây giờ, có hai vợ chồng ông lão họ Hà, dựng một túp lều tranh để ngày ngày vào rừng đốn củi quẩy về làng bán. Ông lão đã sáu mươi nhăm tuổi, râu tóc và cả lông mày cũng bạc phơ, nom tựa một tiên ông đang tu ở khu rừng ấy. Hai vợ chồng sinh sống một cách thanh-bạch và đơn giản ở đấy đã hơn 10 năm rồi. Ông cụ tuy nghèo nhưng rất hiền lành và phúc-hậu, cho nên khắp cả vùng ấy, ai cũng biết tiếng và yêu mến. Đã 10 năm nay, mỗi ngày ông lão vào rừng đốn được hai gánh củi mang về làng bán lấy tiền mua đủ gạo ăn ngày hôm ấy, còn thừa bao nhiêu ông lão tìm đến nhà những người nghèo khổ hơn ông để phân phát cho hết. Thế cho nên những người nghèo khi có hoa quả ngon hay săn được cầm thú gì cũng mang biếu ông;

nhưng ai cũng oán giời sao không có mắt, vì vợ chồng ông lão hiền lành và giầu lòng từ-thiện thế mà lại không có con. Mọi người vẫn cầu khẩn để ông lão họ Hà có người nối dõi tông đường. Thế rồi ngày tháng qua, tết năm nay Ông Lão đã bảy mươi tuổi rồi, mà cũng chưa được mụn nào. Hôm ấy là mồng một Tết, sau khi cúng tổ-tiên, ông lão đeo một bầu rượu rồi quyết tâm vào rừng uống rượu ngao du vui thú cùng cây cỏ cho đỡ buồn số phận muộn mằn chưa đường kế tự.

Gió xuân ấm-áp, trong rừng cây cối xanh tươi, trăm hoa đua nở, chim kêu vượn hót trên cành sen lẫn với tiếng nước róc rách chẩy dưới khe.

Những gò đống, thung lũng, những cây cổ thụ, hòn đá to, đều được ông lão quen biết như của riêng ông. Tìm một chỗ có phong cảnh đẹp, giữa hai gốc cây leo nom như hình hai con rồng chầu vào nhau, ông lão họ Hà ngồi một mình vừa uống rượu vừa nghêu ngao hát. Hết hát lại ngâm thơ rồi lại uống rượu, cứ thế cho đến chiều tối, mềm rượu, ông lão ngả lưng xuống gốc cây ngủ lúc nào không biết. Cho đến sáng hôm sau, khi mặt giời nhô lên khỏi ngọn núi phía đông đã ném ánh sáng vàng tươi xuống ngọn cây và làm long lanh như thể trăm nghìn mảnh gương giòng suối quanh co uốn khúc ở chân rừng, và đàn chim họa mi đã lìa tổ ra hót ở đầu cành cây vàng-anh hoa tươi như nghệ ở chân đồi thì ông lão mới chợt tỉnh giậy. Thấy mình nằm giữa cỏ cây, ông lão tưởng chiêm bao nên ngồi giậy ngơ ngác nhìn chung quanh. Điều lạ nhất

là ông thấy hai cái cây ở hai bên cạnh ông và nom như « lưỡng long chầu nguyệt » hôm qua đứng riêng biệt mà sao hôm nay thì lại gục vào nhau và quấn chặt lấy nhau như thể dây thừng ngay ở trên đầu ông. Ông bèn đứng giậy và để ý ngắm nghía hai cái cây leo ấy, thì cứ thấy mặt giời càng lên cao thì hai cây càng xa nhau và vào khoảng gần ngọ thì thôi không quấn lấy nhau nữa. Lấy làm lạ, quên cả ăn uống, ông lão cố ngồi chờ ở gần đấy đợi đến tối xem hai cây ấy có quấn với nhau nữa không. Thì lạ thay, chiều hôm ấy khi mặt giời lặn khuất núi, thì hai cây ấy từ từ gục vào nhau rồi đến đêm thì hai cành quấn bện lấy nhau như có vẻ âu-yếm nhau lắm. Ông lão họ Hà nghĩ rằng có lẽ ông tạo-hóa đã đặc biệt cho loài cây này biết yêu-đương nhau chăng, thế rồi dưới ánh sao lấp-loáng của bầu giời yên lặng, ông lão hì hục lấy tay bới gốc cây để tìm rễ. Chẳng bao lâu ông đã lấy được một củ to bằng cái điếu bát, chứ không phải là rễ như ông lão đã tưởng. Ông cho rằng cái cây có « tính-tình » như loài người kia biết đâu không phải là một vị thuốc cầu-tự rất kiến hiệu và có thể cải-lão hoàn-đồng người ta được.

Nghĩ vậy, ông lão lần ra suối rửa củ cây ấy cho sạch rồi mang lên bờ ngồi cắn ăn. Nhân thể bụng đang đói, lại tin tưởng tìm được thuốc tiên, ông lão ăn gần hết cả củ. Ăn xong, thấy trong người bứt rứt như sau khi say rượu, ông lão nằm vật ra bãi cỏ rồi không sao nhịn được, ông ta đánh một giấc cho đến trưa hôm sau mới giậy ; thấy trong người khoan khoái, ông lão bèn lững thững ra khỏi rừng để về nhà.

Đến cửa, cũng như mọi lần, ông đẩy cái cổng trống để vào. Con chó cún đang nằm ở đầu hè, thấy ông lão vào nom lạ cho nên nó nhẩy sổ ra mà sủa. Ông mắng thế nào nó cũng không thôi cho đến lúc vợ ông ở trong nhà thấy tiếng chó cắn dai quá phải chạy ra xem. Thì chính bà lão cũng không nhận được ra là ai, vì trước kia, tóc và râu ông trắng như tơ thì nay lại đen như mực. Thấy vậy bà Lão hỏi han thì ông lão đã kể cho biết câu chuyện cái cây biết yêu nhau mà ông đã thấy ở trong rừng và chuyện ông đã ăn củ cây ấy. Thì ra vì liều ăn củ cây kỳ khôi ấy mà ông đã bị ngủ mê mệt và vì thuốc ở trong củ ấy đã cho ông sức khỏe và làm cho tóc, râu, lông mày, lông mi của ông đang bạc bỗng trở nên đen như lúc còn niên-thiếu.

Thế rồi tin ấy truyền đi khắp làng, khắp tổng, khiến hàng trăm người đến hỏi thăm ông lão họ Hà và theo ông vào trong rừng xem cái cây lạ ấy. Từ đấy về sau, ông lão vào rừng đốn củi lại tìm loài cây ấy dùng que đào củ mang về để hai vợ chồng ăn. Quả nhiên, càng ăn càng thấy khỏe, 70 tuổi mà hai vợ chồng bỗng trở nên tráng-kiện, da dẻ hồng hào, sức lực như thể còn trai trẻ và đến cuối năm bà lão có mang đẻ được một cậu con giai.

Tin « lão-bạng sinh-châu » làm cho bao nhiêu người, nhất là những ai hiếm con, kéo đến thăm ông lão để hoặc xin ông ít củ về ăn, hoặc mang dao, cuốc vào rừng đào lấy củ về nhà làm thuốc cầu-tự. Nhưng có một điều lạ là những củ của ông lão họ Hà cho ai thì dùng điều có kiến-hiệu, còn những củ do các người mang sẻng, cuốc vào rừng lấy thì chẳng thấy công-hiệu chút nào. Từ đấy về sau, ông lão sinh được cả thẩy mười người con

và hai vợ chồng thọ hơn 100 tuổi. Gần xa ai cũng biết tiếng ông ta và cái cây ấy được mọi người chuộng nhưng không biết tên là gì mà chỉ biết củ nó đã làm cho tóc trên đầu ông lão họ Hà trước bạc phơ đã trở nên đen cho nên họ gọi là cây *Hà-Thủ-Ô*, tức là cây làm « đen đầu họ Hà ». Vì cứ đêm đến thì cành của cây Hà-Thủ-Ô quấn-quýt với nhau cho nên có người lại đặt tên là *Dạ-Giao-Đằng*, nghĩa là cái dây biết giao hợp về ban đêm. Cây ấy về sau trở nên một vị thuốc cầu-tự và cải-lão hoàn-đồng trong y-giới, và người ta đã tặng cho cây ấy cái biệt hiệu là « Trường sinh thảo ».

Đấy là câu chuyện cổ-tích về cây Hà-Thủ-Ô đã được truyền tụng trong dân chúng Việt-Nam và mỗi khi có ai hiếm hoi hoặc già yếu và nhất là muốn sống lâu thì người ta không ngần ngại gì mà không khuyên tìm vị thuốc Hà-Thủ-Ô để uống.

CHÚ THÍCH: Ngày nay, trong y học Á-Đông, và cả Âu-Mỹ cũng đều biết cây Hà-Thủ-Ô và tính chất quý hóa của nó. Cây Hà-Thủ-Ô, tên khoa-học là **Tylophora ovata Hook** hay **Apocynum juventas Lourei,** thuộc về loại Asclépiadacées, cùng với dây thiên-lý người Tầu gọi là Ho Ssen-U. Tại các rừng ở Trung-Bộ và Bắc-Bộ thường mọc rất nhiều, nhất là ở gần núi đá vôi ; lá cây Hà-Thủ-Ô nom như lá sen nhỏ, củ có khi to, cân nặng đến 6,7 cân. Trong củ có một chất bổ, có tính cách làm cho mạch máu đều hòa, và làm cho cơ thể già nua trở nên tráng-kiện. Chất bổ ấy kỵ với loài kim cho nên lúc bào-chế và dùng củ Hà-Thủ-Ô, người ta kiêng không dùng đến dao hay khí cụ bằng sắt hay đồng, mà chỉ dùng tre nứa, gỗ hay sành, thủy-tinh. Có lẽ vì thế cho nên truyện cũng nói rằng vì ông lão họ Hà đào củ cây bằng tay cho nên củ đem dùng mấy hiệu-nghiệm, còn những củ do các người khác tự vào rừng lấy dao và cuốc bằng kim-khí để đào cho nên mất kiến-hiệu đi. Và trải bao thế kỷ, từ khi biết cây Hà-Thủ-Ô mà vẫn có nhiều người chưa được toại-ý muốn để theo gương ông Bành Tổ, phải chăng là tại phương-pháp bào-chế và dùng cây chưa đúng lối chăng?

MỤC LỤC

		Trang
	TỰA	5
1 —	Thủ-phạm chỉ là một con cá	7
2 —	Câu chuyện dủi do của ba người lính Lê-Dương	14
3 —	Một thứ nấm giết được loài dế dũi	20
4 —	Rắn phủ mèo	27
5 —	Con chó, con gà — ba ba, con cóc	33
6 —	Tò vò mà nuôi con rện	43
7 —	Người ăn bọ xít	48
8 —	Ma nêm	55
9 —	Đông trùng hạ thảo	63
10 —	Một buổi đánh đồng thiếp	67
11 —	Con cóc là cậu Ông Giời	79
12 —	Vụ án Trúc-Đào	83
13 —	Con ma Lọ	98
14 —	Cây Đoạn-trường-thảo	105
15 —	Cây Trường-sinh-thảo	114

Giấy phép số 113 ngày 20-3-1950
của Nha Tổng Giám-Đốc Thông-Tin
VIỆT-NAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

SÁCH NÀY IN XONG NGÀY 10-6-50
NGOÀI 5.000 BẢN GIẤY THƯỜNG,
CÓ IN THÊM : 200 BẢN GIẤY TỐT
CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ : 40
BẢN ĐÁNH SỐ TỪ NCH 1 ĐẾN
NCH 20 VÀ VĐT 1 ĐẾN VĐT 20
KHÔNG BÁN, 160 BẢN ĐÁNH SỐ
TỪ VH 1 ĐẾN VH 160 DÀNH
CHO CÁC BẠN YÊU SÁCH QUÝ

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

Nhà in VŨ-HÙNG — Hà-Nội
Trình-bầy, Ấn-loát và Xuất-bản
— IN LẦN THỨ NHẤT —

CÙNG MỘT SOẠN-GIẢ

ĐÃ XUẤT-BẢN:

— Giồng cây ăn quả *in lần thứ hai*
— Nghề giồng rau *in lần thứ hai*
— Cây dùng trong kỹ nghệ *in lần thứ nhất*
— Tiếng nói của đồng ruộng, hay là Ca dao tục ngữ về nghề nông V. N. *Loại sách Hiểu, Biết*
— Chuyện khoa-học Việt-Nam

SẼ XUẤT-BẢN, ĐƯƠNG SOẠN:

— Nước Việt-Nam tại các hội-nghị Quốc-tế
— Tương lai của bèo dâu dùng làm phân bón ruộng tại phía Bắc V. N.
— Cây đầu run
— Xem cây mọc dại có thể biết đất xấu, tốt
— Canh nông thực hành
— Công nghệ thực hành
— Nghề chăn nuôi thực hành
— Vụ án Trúc-Đào (kịch thơ khoa học lịch-sử)

Giá: { loại giấy thường Hà-Nội: **10$**
— — Công sở, các nơi: **12$**

BRAIRIE GÉNÉRALE
MHOA THUXA
Francis Garnier 61
HANOI
LLÉPHONE N° 346